



FIGURES & EVENTS REVIEW  
OF THE GSO (MPI)

# TẠP CHÍ **Con số SỰ KIỆN**

ISSN 2734-9136

TẠP CHÍ CỦA TỔNG CỤC THỐNG KÊ | BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ | NĂM THỨ 62 - Số 644 / Kỳ II - 4/2023



**ĐỘNG LỰC ĐÓNG GÓP CHÍNH  
CHO TĂNG TRƯỞNG GDP QUÝ I  
VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN MỤC TIÊU  
TĂNG TRƯỞNG CẢ NĂM 2023**



**ẢNH HƯỞNG CỦA CHUYỂN DỊCH  
CƠ CẤU LAO ĐỘNG TỚI TĂNG TRƯỞNG  
NĂNG SUẤT LAO ĐỘNG XÃ HỘI  
CỦA VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2016-2021**



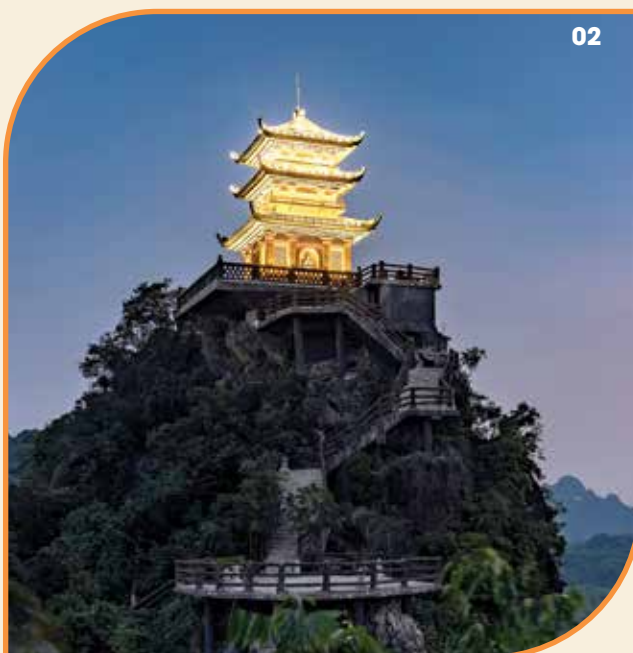
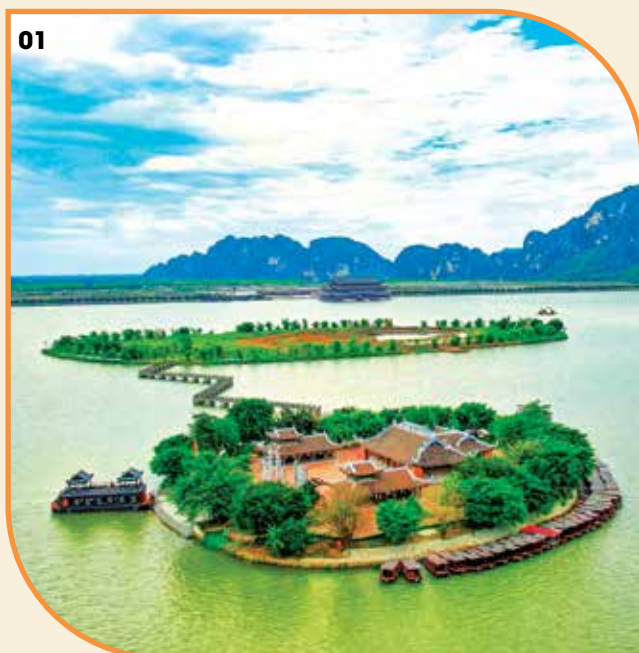
**NGHIÊN CỨU, HOÀN THIỆN  
NGUỒN THÔNG TIN VÀ PHƯƠNG PHÁP  
TÍNH GIÁ TRỊ SẢN XUẤT  
HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ NÔNG NGHIỆP**



**HÀ NAM  
HỘI NHẬP VÀ PHÁT TRIỂN**

# BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TỈNH HÀ NAM

## ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG, TIẾN ĐỘ, GÓP PHẦN XÂY DỰNG, KIẾN THIẾT VÀ THÚC ĐẨY KINH TẾ - XÃ HỘI ĐỊA PHƯƠNG



Ảnh 01, 02: Nhờ hạ tầng kỹ thuật được đầu tư đồng bộ, Khu du lịch Tam Chúc trở thành điểm sáng về du lịch của Hà Nam với khả năng thu hút 5 đến 10 triệu du khách du lịch mỗi năm

Ảnh 03, 04: Dự án “Nút giao Phú Thứ và tuyến đường kết nối tại xã Tiên Hiệp” đang được xây dựng kết nối các tuyến đường vành đai 5, cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình sẽ thúc đẩy phát triển kinh tế khu vực huyện Kim Bảng, phía Bắc thành phố Phủ Lý và phía Nam thị xã Duy Tiên

## TỔNG CỤC THỐNG KÊ THÔNG BÁO QUYẾT ĐỊNH CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ VỀ VIỆC ĐIỀU ĐỘNG, BỔ NHIỆM PHÓ TỔNG CỤC TRƯỞNG

Sáng ngày 17/4/2023, tại Hà Nội, Tổng cục Thống kê (TCTK) đã tổ chức họp thông báo Quyết định của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư (KH&ĐT) về việc điều động, bổ nhiệm Phó Tổng cục trưởng TCTK. Tổng cục trưởng Nguyễn Thị Hương tham dự và chủ trì buổi họp.

Tham dự buổi họp trực tiếp có các Phó Tổng cục trưởng: Nguyễn Trung Tiến, Nguyễn Thanh Dương; lãnh đạo các Vụ, Văn phòng Tổng cục, Cục Thu thập dữ liệu và Ứng dụng công nghệ thông tin thống kê, các đơn vị sự nghiệp thuộc TCTK. Buổi họp được kết nối trực tuyến với 2 trường Cao đẳng Thống kê và 63 Cục Thống kê của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Tại buổi họp, đại diện Vụ Tổ chức cán bộ (TCTK) đã đọc Quyết định số 599/QĐ-BKHĐT của Bộ trưởng Bộ KH&ĐT ngày 06/4/2023 điều động, bổ nhiệm ông Nguyễn Thanh Dương, Vụ trưởng Vụ Kinh tế nông nghiệp - Bộ KH&ĐT giữ chức Phó Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê, thời hạn 5 năm kể từ ngày 10/4/2023.

Phát biểu chào mừng Tân Phó Tổng cục trưởng Nguyễn Thanh Dương, Tổng cục trưởng Nguyễn Thị Hương gửi lời chúc mừng và bày tỏ mong muốn trên cương vị mới, Phó Tổng cục trưởng Nguyễn Thanh Dương sẽ cùng tập thể Lãnh đạo Tổng cục tạo nên khối đoàn kết để lãnh đạo, chỉ đạo ngành Thống kê ngày càng phát triển. Đồng thời, Tổng cục trưởng Nguyễn Thị Hương thông báo tới toàn thể đại biểu tham dự về Quyết định số 379/QĐ-TCTK ngày 13/4/2023 về việc phân công công tác



của Lãnh đạo Tổng cục. Theo đó, Tổng cục trưởng giao đồng chí Nguyễn Thanh Dương phụ trách và chỉ đạo hoạt động của 4 đơn vị, gồm: Vụ Thống kê Nông, Lâm nghiệp và Thủy sản, Vụ Thống kê Xã hội và Môi trường, Tạp chí Con số và Sự kiện, Nhà xuất bản Thống kê. Qua đó, Tổng cục trưởng đề nghị Phó Tổng cục trưởng Nguyễn Thanh Dương sớm tiếp cận nhiệm vụ chung của Ngành, nhiệm vụ của đơn vị được giao phụ trách để lãnh đạo, chỉ đạo các đơn vị hoàn thành tốt nhiệm vụ công tác năm 2023 và những năm tiếp theo. Đồng thời đề nghị đồng chí Nguyễn Thanh Dương sớm đề xuất, bố trí chuyển công tác trực tiếp tới một số Cục Thống kê địa phương nhằm nắm bắt các công việc cụ thể để triển khai nhiệm vụ, chỉ đạo điều hành thống nhất, thông suốt từ trung ương đến địa phương trong thời gian hiện nay cũng như chuẩn bị cho các kế hoạch công việc sắp tới.

Phát biểu nhận nhiệm vụ, Phó Tổng cục trưởng Nguyễn Thanh Dương gửi lời cảm ơn chân thành tới Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Lãnh đạo Tổng cục Thống kê đã tin tưởng điều động, bổ nhiệm. Trên cương vị mới, tân Phó Tổng cục trưởng TCTK Nguyễn Thanh Dương cam kết sẽ nỗ lực hết sức,

cùng lãnh đạo Tổng cục Thống kê, thủ trưởng các đơn vị trong toàn ngành cụ thể hóa các chỉ đạo giao nhiệm vụ của lãnh đạo Bộ KH&ĐT, phân công nhiệm vụ của lãnh đạo TCTK, tiếp thu các ý kiến chỉ đạo của Tổng cục trưởng, thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị được giao; không ngừng phấn đấu nâng cao vị thế của TCTK, Bộ KH&ĐT; đóng góp tích cực vào sự phát triển của đất nước.

Trong bối cảnh nền kinh tế đất nước đang đổi mới và phát triển mạnh như hiện nay, việc thu thập, công bố thông tin kịp thời, chính xác có ý nghĩa rất quan trọng, Phó Tổng cục trưởng Nguyễn Thanh Dương nhấn mạnh sẽ cùng tập thể lãnh đạo Tổng cục, cán bộ công chức, viên chức trong toàn ngành cải tiến phương pháp, công cụ thống kê, xây dựng đội ngũ cán bộ thống kê có năng lực, trách nhiệm cao, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của sự phát triển kinh tế - xã hội đất nước. Qua đó, Phó Tổng cục trưởng Nguyễn Thanh Dương cũng bày tỏ mong muốn sẽ nhận được sự hỗ trợ, giúp đỡ của Lãnh đạo Tổng cục, thủ trưởng các đơn vị chức năng của TCTK và cán bộ công chức, viên chức toàn ngành để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao./

**Thu Hiền**

## **HỘI NGHỊ CÔNG BỐ QUYẾT ĐỊNH CỦA TỔNG CỤC TRƯỞNG TCTK VỀ CÔNG TÁC CÁN BỘ CỦA VĂN PHÒNG TCTK VÀ TẠP CHÍ CON SỐ VÀ SỰ KIỆN**



Sáng ngày 13/4/2022, tại Hà Nội, Tổng cục Thống kê (TCTK) đã tổ chức Hội nghị Công bố Quyết định của Tổng cục trưởng TCTK về công tác cán bộ. Phó Tổng cục trưởng Nguyễn Trung Tiến tham dự và chủ trì Hội nghị. Tham dự Hội nghị có đại diện lãnh đạo các đơn vị thuộc và trực thuộc TCTK, toàn thể viên chức Tạp chí Con số và Sự kiện.

Tại Hội nghị, đại diện lãnh đạo Vụ Tổ chức cán bộ (TCTK) đã công bố Quyết định số 343/QĐ-TCTK ngày 31/03/2023 về việc tiếp nhận vào công chức và điều động, bổ nhiệm có thời hạn bà Nguyễn Thị Thanh Hương, Tổng biên tập Tạp chí Con số và Sự kiện giữ chức vụ Phó Chánh Văn phòng Tổng cục Thống kê; Quyết định Số 344/QĐ-TCTK ngày 31/03/2023 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê về việc giao nhiệm vụ cho bà Bùi Bích Thủy, Phó Tổng biên tập Tạp chí Con số và Sự kiện phụ trách Tạp chí Con số và Sự kiện kể từ ngày 15/3/2023.

Phát biểu tại Hội nghị, Phó Tổng cục trưởng Nguyễn Trung Tiến cho biết, khi Tạp chí tăng kỳ xuất bản từ 1 kỳ lên 2 kỳ/tháng; và trang web Tạp chí điện tử Con số và Sự kiện đi vào hoạt động vào cuối năm 2019 khiến khối lượng công việc tăng lên, đồng chí Nguyễn Thị Thanh Hương (Tổng biên tập Tạp chí nhiệm kỳ 2013-2018; 2018-2023) đã nỗ lực cùng tập thể viên chức của Tạp chí đoàn kết đồng lòng, vượt qua khó khăn, từng bước đưa Tạp chí hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ được giao. Giao nhiệm vụ cho đồng chí Nguyễn Thị Thanh Hương và đồng chí Bùi Bích Thủy, Phó Tổng cục trưởng Nguyễn Trung Tiến mong rằng, trên cương vị mới, đồng chí Nguyễn Thị Thanh Hương tiếp tục phát huy năng lực hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao;

Đồng chí Bùi Bích Thủy tiếp tục lãnh đạo đơn vị giữ vững nền tảng, truyền thống và những kết quả đã đạt được, phát triển và mạnh dạn đổi mới Tạp chí, nhất là trong bối cảnh báo chí - truyền thông đang có những chuyển biến rất nhanh để đáp ứng yêu cầu mới đặt ra.

Đại diện phát biểu nhận nhiệm vụ, đồng chí Bùi Bích Thủy - Phó Tổng biên tập phụ trách Tạp chí Con số và Sự kiện trân trọng bày tỏ lời cảm ơn sâu sắc tới Lãnh đạo Tổng cục, Ban Thường vụ Đảng ủy đã tin tưởng và giao trọng trách; cảm ơn đồng chí Nguyễn Thị Thanh Hương - Nguyên Tổng biên tập Tạp chí Con số và Sự kiện đã tin tưởng, giới thiệu; cảm ơn tới lãnh đạo các đơn vị thuộc Tổng cục thời gian qua đã luôn ủng hộ Tạp chí hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao; đặc biệt cảm ơn tới toàn thể viên chức Tạp chí đã cùng đồng lòng đoàn kết thực hiện tốt mọi nhiệm vụ được giao. Đồng chí Bùi Bích Thủy hứa với Lãnh đạo Tổng cục, các đồng chí lãnh đạo Tạp chí tiên nhiệm sẽ nỗ lực, đoàn kết cùng toàn thể viên chức Tạp chí hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao; và hứa sẽ tiếp tục trau dồi học tập, tu dưỡng bản thân, hoàn thiện mình hơn nữa để bắt nhịp với vị trí công tác mới. Đồng chí cũng mong muốn tiếp tục nhận được sự quan tâm, lãnh đạo, chỉ đạo sát sao của các đồng chí Lãnh đạo Tổng cục; sự phối kết hợp chặt chẽ của các đơn vị trong và ngoài ngành, đặc biệt mong tiếp tục nhận được sự đồng hành của toàn thể viên chức của Tạp chí nhằm xây dựng đơn vị ngày càng vững mạnh, đóng góp công sức vào sự phát triển vượt bậc của ngành Thống kê./.

**T.H**

Sáng ngày 10/4/2023, Tổng cục Thống kê tổ chức họp giao ban quý I/2023 báo cáo tình hình triển khai các dự án xây dựng cơ bản đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025. Tổng cục trưởng Nguyễn Thị Hương tham dự và chủ trì cuộc họp. Tham dự cuộc họp có Phó Tổng cục trưởng Nguyễn Trung Tiến, Chủ đầu tư (Văn Phòng Tổng cục), đơn vị tư vấn, các Tổ công tác, thủ trưởng các đơn vị thụ hưởng dự án. Cuộc họp được kết nối với 45 điểm cầu của các Cục Thống kê, Chi Cục Thống kê có dự án đầu tư xây dựng cơ bản.

Phát biểu khai mạc cuộc họp, Tổng cục trưởng Nguyễn Thị Hương cho biết, theo quy định việc triển khai đầu tư công không thực hiện riêng lẻ tại từng Cục Thống kê địa phương mà được gom lại một đầu mối do Văn phòng Tổng cục Thống kê làm chủ đầu tư. Thực hiện theo hình thức này đòi hỏi sự phối hợp rất chặt chẽ của đơn vị chủ trì và các đơn vị có liên quan. Vì là mới nên trong quá trình thực hiện sẽ nảy sinh những vướng mắc, do đó Tổng cục trưởng Nguyễn Thị Hương yêu cầu các đơn vị liên quan trao đổi trên tinh thần thẳng thắn, cởi mở để giải quyết các vấn đề, vì mục tiêu cao nhất nhằm tạo ra những giá trị tốt nhất, cơ sở vật chất cho ngành, cho các công chức, viên chức của Ngành trong hiện tại và tương lai.

Tại cuộc họp, ông Nguyễn Bình - Chánh Văn phòng Tổng cục, đại diện Chủ đầu tư báo cáo đại biểu tham dự về tình hình triển khai các dự án xây dựng cơ bản đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025.

Theo đó, năm 2022, các dự án chuẩn bị đầu tư đã cơ bản

## TỔNG CỤC THỐNG KÊ GIAO BAN TRIỂN KHAI CÁC DỰ ÁN XÂY DỰNG CƠ BẢN ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021 – 2025

được triển khai xong với tổng số 25 dự án, trong đó, cấp Chi cục là 18 dự án, cấp Cục là 6 dự án, cấp Tổng cục là 1; giải ngân 100% vốn đầu tư được giao. Đã thương thảo và ký kết hợp đồng với 13 dự án về khảo sát xây dựng, 25 dự án lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật; 25 đơn vị thẩm tra báo cáo kinh tế kỹ thuật; 25 đơn vị Quản lý dự án.

Tính đến ngày 31/3/2023, có 04 dự án trình Vụ KHTC tiến hành thẩm định, 16 dự án đang tiến hành thẩm tra, 03 dự án đã thống nhất thiết kế kiến trúc nhưng chưa xong báo cáo kinh tế - kỹ thuật, 01 dự án phát sinh hoạt động kiểm định nên phải chờ kết quả kiểm định tư vấn mới lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật, 02 dự án chưa thống nhất thiết kế kiến trúc chung để xây dựng báo cáo kinh tế - kỹ thuật.

Về công tác giải ngân năm 2023 đối với các dự án chuẩn bị đầu tư năm 2022, tổng số vốn đầu tư được giao năm 2023 là: 9.381 triệu đồng; trong đó: giao cho 25 dự án năm 2022 là 4.804 triệu đồng và giao cho 29 dự án mới năm 2023 là 4.577 triệu đồng. Đến ngày 31/3/2023, 13 Dự án có hoạt động khảo sát xây dựng đang hoàn thiện hồ sơ, xác nhận khối lượng, thanh lý hợp đồng chuyển kho bạc thanh toán.

Đối với các dự án năm 2023, có 29 dự án được thông báo vốn thực hiện và đang được thực hiện đảm bảo tiến độ giai đoạn 1. Tính đến ngày 31/3/2023, có 17/23 dự án đã tiến hành khảo sát xây dựng, 13 dự án đang tiến hành khảo sát phương án và lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật. Có 04 dự án đã thống nhất thiết kế kiến trúc; 12 dự án chưa triển khai, trong đó 10 dự án vướng đất dự án.



Trong Quý II/2023, VPTC xác định phương hướng thực hiện các dự án đầu tư XDCB. Trong đó nhấn mạnh, đối với hoạt động giải ngân: Hoàn thiện hồ sơ dự án để quyết toán hoạt động khảo sát, tư vấn lập báo cáo kinh tế kỹ thuật của 25 dự án khởi động năm 2022; hoàn thiện hồ sơ và tạm ứng hoạt động khảo sát, tư vấn lập báo cáo kinh tế kỹ thuật của 29 dự án khởi động năm 2023. Đối với hoạt động triển khai dự án, tiếp tục hoàn thiện và quyết toán hoạt động khảo sát của 13 dự án khởi động năm 2022, hoàn thiện hồ sơ để tạm ứng 23 dự án khảo sát năm 2023; Phối hợp với các đơn vị liên quan đẩy mạnh các phần công việc nhằm đảm bảo tiến độ dự án; Tập trung cao độ cho các dự án trọng điểm như trụ sở các Cục Thống kê, Cục TTDL, trường Cao đẳng Thống kê và Cao đẳng Thống kê II; Cập nhật tài liệu các dự án lên phần mềm quản lý Tài liệu của Tổng cục Thống kê để các Tổ công tác và đơn vị thụ hưởng dự án chủ động phối hợp thực hiện.

Trong phần thảo luận, Chủ đầu tư, đơn vị tư vấn đã trả lời một số ý kiến thắc mắc của các đơn vị có dự án chậm tiến độ triển khai.

Phát biểu tại cuộc họp, Phó Tổng cục trưởng Nguyễn Trung Tiến lưu ý các đơn vị cần nhắc về diện tích đất sử dụng để xây dựng, sửa chữa, phù hợp với công năng, định mức diện tích sử dụng; đồng thời lưu ý một số đơn vị cần nhắc vị trí xây dựng mới trụ sở dựa theo dự án sát nhập địa giới hành chính của nhà nước cho phù hợp, tuân thủ chủ trương đã phê duyệt...

Kết thúc cuộc họp, Tổng cục trưởng Nguyễn Thị Hương đánh giá cao Văn phòng Tổng cục, dù nhận nhiệm vụ khó, lần đầu tiên triển khai nhưng đã rất tích cực vừa làm vừa thực hiện đúng quy chế, cố gắng làm rõ vai trò của từng đơn vị, xác định rõ vị trí, trách nhiệm của từng đơn vị với từng phần việc. Tổng cục trưởng cũng nhất trí với ý kiến của Phó Tổng cục trưởng Nguyễn Trung Tiến về việc tuân thủ đúng chủ trương đã phê duyệt; và cũng yêu cầu cần có giám sát cụ thể, phân công, kiểm tra chéo; thông báo tiến độ dự án thường xuyên... giúp cho việc triển khai các dự án đầu tư xây dựng cơ bản được hiệu quả./.

T.H

## HỘI THẢO LẦN 2 GÓP Ý DỰ THẢO KHUNG THEO DÕI, ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN THỐNG KÊ VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045

Sáng ngày 17/4/2023, tại Hà Nội, Tổng cục Thống kê (TCTK) tổ chức Hội thảo góp ý dự thảo Khung theo dõi, đánh giá thực hiện Chiến lược Thống kê Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045. Tổng cục trưởng Nguyễn Thị Hương tham dự và chủ trì buổi Hội thảo. Tham dự Hội thảo có các Phó Tổng cục trưởng: Nguyễn Trung Tiến, Nguyễn Thanh Dương, lãnh đạo các Vụ, Chánh Văn phòng Tổng cục, Cục Thu thập dữ liệu và Ứng dụng công nghệ thông tin thống kê, thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp thuộc TCTK. Buổi Hội thảo được kết nối trực tuyến với các Cục Thống kê của 63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 (viết gọn là Chiến lược) được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 2014/QĐ-TTg ngày 01/12/2021. Sau khi Chiến lược được phê duyệt, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã ban hành Kế hoạch thực hiện Chiến lược của quốc gia; các bộ, ngành, địa phương phương xây dựng và ban hành Kế hoạch thực hiện Chiến lược của đơn vị. Nhằm giám sát việc triển khai thực hiện, đảm bảo các mục tiêu, kế hoạch đề ra trong Chiến lược đều được các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện nghiêm túc, đạt hiệu quả, Tổng cục Thống kê đang tiến hành xây dựng dự thảo Khung theo dõi, đánh giá thực hiện Chiến lược. Dự thảo Khung theo dõi, đánh giá Chiến lược đã được lấy ý kiến lần 1 tại Hội thảo ngày 17/11/2022.

Phát biểu tại cuộc họp lấy ý kiến lần 2, Tổng cục trưởng Nguyễn Thị Hương nhấn mạnh, Khung theo dõi, đánh giá Chiến lược cần được xây dựng với những hướng dẫn chi tiết, làm rõ thêm để đưa ra được những đánh giá khách quan hàng năm. Qua

đây, Tổng cục trưởng Nguyễn Thị Hương đề nghị Viện KHTK làm rõ những nội dung thay đổi so với kỳ trước, sự thay đổi được thể hiện ở từng phần hay toàn bộ. Ngoài ra, cần làm rõ nhiệm vụ cụ thể của từng cá nhân, nhất là về đối tượng sẽ đánh giá các chỉ tiêu cấp quốc gia, nguồn gốc dữ liệu làm căn cứ đánh giá; phân công nhiệm vụ rõ ràng. Tổng cục trưởng đề nghị trong quá trình thực hiện, các báo cáo cần được thực hiện tuần tự từ xa đến gần, từ khái quát đến từng chi tiết, mối liên kết giữa các chỉ tiêu với Khung đánh giá. Các đơn vị cần nghiên cứu, đóng góp ý kiến về nội dung chính của dự thảo Khung theo dõi, đánh giá và phối hợp chặt chẽ với Viện Khoa học Thống kê là đơn vị đầu mối, để cùng thực hiện nhằm đảm bảo tính khả thi khi triển khai.

Tại Hội thảo, đại diện Viện Khoa học Thống kê đã trình bày Dự thảo Khung theo dõi, đánh giá thực hiện Chiến lược Thống kê Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045. Theo đó, Viện KHTK đã đề xuất 65 chỉ tiêu đánh giá các mục tiêu tổng quát và mục tiêu cụ thể, trong đó có 2 chỉ tiêu đánh giá mục tiêu tổng quát, 63 chỉ tiêu đánh giá nhóm mục tiêu cụ thể. Trong 63 chỉ tiêu đánh giá mục tiêu cụ thể, có 26 chỉ tiêu chính, 22 chỉ tiêu phụ và 15 chỉ tiêu theo dõi.

Góp ý vào Dự thảo Khung theo dõi, đánh giá Chiến lược, hầu hết đại biểu tham dự Hội thảo đều nhất trí với Khung theo dõi, đánh giá Chiến lược được Viện KHTK xây dựng và sửa đổi dựa trên góp ý lần 1. Bên cạnh đó có một số ý kiến tập trung vào các nội dung: Cần xác định thời gian theo dõi, đánh giá thực hiện; Thể hiện chi tiết hơn nữa các quy định trong phụ lục để các địa phương có căn cứ đánh giá, thực hiện; Tin học hóa các quy trình để các đơn vị

có thể thực hiện được hàng năm, từ đó có cơ sở thực hiện đánh giá cuối kỳ và giữa kỳ; Các chỉ tiêu được giao đến các bộ, ngành địa phương cần được rà soát kỹ và xem xét lại khả năng khả thi của nguồn số liệu do địa phương cung cấp; Xác nhận vị trí, nhiệm vụ của từng nhân lực thực hiện công tác thống kê làm cơ sở đánh giá chất lượng thống kê; Thực hiện song hành các Khung đánh giá...

Kết luận tại Hội thảo, Tổng cục trưởng Nguyễn Thị Hương đánh giá cao Viện Khoa học Thống kê với nguồn nhân lực có hạn, thời gian có hạn, lần đầu thực hiện công việc này nhưng đã đưa ra được Dự thảo Khung theo dõi đánh giá Chiến lược rất bài bản, có nhiều đổi mới và thể hiện được sự phối hợp chặt chẽ với các đơn vị. Qua các ý kiến đóng góp tại Hội thảo, Tổng cục trưởng đề nghị một số nội dung: Thống nhất cách thức ban hành Khung theo dõi, đánh giá Chiến lược tập trung vào phạm vi thời gian của giai đoạn 2021-2030. Về cách thức, sẽ đánh giá theo các mục tiêu của Chiến lược với từng hoạt động cụ thể, các hoạt động cần gắn được với mục tiêu; xem xét, rà soát kỹ Khung thực hiện Chiến lược; trong quá trình triển khai cần đánh giá được tiến độ thực hiện từ khi bắt đầu đến khi hoàn thành; cần phối hợp thêm với các đơn vị và làm rõ các chỉ tiêu; đồng thời có sự so sánh với khu vực, quốc tế làm căn cứ đánh giá. Các Chỉ tiêu cần tập trung vào tính khả thi, so sánh quốc tế; làm rõ nguyên tắc, phân công phối hợp giữa các đơn vị, giữa địa phương, bộ, ngành trên cả nước... Theo đó, Tổng cục trưởng Nguyễn Thị Hương yêu cầu Viện KHTK tiếp tục hoàn thiện, các đơn vị có liên quan, đặc biệt là các địa phương phối hợp thực hiện theo các nội dung đã được phân công./.

T.H

# TỔNG CỤC THỐNG KÊ HỌP BÁO TÌNH HÌNH LAO ĐỘNG VIỆC LÀM QUÝ I NĂM 2023

Sáng ngày 06/4/2023, tại Hà Nội, Tổng cục Thống kê (TCTK) tổ chức họp báo Tình hình lao động việc làm quý I năm 2023. Phó Tổng cục trưởng TCTK Nguyễn Trung Tiến chủ trì buổi họp báo.

Tham dự buổi họp báo trực tiếp có đại diện lãnh đạo và chuyên viên các đơn vị thuộc TCTK; đại diện các bộ, ngành có liên quan; các cơ quan báo chí và truyền thông; đại diện lãnh đạo Cục và lãnh đạo phòng các Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc TW có đăng ký tham dự trực tuyến.

Phát biểu tại buổi họp báo, Phó Tổng cục trưởng TCTK Nguyễn Trung Tiến cho biết, theo báo cáo tình hình kinh tế - xã hội tháng Ba và 03 tháng đầu năm 2023 của TCTK, tình hình thế giới tiếp tục có sự biến động phức tạp, khó lường, lạm phát tuy đã giảm, nhưng vẫn ở mức cao, tiềm ẩn nhiều rủi ro, chính sách tiền tệ tiếp tục thắt chặt, tiêu dùng và các hoạt động kinh tế tiếp tục suy giảm... Trong nước, với quyết tâm tạo động lực đột phá để phát triển kinh tế-xã hội đạt mục tiêu đề ra, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo sát sao các bộ, ngành, địa phương tập trung triển khai thực hiện Nghị quyết 01 của Chính phủ, Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế-xã hội và Chỉ thị 03 của Thủ tướng Chính phủ về các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm sau Tết Nguyên đán nền kinh tế - xã hội Quý I năm 2023 của nước ta đạt được kết quả tích cực, tổng sản phẩm trong nước (GDP) quý I/2023 ước tính tăng 3,32% so với cùng kỳ năm trước. Theo đó, thị trường lao động quý I năm 2023 tiếp tục đà phục hồi.

Tại buổi họp báo, đại diện TCTK, ông Phạm Hoài Nam, Vụ trưởng Vụ Thống kê Dân số và Lao động trình bày Báo cáo tổng quan về tình hình lao động việc làm quý I năm 2023. Theo đó, thị trường lao động quý I



năm 2023 tiếp tục duy trì đà phục hồi. Lực lượng lao động, số người có việc làm quý I năm 2023 tiếp tục tăng so với quý trước và so với cùng kỳ năm trước. Thu nhập bình quân tháng của người lao động tăng so với quý trước và so với cùng kỳ năm trước. Bên cạnh đó, tỷ lệ thất nghiệp và thiếu việc làm trong độ tuổi lao động giảm so với quý trước và giảm so với cùng kỳ năm trước.

Lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên trong quý I năm 2023 là 52,2 triệu người, tăng 88,7 nghìn người so với quý trước và tăng hơn một triệu người so với cùng kỳ năm trước. Tỷ lệ tham gia lực lượng lao động quý I năm 2023 là 68,9%, không thay đổi so với quý trước và tăng 0,8 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm trước. Tỷ lệ tham gia lực lượng lao động của nữ giới là 62,9% và tỷ lệ này của nam giới là 75,3%.

Số người từ 15 tuổi trở lên có việc làm quý I năm 2023 là 51,1 triệu người, tăng 113,5 nghìn người so với quý trước và tăng 1,1 triệu người so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, số lao động có việc làm ở khu vực thành thị là 18,9 triệu người (chiếm 37,0%), tăng 120,9 nghìn người so với quý trước và tăng 386,4 nghìn người so với cùng kỳ năm trước, lao động có việc làm ở khu vực nông thôn đạt 32,2 triệu người, giảm 7,3 nghìn người so với quý trước và tăng 726,4 nghìn người so với cùng kỳ năm trước.

Số người thiếu việc làm trong độ tuổi quý I năm 2023 là khoảng 885,5 nghìn người, giảm 12,4 nghìn người so với quý trước và giảm 443,1 nghìn người so với cùng kỳ năm trước.

Thu nhập bình quân tháng của người lao động quý I năm 2023 là 7,0 triệu đồng, tăng 197 nghìn đồng so với quý trước và tăng 640 nghìn đồng so với cùng kỳ năm trước. Cụ thể, số người thất nghiệp trong độ tuổi lao động quý I năm 2023 là khoảng 1,05 triệu người, giảm 34,6 nghìn người so với quý trước và giảm 65,1 nghìn người so với cùng kỳ năm trước. Tỷ lệ thất nghiệp trong độ tuổi lao động quý I năm 2023 là 2,25%, giảm 0,07 điểm phần trăm so với quý trước và giảm 0,21 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm trước.

Trong giai đoạn từ quý I năm 2010 đến quý I năm 2023, số lao động làm công việc tự sản tự tiêu liên tục giảm dần qua các quý. Con số này của quý I năm 2023 là 4,0 triệu người, giảm 0,2 triệu người so với quý trước và giảm 0,8 triệu người so với cùng kỳ năm trước. Số lao động này chủ yếu ở khu vực nông thôn. Gần hai phần ba số người làm công việc tự sản tự tiêu quý I năm 2023 là nữ giới (chiếm 62,9%).

Cũng tại buổi họp báo, đại diện TCTK đã trao đổi và làm rõ các thông tin cũng như các câu hỏi về thị trường lao động việc làm quý I năm 2023 của các phóng viên và đại biểu tham dự./

**Thu Hòa**

## ĐOÀN CÔNG TÁC TỔNG CỤC THỐNG KÊ GIÁM SÁT ĐIỀU TRA DOANH NGHIỆP TẠI THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG



*Đoàn công tác của TCTK giám sát Điều tra doanh nghiệp 2023 tại Công ty TNHH Thép JFE Shoji Hải Phòng, ngày 6/4/2023*

**Đ**ể kịp thời nắm bắt thông tin về khó khăn, vướng mắc trong thực hiện Điều tra doanh nghiệp năm 2023 và các yêu cầu của doanh nghiệp trong tiếp cận và sử dụng thông tin thống kê, ngày 6/4/2023, Cục Thu thập dữ liệu và Ứng dụng công nghệ thông tin thống kê (Tổng cục thống kê) đã thành lập đoàn công tác giám sát điều tra Doanh nghiệp tại Thành phố Hải Phòng.

Tham gia đoàn công tác có Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê Nguyễn Thị Hương, bà Vũ Thị Thu Thủy - Cục trưởng Cục Thu thập dữ liệu và Ứng dụng công nghệ thông tin thống kê, đại diện lãnh đạo Cục Thống kê TP. Hải Phòng, Tạp chí Con số và Sự kiện cùng một số cơ quan báo chí ở Trung ương và trên địa bàn tỉnh.

Trong buổi sáng ngày 6/4/2023, nhóm công tác do Lãnh đạo Cục Thu thập dữ liệu và ứng dụng công nghệ thông tin dẫn đầu cùng phóng viên báo, đài đã tiến hành khảo sát thực tế tại Công ty TNHH Thép JFE Shoji Hải Phòng (thuộc Tập Đoàn JFE SHOJI TRADE - Nhật Bản) - một doanh nghiệp FDI qui mô lớn của Thành phố. Trao đổi với đoàn công tác, ông Fumito Okabe - Tổng giám đốc

Công ty TNHH Thép JFE Shoji Hải Phòng cho biết: Mặc dù thời điểm hiện tại dịch Covid-19 đã được kiểm soát, tuy nhiên trong bối cảnh kinh tế toàn cầu suy giảm, Công ty cũng gặp rất nhiều khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh: Đơn hàng giảm, chi phí nguyên vật liệu, chi phí chung tăng, đặc biệt năm 2022 do ảnh hưởng của nền kinh tế Mỹ nên chi phí lãi vay tăng mạnh nằm ngoài tầm kiểm soát của Công ty.

Để ứng phó với những khó khăn trước mắt và tạo đà phát triển khi nền kinh tế hoàn toàn phục hồi, Công ty đã đặt "nguồn lực nhân sự" làm ưu tiên hàng đầu, luôn cân nhắc cải thiện quyền lợi cho người lao động; soát xét quy trình để lên kế hoạch hành động cho mục tiêu cắt giảm chi phí, khuyến khích mạnh mẽ các ý tưởng sáng tạo trong việc nâng cao năng suất, chất lượng và nghiên cứu phát triển lĩnh vực sản xuất kinh doanh mới.

Theo đó, các dữ liệu kinh tế Việt Nam như GDP, CPI, vốn FDI, chỉ số PCI, cán cân thương mại được công ty thường xuyên khai thác và sử dụng... Đây là các thông tin rất cần thiết làm căn cứ để công ty có thể đưa ra các kế hoạch kinh doanh trong ngắn hạn

cũng như dài hạn, vì vậy nếu chính phủ Việt Nam có thể xây dựng được một nền tảng dữ liệu chung trên một trang web sẽ rất hữu ích và hiệu quả cho các nhà đầu tư...

Trả lời câu hỏi của phóng viên về tinh thần hợp tác trong cung cấp thông tin trong điều tra, Ông khẳng định: "Chúng tôi thấy làm báo cáo thống kê trên website rất hiệu quả, tiết kiệm thời gian và nguồn nhân lực, Doanh nghiệp luôn tôn trọng và nghiêm túc trong việc thực hiện báo cáo theo quy định của luật pháp".

Ông đề nghị Ngành Thống kê nên đẩy mạnh tuyên truyền hơn nữa Luật Thống kê để tất cả các doanh nghiệp hiểu việc thực hiện báo cáo thống kê là trách nhiệm và nghĩa vụ chứ không phải chỉ là sự hỗ trợ và hợp tác, nên giới thiệu các biện pháp bảo mật thông tin hiện đang được áp dụng để doanh nghiệp thấy an tâm hơn khi cung cấp các thông tin điều tra.

Cũng trong buổi làm việc, nhóm công tác đã thăm quan công xưởng nhằm nắm bắt tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và tiến hành giám sát công tác kê khai phiếu điều tra điện tử của nhân viên kế toán của Công ty. Qua khảo sát cho thấy, do có sự tập huấn kỹ lưỡng và sự hỗ trợ nghiệp vụ sát sao của các điều tra viên, việc thực hiện kê khai trên phiếu điều tra điện tử đã được Công ty nghiêm túc thực hiện và thao tác thuần thục.

Chiều cùng ngày đoàn công tác Tổng cục Thống kê do Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê Nguyễn Thị Hương làm trưởng đoàn đã có buổi làm việc với Lãnh đạo và công chức Cục Thống kê Hải Phòng về thực hiện kế hoạch công tác năm 2023./.

**P.Lan**





## ĐIỀU TRA DOANH NGHIỆP NĂM 2023 ĐO LƯỜNG “SỨC KHỎE” NỀN KINH TẾ

**Đ**ể có được những quyết sách đúng và đủ nhằm thúc đẩy sự phục hồi của kinh tế nói chung và của các doanh nghiệp nói riêng cần dựa trên những đánh giá, nhận định thông qua các con số thống kê chuẩn xác và kịp thời. Hay nói cách khác, cần phải đo lường, chuẩn đoán chính xác “sức khỏe” của nền kinh tế.

Điều tra Doanh nghiệp năm 2023 được Tổng cục Thống kê (Bộ Kế hoạch và Đầu tư) bắt đầu tiến hành từ ngày 01/4/2023 chính là việc thu thập các thông tin cần thiết giúp “chuẩn đoán” chính xác nhất thực trạng, tình hình “sức khỏe” của nền kinh tế nước ta thông qua tính toán chỉ tiêu Tổng sản phẩm trong nước (GDP), Tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (GRDP) năm 2022, các chỉ tiêu thống kê khác thuộc Hệ thống tài khoản quốc gia và các chỉ tiêu thống kê của các chuyên ngành kinh tế.

Điều tra doanh nghiệp năm 2023 không chỉ có ý nghĩa là phục vụ công tác quản lý, điều hành, đánh giá và dự báo tình hình

kinh tế - xã hội, lập chính sách, kế hoạch phát triển của toàn bộ nền kinh tế và từng địa phương; phục vụ cập nhật cơ sở dữ liệu làm dàn mẫu của các cuộc điều tra thống kê về doanh nghiệp mà còn phục vụ nhu cầu của chính người dùng tin nói chung và của các doanh nghiệp tham gia điều tra nói riêng.

Số liệu của từng doanh nghiệp được kê khai trong cuộc điều tra này chính là những mắt xích giúp tạo ra một bức tranh tổng thể toàn diện nhất, chính xác nhất của toàn bộ nền kinh tế. Chính vì thế, mỗi cá nhân, đơn vị, doanh nghiệp tham gia kê khai số liệu doanh nghiệp cần chủ động phát huy đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình để đảm bảo số liệu mình cung cấp được tốt nhất, chính xác nhất và kịp thời nhất. Số liệu thống kê có chính xác mới giúp Lãnh đạo Đảng, Nhà nước định hướng, ban hành các chính sách phù hợp nhằm điều hành kinh tế - xã hội được tốt hơn, thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển.

Để chất lượng số liệu Điều tra doanh nghiệp năm 2023 được tốt nhất thì việc xác định đúng ngành

sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp cũng như xác định đúng loại hình kinh tế là rất quan trọng. Quá trình này có liên quan mật thiết đến toàn bộ dữ liệu sau này của cuộc điều tra.

Xác định đúng tình trạng hoạt động của các doanh nghiệp trong quá trình điều tra cũng là một trong những vấn đề cần được quan tâm trong quá trình điều tra. Một doanh nghiệp được xác định đúng tình trạng hoạt động sẽ tránh được việc gây nhiễu dữ liệu trong quá trình tổng hợp thông tin.

Số liệu của các doanh nghiệp cũng cần được thu thập đầy đủ, chính xác tránh những sai sót, ví dụ như sai sót về đơn vị tính.

Điều tra doanh nghiệp năm 2023 là năm thứ 4 Tổng cục Thống kê thực hiện thu thập thông tin trực tuyến qua Web. Các doanh nghiệp truy cập vào trang Web <https://thongkedoanhnghiep.gso.gov.vn> theo tài khoản là mã số thuế của doanh nghiệp cùng mật khẩu sẽ được điều tra viên ngành Thống kê cung cấp để thực hiện việc kê khai thông tin của doanh nghiệp. Các doanh nghiệp cần sự

hỗ trợ có thể liên hệ với điều tra viên phụ trách để nhận được sự hướng dẫn trong quá trình kê khai thông tin trên phiếu điều tra nhằm giảm thiểu những sai sót, tạo thuận lợi cho công tác điền phiếu điều tra.

Điều tra doanh nghiệp năm 2023 là một cuộc điều tra có ý nghĩa rất quan trọng với ngành Thống kê, các nhà nghiên cứu và các nhà hoạch định chính sách. Điều tra được tiến hành trên phạm vi 63 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. Các thông tin thu thập của cuộc điều tra này bao trùm toàn bộ các thông tin về tình hình sản xuất kinh doanh của các tập đoàn; tổng công ty; doanh nghiệp; hợp tác xã và các chi nhánh hạch toán độc lập trực thuộc doanh nghiệp.

Điều tra doanh nghiệp năm 2023 có thành công hay không phụ thuộc chính vào sự tham gia, đồng hành và ủng hộ của các doanh nghiệp cung cấp thông tin và các điều tra viên trực tiếp tham gia điều tra.

Các thông tin của doanh nghiệp cung cấp sẽ được bảo mật tuyệt đối theo Luật Thống kê, cơ quan Thống kê chỉ sử dụng cho việc tổng hợp dữ liệu và thực hiện các báo cáo phục vụ quản lý điều hành./.

*Nguồn: Phòng Thông tin và quản lý Dữ liệu hành chính, Cục Thu thập Dữ liệu và Ứng dụng CNTT Thống kê - TCTK)*

# HƯỚNG DẪN KÊ KHAI THÔNG TIN ĐIỀU TRA DOANH NGHIỆP NĂM 2023

## **Điều tra gián tiếp thông qua hình thức thu thập thông tin trực tuyến**

Điều tra doanh nghiệp năm 2023 là cuộc điều tra thực hiện điều tra toàn bộ (áp dụng đối với toàn bộ doanh nghiệp nhằm thu thập thông tin cơ bản về thông tin định danh, ngành nghề sản xuất kinh doanh, lao động, kết quả sản xuất kinh doanh) kết hợp với điều tra chọn mẫu (áp dụng đối với các doanh nghiệp được chọn mẫu điều tra nhằm mục đích mở rộng nội dung điều tra, phục vụ tính các chỉ tiêu chuyên ngành, giúp nâng cao chất lượng điều tra nhất là đối với các câu hỏi phức tạp, chuyên sâu).

Điều tra doanh nghiệp năm 2023 sử dụng phương pháp điều tra gián tiếp thông qua hình thức thu thập thông tin trực tuyến. Các đơn vị điều tra thực hiện cung cấp thông tin trên Trang thông tin điện tử điều tra doanh nghiệp của Tổng cục Thống kê (Cục Thu thập dữ liệu và Ứng dụng công nghệ thông tin thống kê - Cục TTDL).

## **TP Hà Nội và TP Hồ Chí Minh tiến hành từ ngày 01/4/2023 đến hết ngày 31/7/2023**

Dự kiến, tổng số đơn vị trong cuộc điều tra doanh nghiệp năm 2023 trên phạm vi cả nước có khoảng 1045 nghìn đơn vị điều tra.

Theo phương án, do tính chất quy mô không giống nhau nên các địa phương trong cả nước có thời gian tiến hành điều tra khác nhau.

Đối với Thành phố Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh, thời gian tiến hành từ ngày 01/4/2023 đến hết ngày 31/7/2023.

Các tỉnh, thành phố có số lượng doanh nghiệp từ 5.000 doanh nghiệp trở lên, thời gian tiến hành từ ngày 01/4/2023 đến hết ngày 30/6/2023.

Các tỉnh, thành phố còn lại, thời gian tiến hành từ ngày 01/4/2023 đến hết ngày 30/5/2023.

## **Điều tra doanh nghiệp năm 2023 thu thập các thông tin gì?**

Điều tra doanh nghiệp năm 2023 thu thập các thông tin sau:

- Thông tin nhận dạng: Thông tin định danh của đơn vị điều tra; ngành hoạt động sản xuất, kinh doanh; loại hình doanh nghiệp; cơ sở trực thuộc của doanh nghiệp;

- Thông tin về lao động và thu nhập của người lao động: Số lao động; thu nhập của người lao động;

- Thông tin về kết quả, chi phí sản xuất kinh doanh: Kết quả hoạt động, chi phí sản xuất kinh doanh; vốn đầu tư; sản lượng sản xuất của sản phẩm; tiêu dùng năng lượng; các chỉ tiêu thống kê chuyên ngành trong Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia phân tổ theo Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam và Hệ thống ngành sản phẩm Việt Nam;

- Thông tin về hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu dịch vụ của doanh nghiệp.

## **Hướng dẫn doanh nghiệp kê khai thông tin**

HỆ THỐNG XỬ LÝ  
ĐIỀU TRA DOANH NGHIỆP  
ĐĂNG NHẬP

Tài khoản

Mật khẩu

ĐIỀU TRA DOANH NGHIỆP NĂM 2023

4 bước kê khai thông tin

**ĐIỀU TRA DOANH NGHIỆP  
NĂM 2023**



**TỔNG CỤC THỐNG KÊ**



**HƯỚNG DẪN DOANH NGHIỆP**

KÊ KHAI THÔNG TIN TRỰC TUYẾN NĂM 2023

Áp dụng đối với các tập đoàn; Tổng công ty; doanh nghiệp; hợp tác xã và các chi nhánh hạch toán độc lập trực thuộc doanh nghiệp có hoạt động sản xuất kinh doanh trên địa bàn phạm vi cả nước

**THỜI GIAN ĐIỀU TRA**



- TP Hà Nội, TP Hồ Chí Minh: từ ngày 01/4/2023 đến hết 31/7/2023
- Các tỉnh, TP có trên 5.000 DN: từ ngày 01/4/2023 đến hết ngày 30/6/2023
- Các tỉnh, TP còn lại: từ ngày 01/4/2023 đến hết ngày 30/5/2023

**KÊ KHAI TRỰC TUYẾN**

<https://thongkedoanhnghiep.gso.gov.vn>



**01** ➔

Truy cập vào website tại địa chỉ <https://thongkedoanhnghiep.gso.gov.vn>

**02** ➔

Đăng nhập bằng tài khoản là mã số thuế của doanh nghiệp và mật khẩu do điều tra viên cung cấp. Đối với HTX không có mã số thuế thì Điều tra viên sẽ cung cấp tài khoản đến HTX

**03** ➔

Lựa chọn "Bảo cáo năm"

**04** ➔

Trả lời các thông tin trong phiếu điều tra và nhấn "Hoàn thành phiếu"



**Liên hệ để được hỗ trợ**

Thông tin số điện thoại hỗ trợ của các tỉnh có trên website <https://thongkedoanhnghiep.gso.gov.vn>

- Khi chưa hoàn thiện các thông tin trong phiếu điều tra, doanh nghiệp click vào "Lưu tạm" để lưu các thông tin đã nhập

- Liên hệ với Điều tra viên phụ trách để được hỗ trợ theo số điện thoại hiển thị góc phải trên cùng của phiếu điều tra

**CUNG CẤP THÔNG TIN TRUNG THỰC, CHÍNH XÁC, ĐẦY ĐỦ VÀ ĐÚNG THỜI HẠN  
LÀ NGHĨA VỤ CỦA DOANH NGHIỆP**

Doanh nghiệp truy cập đường link và kê khai thông tin theo 4 bước nêu trên: <https://thongkedoanhnghiep.gso.gov.vn>

# HẢI PHÒNG: THỰC HIỆN THÀNH CÔNG ĐIỀU TRA DOANH NGHIỆP NĂM 2023

**Hoàng Xuân An**

*Phó TP phụ trách phòng Thống kê Kinh tế - Cục Thống kê TP. Hải Phòng*

**T**rong nhiều năm qua, doanh nghiệp đã đóng góp trên 60% vào kết quả tăng trưởng kinh tế của cả nước, khoảng 30% tổng số lao động đang làm việc. Riêng đối với Hải Phòng, khu vực doanh nghiệp đã đóng góp trên 70% vào kết quả tăng trưởng kinh tế Hải Phòng, khoảng trên 40% tổng số lao động đang làm việc.

Trong giai đoạn 2016-2020, thành phố đã thu hút được nhiều tập đoàn kinh tế lớn, sử dụng công nghệ hiện đại đầu tư vào các lĩnh vực chế biến chế tạo, sản xuất sản phẩm có giá trị kinh tế cao như: Tập đoàn LG (Hàn Quốc) đầu tư vào Tổ hợp nhà máy sản xuất linh kiện điện tử hiện đại; Tập đoàn Vingroup đầu tư và hoàn thành đưa vào sử dụng Nhà máy sản xuất ô tô Vinfast... tạo sự chuyển biến trong tái cấu trúc lại ngành công nghiệp của thành phố, khẳng định Hải Phòng là trung tâm công nghiệp lớn của cả nước.

Để phục vụ công tác quản lý, điều hành, đánh giá và dự báo tình hình kinh tế - xã hội, lập chính sách, kế hoạch phát triển của toàn bộ nền kinh tế và từng địa phương; phục vụ tính chỉ tiêu Tổng sản phẩm trong nước (GDP), Tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (GRDP) năm 2022, các chỉ tiêu thống kê khác thuộc Hệ thống tài khoản quốc gia và các chỉ tiêu thống kê của các chuyên ngành kinh tế; biên soạn "Sách Trắng

**Doanh nghiệp có vị trí đặc biệt quan trọng trong nền kinh tế, là bộ phận chủ yếu tạo ra tổng sản phẩm trong nước (GDP). Những năm gần đây, hoạt động của doanh nghiệp đã có bước phát triển mạnh mẽ, góp phần giải phóng và phát triển sức sản xuất, huy động và phát huy nội lực vào phát triển kinh tế xã hội, góp phần quyết định vào phục hồi và tăng trưởng kinh tế, tăng kim ngạch xuất khẩu, tăng thu ngân sách và tham gia giải quyết có hiệu quả các vấn đề xã hội như: Tạo việc làm, xoá đói, giảm nghèo... Doanh nghiệp là yếu tố quan trọng, quyết định đến chuyển dịch các cơ cấu lớn của nền kinh tế quốc dân như: Cơ cấu nhiều thành phần kinh tế, cơ cấu ngành kinh tế, cơ cấu kinh tế giữa các vùng, địa phương.**

Doanh nghiệp năm 2023" và "Sách Trắng Hợp tác xã năm 2023"; cập nhật cơ sở dữ liệu làm mẫu của các cuộc điều tra thống kê về doanh nghiệp, ngày 07/3/2023, Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê đã ban hành Quyết định số 270/QĐ-TCTK, ban hành Phương án điều tra doanh nghiệp năm 2023.

Cùng với cả nước, Cục Thống kê thành phố Hải Phòng (viết gọn là Cục Thống kê) tiến hành điều tra từ ngày 01/4/2023

trên phạm vi toàn thành phố đối với các doanh nghiệp, hợp tác xã/liên hiệp hợp tác xã (gọi chung là doanh nghiệp) có hoạt động sản xuất kinh doanh thuộc tất cả các ngành trong Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam (VSIC 2018) trừ 3 ngành: ngành O - Hoạt động của Đảng Cộng sản, tổ chức chính trị - xã hội, quản lý nhà nước, an ninh quốc phòng, bảo đảm xã hội bắt buộc; ngành U - Hoạt động của các tổ chức và cơ quan quốc tế; ngành T - Hoạt động làm thuê các công việc trong các gia đình, sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình (do đối tượng điều tra không phát sinh trong các ngành này).

Đến nay, Cục Thống kê Thành phố Hải Phòng đã và đang tích cực chuẩn bị cho công tác triển khai điều tra Doanh nghiệp năm 2023, cơ bản thành phố Hải Phòng đã sẵn sàng cho cuộc điều tra doanh nghiệp năm 2023 trên địa bàn thành phố.

Theo kết quả rà soát, đến thời điểm tháng 12/2022 số lượng doanh nghiệp đang hoạt động trên địa bàn thành phố là 22.592 doanh nghiệp. Trong đó, doanh nghiệp đến từ khu vực ngoài nhà nước có số lượng lớn nhất với 21.779 doanh nghiệp, chiếm 96,40% tổng số doanh nghiệp; doanh nghiệp khu vực nhà nước có 85 doanh nghiệp, chiếm 0,38%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài có 728 doanh nghiệp, chiếm 3,22%.

Đây là khối lượng doanh nghiệp khá lớn phải triển khai thu thập thông tin kịp thời, đầy đủ, đảm bảo chất lượng thông tin. Để có căn cứ và lập danh sách điều tra đảm bảo đầy đủ, không sót đối tượng điều tra, Cục Thống kê đã phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư rà soát danh sách doanh nghiệp được cấp mã số thuế mới trong năm 2022 trên địa bàn thành phố. Cùng với đó, Cục Thống kê đã ban hành Hướng dẫn số 56/HD-CTK triển khai công tác rà soát toàn bộ danh sách doanh nghiệp điều tra năm 2023 trên địa bàn toàn thành phố, các thông tin được bổ sung cập nhật đầy đủ như: Tên doanh nghiệp, thông tin điện thoại, Email, địa chỉ..... giúp điều tra viên tiếp cận doanh nghiệp tốt hơn.

Để thực hiện đúng tiến độ cuộc điều tra, Cục Thống kê đã xây dựng Kế hoạch số 01/KH-CTK về việc Điều tra doanh nghiệp năm 2023; ban hành Quyết định số 01/QĐ-CTK về việc thành lập Tổ Thường trực chỉ đạo điều tra doanh nghiệp năm 2023 nhằm giúp Cục trưởng Cục Thống kê chỉ đạo, tổ chức thực hiện cuộc điều tra doanh nghiệp 2023 trên địa bàn thành phố theo đúng Phương án, Kế hoạch điều tra của Tổng cục Thống kê và Cục Thống kê thành phố Hải Phòng.

Trong triển khai Điều tra doanh nghiệp năm 2023, lực lượng điều tra viên đóng vai trò quan trọng, Cục Thống kê đã tuyển chọn trên 200 ĐTV và được tập huấn chuyên sâu kỹ năng nghiệp vụ và có trình độ năng lực sử dụng thành thạo chương trình phần mềm kê khai thông tin trực tuyến.

Năm 2023 là năm thứ tư công tác thu thập thông tin trong điều tra doanh nghiệp được thực hiện bằng phương pháp điều tra trực tuyến, doanh nghiệp tự cung cấp thông tin vào bảng hỏi điện tử

trên website. Đây là bước cải tiến đột phá tạo thuận lợi cho doanh nghiệp chủ động cung cấp thông tin, tiết kiệm thời gian, công sức.

Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện thu thập thông tin do doanh nghiệp tự cung cấp thông tin, trong thực tế phần lớn số lượng doanh nghiệp hiện nay trên địa bàn thành phố là doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ, vì vậy hạ tầng công nghệ thông tin của doanh nghiệp còn thiếu và yếu; cán bộ kế toán của doanh nghiệp thay đổi thường xuyên, mặc dù đã từng tham gia điều tra doanh nghiệp. Mặt khác, điều tra doanh nghiệp là một trong những cuộc điều tra khó, phạm vi rộng, nhiều chỉ tiêu phức tạp; nhất là hiện nay công tác điều tra đều do kế toán doanh nghiệp tự kê khai, trong khi nhiều kế toán chưa hiểu sâu về nghiệp vụ thống kê nên đã ảnh hưởng phần nào đến công tác kiểm tra, hoàn thiện phiếu. Trong quá trình triển khai thu thập thông tin, có một số doanh nghiệp không sẵn sàng hợp tác để cung cấp thông tin, điều tra viên phải mất rất nhiều thời gian và công sức để thuyết phục doanh nghiệp tự điền thông tin vào phiếu điều tra cũng như kiểm tra, xác minh và hỗ trợ hoàn thiện phiếu điều tra.

Để khắc phục những khó khăn nêu trên và thực hiện thành công Điều tra doanh nghiệp năm 2023 với kết quả cao nhất, Cục Thống kê TP Hải Phòng tập trung triển khai thực hiện theo các bước sau:

*Một là*, sử dụng đồng bộ nhiều hình thức tuyên truyền, phổ biến thông tin về Luật Thống kê nói chung và Điều tra doanh nghiệp 2023 nói riêng. Phối hợp với một số cơ quan báo chí, Đài Phát thanh và Truyền hình Hải Phòng đưa tin và đăng bài về cuộc điều tra; tuyên truyền trên bảng LED, trang Web,

Fanpage của Cục Thống kê nhằm truyền tải thông tin tới các doanh nghiệp, giúp doanh nghiệp nâng cao trách nhiệm của mình trong thực hiện tự cung cấp thông tin;

*Hai là*, công tác hướng dẫn, cầm tay chỉ việc sau tập huấn nghiệp vụ cho điều tra viên các cấp được chuẩn bị kỹ lưỡng, nội dung có trọng tâm, trọng điểm để giúp điều tra viên nắm bắt tốt nhất các nội dung của phiếu hỏi và quy trình thực hiện trên phần mềm thu thập thông tin. Triển khai bằng nhiều hình thức và linh hoạt như: Trực tuyến, video clip hướng dẫn nghiệp vụ; Email, Zalo của cá nhân kế toán, các đại lý thuế, Hội kế toán Thuế;

*Ba là*, phối hợp với các ngành chuyên môn như Cục Thuế thành phố, UBND cấp huyện, Chi cục Thuế quận, huyện, khu vực đăng nội dung điều tra lên Cổng thông tin của đơn vị và gửi thông tin đề nghị doanh nghiệp thực hiện nghĩa vụ cung cấp thông tin; kiểm tra việc chấp hành nghĩa vụ cung cấp thông tin của doanh nghiệp...

Đối với cấp quận, huyện, Chi cục trưởng Chi cục Thống kê trực tiếp chỉ đạo cuộc điều tra như xây dựng kế hoạch, tuyển chọn, phân công nhiệm vụ cho điều tra viên theo danh sách doanh nghiệp được giao, chịu trách nhiệm về tổ chức thực hiện cuộc điều tra trên địa bàn và báo cáo đầy đủ với Tổ Thường trực chỉ đạo của thành phố.

Với sự chỉ đạo và hướng dẫn nghiệp vụ của Tổng cục Thống kê, sự quan tâm tạo điều kiện của lãnh đạo Thành phố; sự phối hợp chặt chẽ của các Sở, ngành, đơn vị, địa phương liên quan trên địa bàn thành phố Hải Phòng, sự ủng hộ tích cực và trách nhiệm của cộng đồng doanh nghiệp Hải Phòng, chắc chắn sẽ thực hiện thành công Điều tra doanh nghiệp năm 2023./

# ĐỘNG LỰC ĐÓNG GÓP CHÍNH CHO TĂNG TRƯỞNG GDP QUÝ I VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN MỤC TIÊU TĂNG TRƯỞNG CẢ NĂM 2023

**Nguyễn Thị Mai Hạnh**

Phó Vụ trưởng phụ trách Vụ Hệ thống Tài khoản quốc gia - TCTK

Quý I/2023, kinh tế Việt Nam gặp nhiều khó khăn do kinh tế thế giới tiếp tục có nhiều biến động phức tạp và bất ổn, lạm phát toàn cầu tuy đã hạ nhiệt nhưng vẫn ở mức cao, sự phục hồi chậm và suy giảm nhu cầu tiêu dùng của các đối tác thương mại lớn... ảnh hưởng nhiều đến hoạt động sản xuất cũng như xuất khẩu của nước ta. Kết quả khiến cho GDP quý I tăng thấp, khá áp lực để đạt mục tiêu tăng trưởng cho cả năm 2023.

## Đóng góp chính của các ngành/ lĩnh vực cho tăng trưởng GDP quý I năm 2023

Quý I/2023, kinh tế Việt Nam gặp nhiều khó khăn do kinh tế thế giới tiếp tục có nhiều biến động phức tạp và bất ổn, lạm phát toàn cầu tuy đã hạ nhiệt nhưng vẫn ở mức cao, sự phục hồi chậm và suy giảm nhu cầu tiêu dùng của các đối tác thương mại lớn... ảnh hưởng nhiều đến hoạt động sản xuất cũng như xuất khẩu của nước ta. Các tổ chức quốc tế đều có dự báo về tăng trưởng kinh tế toàn cầu năm 2023 thấp hơn năm 2022 từ 0,5 đến 1,2 điểm phần trăm.

Tại khu vực Đông Nam Á, Ngân hàng Thế giới dự báo tăng trưởng kinh tế của Philipin, In-đô-nê-xi-a, Ma-lai-xi-a và Thái Lan năm 2023, lần lượt giảm 0,2, 0,5, 0,5 và 0,7 điểm phần trăm so với dự báo trong tháng 6/2022. Việt Nam cũng không nằm ngoài xu hướng đó và thể hiện rất rõ trong tăng trưởng quý I chỉ ước đạt 3,32%, thấp hơn 1,72 điểm phần trăm so với cùng kỳ (cùng kỳ năm 2022 là 5,05%); thấp hơn 2,28 điểm phần trăm so với kịch bản của Nghị quyết 01 (5,6%) và chỉ cao hơn tốc độ tăng 3,21% của quý I năm 2020 trong giai đoạn 2011-2023. Và tăng trưởng chủ yếu nằm ở

khu vực dịch vụ và khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản, trong khi đó, khu vực công nghiệp vốn luôn là động lực dẫn dắt tăng trưởng kinh tế nhưng quý này lại đang suy giảm.

Đóng góp của các khu vực kinh tế và ngành kinh tế vào tăng trưởng chung như sau:

Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 2,52%, đóng góp 0,3 điểm phần trăm vào tăng trưởng chung của nền kinh tế, (trong đó, nông nghiệp tăng 2,43%, lâm nghiệp tăng 3,66% và thủy sản tăng 2,68%). Điều này cho thấy, ngành nông nghiệp vẫn tiếp tục thể hiện



vai trò trụ đỡ vững chắc của nền kinh tế nước ta, không chỉ bảo đảm nguồn cung lương thực, thực phẩm trong nước mà còn khẳng định vị trí là nước xuất khẩu nông sản hàng đầu, đóng vai trò quan trọng trong bảo đảm an ninh lương thực và đóng góp ổn định trong tăng trưởng kinh tế.

Khu vực dịch vụ có tốc độ tăng trưởng cao nhất trong 3 khu vực đạt 6,79%, đóng góp 3,26 điểm phần trăm trong tăng trưởng chung. Nhiều hoạt động dịch vụ bị ảnh hưởng nặng của dịch Covid-19 đã sôi động trở lại kể từ quý IV năm 2022 như: Du lịch, vui chơi giải trí, vận tải (đặc biệt vận tải hàng không tăng cao), dịch vụ lưu trú, ăn uống...

Đóng góp của một số ngành dịch vụ có tỷ trọng lớn vào mức tăng tổng giá trị tăng thêm của quý I năm nay, cụ thể: (i) Ngành bán buôn, bán lẻ tăng khá với 8,09%, đóng góp 0,85 điểm phần trăm trong tăng trưởng chung, thể hiện nhu cầu tiêu dùng tăng lên, cầu tiêu dùng cuối cùng được củng cố và phục hồi; (ii) Ngành dịch vụ lưu trú và ăn uống tăng 25,98%, đóng góp 0,64 điểm phần trăm vào tăng trưởng chung, ngành này đang lấy lại đà tăng trưởng khi dịch bệnh Covid-19 được kiểm soát, nhu cầu du lịch tăng cao. Điều này khẳng định chính sách kích cầu tiêu dùng nội địa, chính sách xúc tiến, quảng bá du lịch Việt Nam tới các nước trên thế giới khi dịch Covid-19 được kiểm soát đã phát huy hiệu quả. (iii) Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm tiếp tục tăng trưởng 7,65%, đóng góp 0,45 điểm phần trăm. (iv) Ngành vận tải, kho bãi tăng 6,85%, đóng góp 0,43 điểm phần trăm, thể hiện các hoạt động vận chuyển đặc biệt là vận chuyển hàng hóa phục vụ

tiêu dùng trong nước và xuất khẩu được tăng cường; hoạt động vận chuyển hành khách bằng đường hàng không mở cửa trở lại và có mức tăng trưởng cao.

Đối với khu vực công nghiệp xây dựng: (i) Ngành xây dựng có mức tăng trưởng 1,95%, đóng góp 0,12 điểm phần trăm vào mức tăng trưởng chung của nền kinh tế, trong đó có đóng góp lớn của ngành xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng với mức tăng trưởng gần 9%. Điều này cho thấy sự chỉ đạo điều hành sát sao của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các Bộ ngành và địa phương trong việc đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công và thực hiện có hiệu quả chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội. Ngược lại, các ngành công nghiệp tăng trưởng giảm 0,82%, làm giảm 0,28 điểm phần trăm trong tăng trưởng chung, đây là lần đầu tiên các ngành công nghiệp có mức tăng trưởng âm quý I kể từ năm 2011 đến nay. Các ngành công nghiệp giảm mạnh nhất chủ yếu tập trung ở các ngành gia công, lắp ráp như: Dệt, sản xuất trang phục, sản xuất da, sản xuất các sản phẩm điện tử... là những ngành sản xuất phục vụ xuất khẩu. Bên cạnh đó, vẫn có một số ngành tăng trưởng khá như sản xuất đồ uống tăng gần 25%, sản xuất than cốc, sản phẩm dầu mỏ tinh chế tăng hơn 19% và sản xuất các sản phẩm từ cao su và nhựa tăng 12%, đóng góp chung vào tăng trưởng ...

Về phía sử dụng GDP trong quý I cho thấy một số điểm sáng đó là: *Thứ nhất*, tiêu dùng cuối cùng của hộ gia đình có mức tăng 3,01%, mặc dù thấp hơn mức tăng cùng kỳ 2 năm trước đó nhưng kết quả này cho thấy nhu cầu tiêu dùng của người dân trở lại trạng thái bình thường theo quy luật

tiêu dùng trước, trong và sau Tết Nguyên đán. *Thứ hai*, đầu tư công tăng, trong quý I vốn đầu tư NSNN đạt 13,4% kế hoạch năm đã thể hiện sự chuyển biến tích cực trong việc đẩy mạnh thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công ngay từ các tháng đầu năm 2023 (quý I/2022 đạt 12,9% kế hoạch) và tăng 11,5% so cùng kỳ, góp phần đóng góp vào tăng trưởng của ngành xây dựng và tích lũy tài sản. *Thứ ba*, mặc dù kim ngạch xuất, nhập khẩu cùng giảm nhưng cán cân thương mại xuất siêu cũng đã đóng góp vào mức tăng trưởng chung của GDP quý I.

### **Những thách thức và động lực khi thực hiện mục tiêu tăng trưởng của năm 2023**

Trong những tháng đầu năm, tình hình thế giới tiếp tục biến động phức tạp, khó lường, nhất là diễn biến xung đột Nga - Ucraina và phản ứng của các nước lớn. Lạm phát tuy đã giảm dần nhưng vẫn ở mức cao và tiềm ẩn nhiều rủi ro. Tiêu dùng và các hoạt động kinh tế, thương mại, đầu tư tiếp tục suy giảm. Thị trường Trung Quốc chưa trở lại trạng thái bình thường do hậu quả của đại dịch Covid-19; đến thời điểm này vẫn chưa mở cửa hoàn toàn với Việt Nam nên hàng hóa xuất, nhập khẩu chưa thể thông thương.

Ở trong nước, diễn biến kinh tế vẫn nhiều khó khăn, thách thức. Hoạt động sản xuất, kinh doanh chưa thực sự lấy lại đà tăng trưởng như trước đây; nhiều ngành công nghiệp chủ lực giảm hoặc tăng trưởng thấp. Tăng trưởng tín dụng tính đến 20/3 chỉ đạt 1,61% (cùng kỳ năm trước tăng 4,03%); việc tiếp cận vốn tín dụng của doanh nghiệp và người dân chưa đáp ứng yêu cầu; thị trường trái phiếu xuất hiện nhiều trường hợp doanh nghiệp không có khả năng

thanh toán nợ đáo hạn, tác động tới tâm lý và niềm tin của người dân với doanh nghiệp. Số doanh nghiệp đăng ký thành lập mới và quay trở lại hoạt động đều giảm trong khi số doanh nghiệp rút khỏi thị trường lại gia tăng; một số doanh nghiệp tiếp tục giảm giờ làm, cắt giảm lao động. Xuất khẩu tăng trưởng chậm do đơn hàng nước ngoài giảm. Đây chính là những thách thức cho mục tiêu tăng trưởng kinh tế 6,5% trong năm 2023.

Tuy vậy, kinh tế nước ta vẫn có những điểm tích cực, đó là:

- Hoạt động giải ngân vốn đầu tư công được đẩy mạnh sẽ có tác dụng gia tăng nền tảng kết cấu, cơ sở hạ tầng, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động của khu vực doanh nghiệp và các cơ sở sản xuất kinh doanh. Khởi thông nguồn lực đầu tư công có tác dụng thúc đẩy nhiều ngành, lĩnh vực. Đây là nguồn vốn mới thúc đẩy đầu tư tư nhân, thúc đẩy sản xuất, kích cầu của nền kinh tế phát triển.

- Động thái giảm lãi suất của các ngân hàng thời gian gần đây sẽ giúp cho tiêu dùng nội địa tăng, kích thích sản xuất, kinh doanh, tạo động lực cho tăng trưởng và phát triển kinh tế trong bối cảnh hoạt động xuất nhập khẩu có xu hướng giảm dần. Hoạt động tài chính, ngân hàng được dự báo sẽ đạt kết quả tăng trưởng tốt nếu tiếp tục duy trì tỷ giá bình ổn, đa dạng nguồn thu, đặc biệt là các nguồn thu từ hoạt động số hóa như ứng dụng thanh toán, ví điện tử...

- Ngành du lịch sẽ có nhiều khởi sắc mạnh mẽ. Đặc biệt, do đặc thù du lịch là ngành dịch vụ thị trường có tính chất lan tỏa đến nhiều ngành dịch vụ khác như vận tải, hoạt động ăn uống, khách sạn, nhà hàng, nghệ thuật vui chơi giải trí...

- Ngành nông nghiệp do đặc thù không chịu nhiều ảnh hưởng của dịch bệnh, tiếp tục thể hiện vai trò là "trụ đỡ" vững chắc của nền kinh tế nước ta. Ngành nông nghiệp hiện nay đang từng bước chuyển đổi, gắn sản xuất với thị trường, sản xuất với chế biến, sản xuất với chuỗi giá trị gia tăng. Sản phẩm chủ lực cấp quốc gia, cấp tỉnh có hàm lượng khoa học công nghệ cao được áp dụng từ khâu sản xuất giống, nuôi trồng đến chế biến như: Tôm, cá tra, sản phẩm gỗ... Nhiều nhà máy chế biến công suất lớn với công nghệ hiện đại giúp phát huy hiệu quả, nâng cao năng suất. Đây sẽ là điểm sáng mới của ngành nông nghiệp nước ta trong năm 2023.

- Thời gian tới, Trung Quốc mở cửa biên giới và bỏ giới hạn đi lại quốc tế sẽ là cơ hội cho các doanh nghiệp Việt Nam đẩy mạnh xuất khẩu, kết nối nguồn cung nhập khẩu nguyên vật liệu bị gián đoạn do dịch bệnh, kỳ vọng sẽ tạo sức bật cho hoạt động xuất khẩu, đặc biệt là các mặt hàng nông sản và thủy sản của nước ta. Đồng thời đây cũng là cơ hội để ngành du lịch xây dựng các chương trình chính sách thu hút khách du lịch quốc tế đến Việt Nam.

### **Một số giải pháp thực hiện để đạt mục tiêu tăng trưởng**

Thực trạng diễn biến kinh tế quý I suy giảm, tăng trưởng kinh tế không đạt theo kế hoạch và những khó khăn, bất ổn của kinh tế thế giới hiện tại, mục tiêu tăng trưởng kinh tế đạt 6,5% trong năm 2023 sẽ là một thách thức đối với Việt Nam. Để thực hiện mục tiêu này, rất cần nỗ lực lớn từ Chính phủ, doanh nghiệp và người dân. Theo đó, một số giải pháp cần được lưu ý, cụ thể:

*Thứ nhất*, theo dõi sát diễn biến của kinh tế thế giới, đặc biệt

chính sách của các nền kinh tế lớn như Mỹ, Trung Quốc, EU, Nhật Bản... ảnh hưởng tới thương mại với Việt Nam, từ đó kịp thời đưa ra cảnh báo cho cộng đồng doanh nghiệp có các phản ứng kịp thời; Hỗ trợ DN tận dụng các hiệp định thương mại tự do (FTA) đã ký kết khai thác hiệu quả các thị trường, đẩy mạnh xuất khẩu.

*Thứ hai*, thực hiện có hiệu quả các chương trình phục hồi và phát triển kinh tế theo đúng mục tiêu, kế hoạch đề ra; tập trung đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công thông qua các dự án đầu tư cơ sở hạ tầng trọng điểm. Hỗ trợ doanh nghiệp nhanh chóng được tiếp cận vốn; kết nối doanh nghiệp trong nước tham gia vào chuỗi cung ứng của các doanh nghiệp FDI và DN lớn toàn cầu. Xây dựng chương trình hỗ trợ, hợp tác đẩy mạnh tiêu dùng các sản phẩm công nghiệp.

*Thứ ba*, đẩy mạnh đa dạng hóa thị trường, đa dạng hóa ngành hàng để giảm bớt sự phụ thuộc vào các thị trường/ngành hàng truyền thống, cụ thể các thị trường bắc Âu, đông Âu, Mỹ La Tinh...

*Thứ tư*, đẩy mạnh sức mua trong nước từ đó nâng cao cầu nội địa. Thực hiện có hiệu quả các Chương trình xúc tiến thương mại thị trường trong nước, thúc đẩy phân phối hàng hóa qua nền tảng số, thương mại điện tử để mở rộng, kích thích tiêu dùng nội địa. Tập trung giải ngân, chi tiêu đầu tư công, lấy đầu tư công dẫn dắt đầu tư tư nhân để kích thích sản xuất phát triển.

*Thứ năm*, đối với các ngành, lĩnh vực cần linh hoạt kế hoạch, bám sát các mục tiêu theo quý, đề ra các giải pháp phù hợp tháo gỡ những khó khăn từ khâu chính sách đến hoạt động đầu tư để đảm bảo đạt được các mục tiêu đề ra./



# SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP QUÝ I/2023 GIẢM SO CÙNG KỲ NĂM 2022

**Phí Thị Hương Nga**

Vụ trưởng Vụ Thống kê Công nghiệp và Xây dựng - TCTK

**Trong Quý I năm 2023, kinh tế thế giới tiếp tục gặp nhiều khó khăn, biến động khó lường, lạm phát các nước mặc dù hạ nhiệt nhưng vẫn ở mức cao; kinh tế toàn cầu suy giảm, chi phí đầu vào tăng, lãi suất tăng, đồng đô la lên giá, cầu tiêu dùng suy giảm; trong nước, đơn hàng sản xuất giảm, kim ngạch xuất khẩu giảm... Vì vậy, ngành công nghiệp cũng bị ảnh hưởng theo xu hướng chung, đặc biệt là ngành chế biến, chế tạo.**

## Sản xuất công nghiệp Quý I/2023 giảm so cùng kỳ năm 2022

Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp tháng Ba ước tính tăng 9,4% so với tháng trước và giảm 1,7% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung quý I năm 2023, chỉ số sản xuất công nghiệp giảm 2,3% so với cùng kỳ năm trước (tháng Một giảm 11,1%; tháng Hai tăng 7,2%; ước tháng Ba giảm 1,7%), thấp hơn nhiều so với mức tăng 6,8% của cùng kỳ năm 2022 và mức tăng 5,7% của cùng kỳ năm 2021. Trong đó, ngành chế biến, chế tạo giảm 2,4% so với cùng kỳ năm trước (Quý I các năm 2022, 2021 tăng lần lượt là: 7,3%; 8%), làm giảm 1,6 điểm phần trăm mức tăng chung; ngành khai khoáng giảm 4,4%, làm giảm 0,7 điểm phần trăm; ngành sản xuất, phân phối điện giảm 1,5%, làm giảm 0,13 điểm phần trăm; ngành cung cấp nước và xử lý nước thải, rác thải tăng 7,8%, đóng góp 0,13 điểm phần trăm mức tăng chung.

Đặc biệt, hai thành phố có quy mô công nghiệp lớn giảm



và tăng mức thấp: TP Hồ Chí Minh giảm 0,9%; Hà Nội tăng 0,8%; và có 3/4 số ngành công nghiệp cấp 1 quan trọng đều giảm so kỳ năm trước. Ngành chế biến, chế tạo (ngành chiếm trên 74% giá trị tăng thêm toàn ngành công nghiệp, quyết định chủ yếu đến tốc độ tăng trưởng toàn ngành công nghiệp và toàn bộ nền kinh tế) quý I năm nay giảm 2,4% so cùng kỳ, trong khi cùng kỳ năm trước tăng ở mức cao 7,3%. Nhiều ngành quan trọng thuộc công nghiệp chế biến, chế tạo

cũng giảm nhiều so cùng kỳ năm trước: Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế giảm 13,5%; sản xuất phương tiện vận tải khác giảm 11,9%; sản xuất giấy và các sản phẩm từ giấy giảm 10,3%; sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác giảm 8,7%; sản xuất xe có động cơ giảm 8,2%; sản xuất trang phục giảm 7,7%; sản xuất thiết bị điện giảm 6,9%; dệt giảm 6,5%; sản xuất da và các sản phẩm từ da giảm 4%; sản xuất kim loại giảm 2,4%;...

Tuy nhiên, có ngành công nghiệp trọng điểm thuộc ngành

chế biến, chế tạo tăng trưởng cao so cùng kỳ như: Sản xuất đồ uống tăng 27,3%; sản xuất than cốc, dầu mỏ tinh chế tăng 19,4%; sản xuất sản phẩm từ cao su, plastic tăng 11,6%; sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu tăng 7,2%;...

**Những nguyên nhân chủ yếu làm cho sản xuất công nghiệp giảm tốc độ tăng trưởng trong Quý IV năm 2022 và giảm trong Quý I năm 2023**

Tình hình thế giới biến động khó lường đã ảnh hưởng đến trong nước, chi phí đầu vào đang tạo sức ép lên hoạt động sản xuất kinh doanh trong nước. Nguyên nhân của vấn đề này đến từ các yếu tố bên ngoài như giá nhiên liệu thế giới bị đẩy lên, chi phí đầu vào gia tăng, đồng USD tăng mạnh, lạm phát tăng cao vẫn còn hiện hữu trên thế giới, nguy cơ gián đoạn chuỗi cung ứng đầu vào. Kinh tế thế giới có dấu hiệu suy thoái toàn cầu đã ảnh hưởng đến các nhà sản xuất của Việt Nam khi cả số lượng đơn hàng mới và xuất khẩu đều giảm.

Các yếu tố này làm cho cầu nhập khẩu từ Việt Nam giảm mạnh, sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp bị thu hẹp. Trong khi đó, chi phí đầu vào tăng lên, lãi suất tăng, doanh thu giảm khiến các doanh nghiệp phải giảm quy mô hoạt động. Các động lực tăng trưởng đều suy giảm: Xuất khẩu, nhu cầu đầu tư tư nhân, giải ngân đầu tư công chậm... Chính phủ ưu tiên chống lạm phát, chính sách tiền tệ thắt chặt, lãi vay tăng cao.

Các doanh nghiệp có cố gắng đa dạng hoá, mở rộng thêm thị trường xuất khẩu nhưng nhìn chung vẫn khó khăn khi kinh tế thế giới suy giảm. Nhiều doanh nghiệp không có đơn hàng mới, chi phí sản xuất tăng cao phải đứng trước tính toán thu hẹp

quy mô, cắt giảm hàng loạt lao động hoặc giãn việc làm.

**Một số giải pháp chủ yếu, hỗ trợ sản xuất công nghiệp tháo gỡ khó khăn, ổn định và phát triển sản xuất**

*Một là*, Chính phủ, các cấp, các ngành cần tiếp tục nỗ lực hơn nữa hỗ trợ doanh nghiệp tháo gỡ khó khăn trong sản xuất kinh doanh. Do giá dầu thô, khí đốt trên thế giới tăng cao, chi phí logistic tăng và nguyên nhiên vật liệu đầu vào cho các doanh nghiệp bị ảnh hưởng lớn đến sản xuất kinh doanh.

*Hai là*, cần có giải pháp hỗ trợ, giải quyết khó khăn về vốn của doanh nghiệp trong quá trình phục hồi và khởi nghiệp, hạ lãi suất cho vay.

*Ba là*, Chính phủ, các cấp, các ngành thúc đẩy giải ngân nhanh các gói cứu trợ doanh nghiệp kịp thời và hiệu quả. Đặc biệt tháo gỡ khó khăn, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp vay vốn ưu đãi thuận lợi, nhanh chóng.

*Bốn là*, khó khăn lớn nhất của các doanh nghiệp công nghiệp trong thời kỳ lạm phát các nước tăng cao, suy thoái kinh tế diễn ra là thị trường tiêu thụ sản phẩm bị thu hẹp và giảm sút (đặc biệt là xuất khẩu). Vì vậy, doanh nghiệp rất cần Chính phủ, các cấp,

các ngành hỗ trợ doanh nghiệp tháo gỡ khó khăn trong khâu tiêu thụ sản phẩm như: Tìm kiếm, mở rộng thị trường xuất khẩu, hỗ trợ thuế, phí xuất khẩu,...

*Năm là*, về lao động, chính sách hỗ trợ cho người lao động cần rõ ràng, giảm bớt thủ tục, hướng dẫn cụ thể, giảm bớt khó khăn cho doanh nghiệp. Cần có gói hỗ trợ doanh nghiệp và người lao động giúp doanh nghiệp giữ chân người lao động, hỗ trợ các nguồn tín dụng để doanh nghiệp trả lương cho người lao động đối với DN gặp khó khăn.

*Sáu là*, đơn giản hóa thủ tục hành chính, giải ngân nhanh đầu tư công, tạo điều kiện thúc đẩy SXKD, đặc biệt là ngành xây dựng, công nghiệp phát triển, giải quyết việc làm, thu nhập của người lao động, đóng góp tích cực cho tăng trưởng kinh tế.

*Bảy là*, đẩy mạnh hoạt động có hiệu quả trong ngăn chặn hàng nhập lậu, chống chuyển giá, gian lận nhãn mác trong các doanh nghiệp;

*Tám là*, tuyên truyền và đẩy mạnh chính sách tiêu dùng trong nước, kích cầu tiêu thụ trong nước "người Việt Nam tiêu dùng hàng Việt Nam".



# NỖ LỰC ĐẢM BẢO

## AN NINH NĂNG LƯỢNG QUỐC GIA

TS. Nguyễn Thị Thu Hương - ThS. Lê Thị Thùy Chinh

Trường Đại học Lao động Xã hội

### Tác động đa chiều đang đề nghị lên mục tiêu đảm bảo an ninh năng lượng

Tại Việt Nam, an ninh năng lượng quốc gia được xác định dựa trên 3 trụ cột chính là than, dầu khí và điện với các nhiệm vụ quan trọng như: Đáp ứng nhu cầu năng lượng đối với sự tăng trưởng của nền kinh tế, tiếp cận và đa dạng các nguồn cung cấp năng lượng, đảm bảo chi phí cho hoạt động trong hệ thống năng lượng, phát triển nguồn năng lượng gắn liền với đảm bảo môi trường bền vững. Trong đó, công nghiệp năng lượng với các ngành chính là công nghiệp khai thác và sản xuất than đá, dầu khí, điện lực có vai trò quan trọng để thực hiện các yếu tố trên nhằm mục tiêu đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia. Công nghiệp năng lượng đã có bước phát triển nhanh, cung cấp năng lượng, đặc biệt là cung cấp điện cơ bản đáp ứng đủ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội với chất lượng ngày càng được cải thiện. Công nghiệp khai thác dầu khí và lọc hoá dầu phát triển mạnh; hình thành được một số cơ sở

Để tăng trưởng kinh tế gắn liền với phát triển bền vững, việc đảm bảo an ninh năng lượng có vai trò quan trọng, là nền tảng, động lực để duy trì mọi hoạt động kinh tế và đời sống xã hội. Tuy nhiên, trước diễn biến khó lường của các cuộc xung đột chính trị trên thế giới, cùng những tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu và nhiều yếu tố khác, Việt Nam đang phải đối phó với nhiều khó khăn trong mọi nỗ lực đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia.

lọc hoá dầu quy mô lớn. Đã đầu tư xây dựng nhiều dự án mỏ than có công suất lớn; sản lượng khai thác than thương phẩm tăng; thủy điện phát triển nhanh, gần đây điện gió và điện mặt trời bắt đầu phát triển với tốc độ cao.

Tuy nhiên, việc tăng trưởng kinh tế dựa trên nguồn nguyên liệu hóa thạch đã kéo theo nhiều hệ lụy, thậm chí đe dọa trực tiếp đến mục tiêu đảm bảo an ninh

năng lượng quốc gia. Trong đó, vấn đề về nguồn cung nguyên/nhiên liệu phục vụ công nghiệp năng lượng đang ngày càng trở nên bất cập do nguồn cung trong nước không đủ đáp ứng, phải nhập khẩu năng lượng ngày càng lớn. Thống kê của Petrovietnam cho thấy, tổng trữ lượng dầu khí đã phát hiện ở Việt Nam đến nay là 1,5 tỷ m<sup>3</sup> quy dầu, trong đó đã khai thác thoảng 50% trữ lượng, trong 50% còn lại, chỉ có ¼ trữ lượng là dầu, còn ¾ trữ lượng là khí. Tiềm năng dầu khí của Việt nam còn lại khoảng 1,5-2 tỷ m<sup>3</sup> quy dầu, nhưng có tới 50% tiềm năng lại ở các vùng nước sâu xa bờ, khó triển khai. Số liệu từ Tổng cục Thống kê đã chỉ ra rằng, các mỏ khai thác chính đều đang ở giai đoạn suy giảm tự nhiên, dẫn đến sản lượng dầu khai thác của Việt Nam trong giai đoạn 2017-2022 giảm từ 13,5 triệu tấn xuống còn 8,98 triệu tấn; khí đốt thiên nhiên dạng khí giảm từ 9,7 tỷ m<sup>3</sup> xuống còn 8,0 tỷ m<sup>3</sup>. Trong khi đó, nhập khẩu dầu thô đã tăng từ 10,6 triệu tấn lên 11,4 triệu tấn trong vòng 3 năm từ năm 2020-2022.

Điện than của Việt Nam cũng đang đứng trước nhiều khó khăn thách thức tồn tại đến từ vấn đề thiếu nguồn cung nguyên liệu đầu vào. Từ nhiều năm nay, trữ lượng than khai thác trong nước đã không đủ để đảm bảo nguồn cung nguyên liệu, chủ yếu phải dựa vào nhập khẩu than (than bitum) với trữ lượng lớn để đáp ứng cho việc vận hành hệ thống nhà máy nhiệt điện cả nước. Ngay đầu tháng 2/2023, Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) đã phải gửi báo cáo tới Bộ Công Thương do tình hình cung cấp than không đúng theo kế hoạch đang xảy ra với hầu hết các nhà máy nhiệt điện của EVN. Ngoài ra, giá than nhập khẩu phụ thuộc hoàn toàn vào các biến động của thị trường than quốc tế và công tác dự báo gặp rất nhiều khó khăn, dẫn đến việc lập kế hoạch vận hành của các nhà máy điện sử dụng than nhập khẩu biến động rất lớn. Tổng cục Thống kê đã chỉ ra điều này qua số liệu nhập khẩu than của năm 2022; với 30,99 triệu tấn than đá nhập khẩu, sản lượng than giảm 14,8% nhưng trị giá lại tăng tận 56,5% so với năm 2021. Giá than tăng do lạm phát khiến chi phí sản xuất, vận chuyển tăng cùng với các vấn đề về môi trường khó khắc phục đang là gánh nặng đối với an ninh năng lượng quốc gia.

Trong khi đó, thế giới đã, đang trải qua cuộc khủng hoảng năng lượng nghiêm trọng, không chỉ đe dọa đến tăng trưởng kinh tế mà còn có những tác động tiêu cực đến đời sống sinh hoạt. Nguyên nhân chính dẫn đến cuộc khủng hoảng này được cho là do cuộc xung đột giữa Nga và Ukraine với các lệnh trừng phạt liên tiếp được các bên liên quan áp đặt cho nhau đã gây ra nhiều hệ lụy cho kinh tế

thế giới, nhất là với lĩnh vực năng lượng. Nguồn cung nguyên liệu sản xuất năng lượng của thế giới đã chứng lại khi Nga đang là quốc gia giữ vị trí hàng đầu về sản lượng nguyên liệu sản xuất năng lượng như: Khí đốt, dầu mỏ, than đá và urani và là nguồn cung lớn của thế giới. Trong bối cảnh hội nhập sâu rộng và là nền kinh tế lớn thứ 40 của thế giới, Việt Nam không thể tránh khỏi những tác động tiêu cực từ cơn khủng hoảng năng lượng toàn cầu này, nhất là khi giữa Việt Nam và Nga đang có một số dự án hợp tác tương đối lớn trong lĩnh vực năng lượng.

Đối với nguồn năng lượng tái tạo, câu chuyện “Việt Nam có tiềm năng thủy điện rất lớn” đã cũ và không còn phù hợp với tình hình hiện nay bởi các vấn đề về an ninh nguồn nước, nhất là chia sẻ nguồn nước từ thượng nguồn đang ngày càng bế tắc đối với đất nước ở vị trí hạ nguồn như Việt Nam. Theo Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 (Quy hoạch điện VIII), tỷ trọng thủy điện của Việt Nam cũng sẽ giảm dần vì các dự án thủy điện lớn cơ bản đã khai thác và đưa vào vận hành. Trong khi đó, các nguồn năng lượng tái tạo khác như: Điện mặt trời, điện gió, điện sinh khối... mặc dù được đánh giá là có tiềm năng lớn, nhưng sự phát triển các dự án điện từ năng lượng tái tạo vẫn chưa tương xứng, dù đạt được nhiều thành tựu đáng ghi nhận nhưng vẫn chiếm tỷ lệ nhỏ và cần nhiều nỗ lực để trở thành trụ cột của năng lượng quốc gia.

Mặt khác, mục tiêu đảm bảo an ninh năng lượng của Việt Nam còn đứng trước áp lực thực hiện các cam kết quốc tế trong bối cảnh hội nhập, nhất là các cam kết bảo vệ môi trường trong các Hiệp định

thương mại (FTA). Tại Hội nghị lần thứ 26 các bên tham gia công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu (COP26) diễn ra tại Vương quốc Anh năm 2021, Việt Nam đã cam kết đạt mục tiêu phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050 và tham gia Tuyên bố toàn cầu về chuyển đổi điện than sang năng lượng sạch. Việc thực thi các cam kết cũng đang đặt ra nhiều thách thức đối với bài toán chuyển đổi năng lượng của Việt Nam, khi mà ngành năng lượng góp tới khoảng 70% tổng lượng phát thải dioxit carbon.

### **Tiến hành đồng thời nhiều giải pháp đảm bảo an ninh năng lượng**

Đứng trước những yêu cầu phát triển của đất nước trong giai đoạn mới, vấn đề đảm bảo an ninh năng lượng luôn được ưu tiên hàng đầu. Việt Nam cần thực hiện đồng thời nhiều giải pháp nhằm bảo đảm vững chắc an ninh năng lượng quốc gia, cung cấp đầy đủ năng lượng ổn định, có chất lượng cao cho phát triển kinh tế - xã hội, phấn đấu thực hiện mục tiêu phát thải ròng bằng “0” đến năm 2050. Một số giải pháp đặt ra gồm:

*Sử dụng hiệu quả và tiết kiệm năng lượng:* Tiết kiệm năng lượng bảo đảm vững chắc an ninh năng lượng trong bối cảnh mới luôn được coi là giải pháp ưu tiên do chi phí đầu tư thấp nhưng đem lại hiệu quả cao và nguồn cung cấp năng lượng sơ cấp có chi phí thấp nhất cũng chính là sử dụng năng lượng hiệu quả và tiết kiệm.

*Chủ động nguồn cung nguyên/nhiên liệu sản xuất năng lượng, tiến hành chuyển dịch năng lượng, phát triển năng lượng tái tạo:* Đẩy mạnh tìm kiếm thăm dò các nguồn tài nguyên năng lượng, phát triển năng lượng gắn với bảo vệ môi trường. Trong bối cảnh nguồn cung

bị gián đoạn, Việt Nam đã chuyển hướng tìm kiếm những đối tác cung cấp năng lượng khác và đã đặt vấn đề với các đối tác từ Úc và Nam Phi. Đây có thể coi là giải pháp tạm thời để giải quyết bài toán nguồn cung trước mắt. Còn về lâu dài, chuyển dịch năng lượng sang nguồn năng lượng tái tạo chính là một giải pháp tiềm năng theo xu thế chuyển dịch chung của thế giới. Quá trình chuyển dịch năng lượng ở Việt Nam được cho là sẽ song hành với sự tăng trưởng nhanh chóng của nền kinh tế, quá trình đô thị hóa và công nghiệp hóa. Đồng thời, việc chuyển dịch năng lượng sẽ còn mang lại cơ hội việc làm và xu hướng này sẽ ngày càng nhân rộng, tạo ra điều kiện cần thiết cho sự phát triển của năng lượng tái tạo.

*Thực hiện dự trữ năng lượng:* Thực hiện lập kho dự trữ năng lượng là giải pháp để đối phó với tình trạng khẩn cấp khi có gián đoạn về nguồn cung bên ngoài. Theo đánh giá của các chuyên gia, khi mức thâm nhập năng lượng tái tạo vào hệ thống điện đạt từ 15% trở lên về quy mô sản lượng thì việc đầu tư hệ thống lưu trữ năng lượng (ESS) sẽ có ý nghĩa. Cơ chế ESS có thể hoạt động như một nguồn tích hợp để cung cấp nguồn dự trữ khi xảy ra chênh lệch giữa cung và cầu trong hệ thống điện (sự cố tổ máy, giảm đột ngột nguồn năng lượng tái tạo...). Hiện, Việt Nam chưa có hệ thống lưu trữ năng lượng. Từ năm 2021 đến nay, nhu cầu truyền tải công suất phát của điện mặt trời và điện gió lúc cao điểm làm gia tăng hiện tượng quá tải lưới điện cục bộ và tăng nhu cầu dịch chuyển đỉnh - đáy của các loại nguồn thủy điện, điện than và khí, nhưng nhiều thời điểm Trung tâm Điều độ Hệ thống điện Quốc gia buộc phải cắt giảm

khá lớn nguồn điện năng lượng tái tạo do quá tải, dẫn đến thiệt hại kinh tế của các nhà đầu tư và xã hội trong khi Việt Nam vẫn thiếu điện trong những tháng cao điểm.

*Cần nhắc sử dụng nguồn năng lượng mới:* Để tránh rơi vào thế bị động, phụ thuộc vào nguồn cung nguyên/nhiên liệu nước ngoài, Việt Nam cần cần nhắc việc phát triển các nguồn năng lượng khác nhau. Hiện nay, điện hạt nhân đang đóng góp trên 10% sản lượng điện toàn cầu và chiếm 1/3 trong số các loại nguồn điện được tạo ra bằng công nghệ phát thải carbon thấp. Việt Nam đã đề ra lộ trình giảm phát triển nhiệt điện than (từ năm 2030 đến năm 2045 không xây dựng thêm nhiệt điện than). Các chuyên gia cho rằng, nếu thời kỳ này bổ sung nguồn điện hạt nhân với quy mô công suất 4.000 MW sẽ đảm bảo nguồn điện ổn định và mức an ninh năng lượng sẽ cao hơn. Lợi thế của điện hạt nhân là hệ số sử dụng công suất cao và vòng đời khá dài (đến 60 năm và có thể đến 80 năm), nên sản lượng điện tạo ra ổn định, nhiều hơn các loại nguồn điện khác cùng công suất, dẫn đến giá thành rất rẻ khi hết khấu hao đầu tư, còn chi phí nhiên liệu trong giá điện thì rất thấp.

*Hoàn thiện cơ chế, chính sách để các ngành năng lượng phát huy vai trò trụ cột an ninh năng lượng:* Ngày 11/2/2020, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 55-NQ/TW về định hướng chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (Nghị quyết số 55-NQ/TW). Theo đó, quan điểm xuyên suốt của Nghị quyết số 55-NQ/TW là ưu tiên phát triển năng lượng nhanh và bền vững, đi trước một bước, gắn với bảo vệ môi trường sinh thái, bảo đảm quốc phòng, an ninh, sử dụng năng lượng tiết kiệm,

hiệu quả, bảo vệ môi trường. Để thực hiện Nghị quyết số 55-NQ/TW, Nghị quyết 140/NQ-CP ngày 02/10/2020 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 55-NQ/TW, Bộ Công Thương đã tổ chức xây dựng Dự thảo Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (Chiến lược phát triển năng lượng) và Dự thảo Báo cáo đánh giá tác động môi trường chiến lược (ĐCM) của Chiến lược phát triển năng lượng.

Căn cứ vào cam kết của Thủ tướng Chính phủ tại COP26, Dự thảo Quy hoạch điện VIII đã được hoàn chỉnh với kết quả tính toán nhu cầu tổng công suất các nhà máy điện tính đến năm 2030. Quy hoạch điện VIII có ý nghĩa quan trọng đối với an ninh năng lượng quốc gia với những hoạch định về bài toán năng lượng đáp ứng nhu cầu tăng trưởng quốc gia đặt trong tầm nhìn dài hạn. Trong gần 2 năm, từ 26/3/2021-11/11/2022 Bộ Công Thương đã có 8 tờ trình về phê duyệt Quy hoạch điện VIII nhằm rà soát, đưa ra những đánh giá, nhận định phù hợp với bối cảnh biến động của ngành năng lượng trong nước trước các tác động và các kịch bản dự phòng. Quy hoạch điện VIII đưa ra quy mô và cơ cấu nguồn điện toàn quốc đã được tính toán kỹ, phản ánh đúng quá trình chuyển dịch mạnh mẽ từ các nguồn điện sử dụng nhiên liệu hóa thạch sang các nguồn sử dụng năng lượng tái tạo. Phát huy tối đa thế mạnh, tài nguyên sẵn có của nước ta, giảm phụ thuộc vào nhiên liệu nhập khẩu, bám sát tiến bộ công nghệ và xu thế giảm giá thành của các loại hình năng lượng tái tạo. Đảm bảo mục tiêu phát thải ròng bằng 0 và năm 2050 và chi phí hệ thống điện nhỏ nhất./

# XUẤT KHẨU GẠO TRONG NĂM 2023: NHIỀU TRIỂN VỌNG TÍCH CỰC

**ThS. Đỗ Thị Thúy** - Trường Đại học Lao động Xã hội  
**TS. Ngô Thị Minh** - Trường Đại học Công nghiệp Đông Á

Những tháng đầu năm 2023, xuất khẩu gạo của Việt Nam đang có nhiều tín hiệu tích cực. Các chuyên gia kinh tế dự báo, xuất khẩu gạo Việt Nam năm 2023 sẽ đạt khoảng 6,6 - 7 triệu tấn, trị giá gần 4 tỷ USD.

## Rộng cửa cho xuất khẩu

Năm 2022, dù phải đối mặt với nhiều khó khăn do biến đổi khí hậu, biến động địa - chính trị giữa các nước hay lạm phát gia tăng, nhưng xuất khẩu gạo Việt Nam vẫn đạt được một số kết quả tích cực. Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, xuất khẩu gạo của Việt Nam năm 2022 đạt 7,13 triệu tấn, trị giá 3,45 tỉ đô la Mỹ, tăng 13,8% về số lượng và tăng 5,1% về kim ngạch so với cùng kỳ. Đáng chú ý, xuất khẩu gạo Việt Nam đã có sự chuyển dịch, khối lượng gạo chất lượng cao được xuất khẩu ngày một nhiều. Đặc biệt, năm 2022 tiếp tục ghi nhận xuất khẩu chủng loại gạo hữu cơ, gạo tăng cường vi chất dinh dưỡng, mặc dù số lượng nhỏ nhưng mang lại giá trị cao.

Điểm nổi bật trong xuất khẩu gạo năm 2022 là sự tăng trưởng ở hầu hết thị trường. Trong đó, thị trường EU ghi nhận sự tăng trưởng vượt bậc, ở mức 95.510 tấn gạo, vượt hạn ngạch 80.000 tấn mà EU dành cho Việt Nam. Các thị trường truyền thống và trọng điểm

vẫn tiếp tục được giữ vững như: Philippines, Trung Quốc, châu Phi, Cuba... Lần đầu tiên, Việt Nam xuất khẩu 3,2 triệu tấn gạo sang thị trường Philippines.

Các chuyên gia và các nhà quản lý kinh tế đánh giá, năm 2023 cùng với nền tảng là giá tốt, xuất khẩu gạo Việt Nam tiếp tục có nhiều triển vọng tăng trưởng mạnh. Đặc biệt là khi những bất ổn về kinh tế, chính trị, xung đột Nga - Ukraine chưa có hồi kết khiến các quốc gia

tăng mạnh nhu cầu dự trữ lương thực. Vì vậy, các doanh nghiệp Việt cần nắm chắc đơn hàng cả năm với mức giá cao đang là lợi thế giúp mặt hàng nông sản xuất khẩu chủ lực tiếp tục nâng cao vị thế trên thị trường quốc tế.

Theo tính toán của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (NN&PTNT), sản lượng lúa hàng hóa dùng cho xuất khẩu năm 2023 ước đạt trên 13 triệu tấn, tương đương 6,6 - 7 triệu tấn gạo. Cơ cấu



nhóm gạo xuất khẩu gồm: Gạo chất lượng cao đạt 3 triệu tấn; gạo thơm, đặc sản đạt hơn 2 triệu tấn; số còn lại thuộc nhóm gạo chất lượng trung bình và nếp. Số liệu của Tổng cục Thống kê cho thấy, trong tháng 3/2023, xuất khẩu gạo đạt 900.000 tấn, tương đương 480 triệu USD, tăng 70% về lượng và tăng 82% về giá trị so với tháng 3/2022. Lũy kế quý 1/2023, xuất khẩu gạo đạt 1,7 triệu tấn, tương đương 952 triệu USD, tăng 19% về lượng và tăng 30% về giá trị so với cùng kỳ năm 2022.

Hiệp hội Lương thực Việt Nam (VFA) cho biết, hiện các thị trường nhập khẩu chính của Việt Nam như Philippines, Trung Quốc và châu Phi... vẫn có nhu cầu mua gạo lớn từ Việt Nam nên giá lúa, gạo xuất khẩu diễn biến khá đồng điệu với thương mại gạo thế giới.

Tại thị trường Philippines - quốc gia tiêu thụ gạo lớn nhất của Việt Nam, Chính phủ nước này mới đây đã quyết định duy trì thuế nhập khẩu gạo ở mức 35%. Việc duy trì chính sách giảm thuế nhập khẩu của Philippines sẽ tạo thuận lợi cho xuất khẩu gạo Việt Nam trong năm 2023 cũng như đảm bảo tính ổn định của thị trường.

Trung Quốc hiện đã mở cửa thị trường trở lại, cũng là tín hiệu tích cực cho các doanh nghiệp xuất khẩu gạo. Dự báo năm 2023, xuất khẩu gạo sang Trung Quốc có thể đạt 1 triệu tấn.

Đối với thị trường Bangladesh, quốc gia này đã đồng ý gia hạn biên bản ghi nhớ về thương mại gạo với Việt Nam thêm 5 năm. Động thái này sẽ tạo thêm cơ hội để gạo Việt thâm nhập thị trường Bangladesh ổn định trong thời gian tới.

Đáng chú ý, những thị trường khó tính như: Châu Âu, Hàn Quốc, Australia và một số thị trường

mới mở ở các nước khu vực Trung Đông sẽ tiếp tục tạo ra cơ hội cho doanh nghiệp Việt gia tăng xuất khẩu khi người tiêu dùng đang rất chuộng các loại gạo chất lượng cao của Việt Nam.

Theo VFA, triển vọng xuất khẩu gạo của Việt Nam vẫn "rộng cửa" trong dài hạn, trong đó phải kể đến chính sách hạn chế xuất khẩu gạo của Ấn Độ. Mặt khác, một nước xuất khẩu quan trọng là Pakistan cũng vừa trải qua trận lũ lịch sử làm ảnh hưởng nghiêm trọng nguồn cung. Trên cơ sở này, hoạt động xuất khẩu gạo năm 2023 của các doanh nghiệp trong nước sẽ diễn ra thuận lợi, doanh thu tăng khoảng 30% so với năm 2022.

Lạc quan về dư địa tăng trưởng xuất khẩu, Cục Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương) nhận định, mỗi năm Việt Nam sản xuất từ 22 - 23 triệu tấn gạo, trong đó xuất khẩu chỉ chiếm khoảng 15%. Vì vậy, dư địa để gia tăng sản lượng xuất khẩu là khá lớn. Đặc biệt, với việc sản xuất hơn 80% dòng gạo thơm, chất lượng cao đang mở ra cơ hội để ngành hàng này phát triển và vươn xa.

### **Nắm bắt cơ hội, bám sát thị trường**

Dù có nhiều tín hiệu tích cực, song các chuyên gia, nhà quản lý đều đưa ra nhận định, thị trường vẫn còn những khó khăn tiềm ẩn liên quan đến giá cước vận tải biển và giá cả đầu vào sản xuất lúa gạo cao. Trong khi đó, tình hình xung đột ở một số khu vực trên thế giới vẫn đang và sẽ tác động đến giá nhiều mặt hàng lương thực khác.

Để đảm bảo an ninh lương thực và xuất khẩu gạo, Bộ Công Thương đã chỉ đạo các cơ quan chuyên môn theo sát tình hình thị trường; đồng thời chủ động trong các hoạt động xúc tiến thương mại

và thông báo các diễn biến kịp thời về tình hình thị trường cho hiệp hội ngành hàng và các doanh nghiệp xuất khẩu. Hiện nay, Sở Công Thương một số tỉnh, thành phố cho biết đang hỗ trợ các doanh nghiệp trong việc xây dựng vùng nguyên liệu, thiết lập các đơn hàng kết nối thị trường, tận dụng thời điểm giá xuất khẩu gạo cao.

Về phía Bộ NN&PTNT, để đón đầu các cơ hội xuất khẩu gạo năm 2023, trước đó, Bộ đã chỉ đạo các vùng trọng điểm sản xuất lúa, nhất là Đồng bằng sông Cửu Long thực hiện canh tác lúa ưu tiên các giống lúa ngắn ngày chất lượng cao, giống lúa thơm phù hợp với yêu cầu của thị trường; giảm tỷ lệ các giống lúa chất lượng trung bình và lúa nếp.

Trước những dự báo được chuyên gia, nhà quản lý đưa ra, các doanh nghiệp xuất khẩu gạo đã bám sát và thực hiện tốt khai thác thị trường. Theo đó, các doanh nghiệp đều hoạch định chiến lược cụ thể cho từng thị trường nhằm tận dụng lợi thế của những Hiệp định thương mại tự do đã thực thi; đồng thời từng bước nâng cao giá trị, vị thế của ngành gạo trên thị trường quốc tế.

Công ty Hoàng Minh Nhật (TP Cần Thơ) chia sẻ, theo Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - EU (EVFTA), Việt Nam được cấp hạn ngạch 80.000 tấn, trong đó 30.000 tấn gạo trắng, 30.000 gạo thơm, 20.000 tấn gạo lứt. Do đó, các đơn hàng gạo xuất khẩu nếu nằm trong danh mục trên thì được miễn thuế 175 ER/tấn. Do đó, 3 năm qua, Công ty đã không ngừng gia tăng sản lượng, chủng loại gạo để tận dụng tối đa lợi thế từ Hiệp định này.

(Xem tiếp trang 43)

# ĐỜI SỐNG CỦA HỘ DÂN CƯ TRONG QUÝ ĐẦU NĂM 2023 VẪN DUY TRÌ ỔN ĐỊNH

**Phạm Thị Quỳnh Lợi**

Vụ trưởng Vụ Thống kê Xã hội và Môi trường - TCTK



**D**ù tốc độ tăng trưởng kinh tế chậm lại nhưng các hoạt động đời sống của hộ dân cư trong quý I năm 2023 vẫn duy trì ổn định, với tỷ lệ hộ đánh giá có thu nhập trong tháng không thay đổi và tăng lên so với tháng cùng kỳ năm 2022 là 93,4% (tăng tới 20,3 điểm phần trăm so với quý I năm 2022).

Mặc dù, đời sống dân cư trong quý I vẫn duy trì ổn định và tăng so với cùng kỳ năm 2022 nhưng tỷ lệ hộ đánh giá thu nhập tăng lên trong tháng Ba có xu hướng thấp đi so với tháng Hai (giảm 3,8 điểm phần trăm, từ 17,2% còn 13,4%) và tỷ lệ đánh giá có thu nhập không đổi tăng lên (4,9 điểm phần trăm, từ 77,1% lên 82%). Điều này phù hợp với thực tế khi mà mọi hoạt động kinh tế đã bình thường trở lại thì thu nhập của hộ cũng dần ổn định, đặc biệt các hoạt động du lịch, dịch vụ sôi động trở lại, sẽ giúp cho người lao động có việc làm từ đó tạo thu nhập. Việc Trung Quốc thí điểm mở cửa du lịch

theo đoàn vào Việt Nam từ 15/3/2023 cũng sẽ góp phần tạo việc làm và thu nhập cho người lao động.

Bên cạnh đó, kết quả khảo sát cho thấy, trong quý I vẫn có 5,3% hộ đánh giá có thu nhập giảm so với cùng kỳ năm 2022. Những nguyên nhân cơ bản khiến cho thu nhập của hộ giảm là do hộ có thành viên bị mất việc làm hoặc tạm nghỉ việc (37,5%); Chi phí đầu vào cho các hoạt động SXKD của hộ tăng (28,5%) và giá bán các sản phẩm từ các hoạt động SXKD của hộ giảm (24%).

Như vậy, mặc dù đời sống dân cư Quý I năm 2023 duy trì ổn định nhưng vẫn có hộ đánh giá thu nhập giảm và tỷ lệ này có thể tăng lên khi có những tác động từ các yếu tố khách quan và chủ quan, cụ thể:

*Thứ nhất*, những tiềm ẩn rủi ro từ bên ngoài sẽ ảnh hưởng đến thu nhập của hộ, đó là khi nhu cầu toàn cầu yếu đi, trong điều kiện vẫn còn yếu tố bất định về chính trị và hoạt động kinh tế chừng lại

ở một số thị trường lớn như Hoa Kỳ, các nước Châu Âu sẽ tạo nhiều sức ép lên việc làm của người lao động hưởng lương và ảnh hưởng đến thu nhập của hộ.

*Thứ hai*, doanh nghiệp thiếu đơn đặt hàng và có thể họ sẽ cắt giảm lao động dẫn đến người lao động có thể mất việc làm hoặc tạm nghỉ việc hoặc làm việc ít hơn như vậy thu nhập sẽ giảm.

*Thứ ba*, một số chính sách mới liên quan đến đời sống của hộ như: Chấm dứt chính sách giảm 2% thuế suất giá trị gia tăng đối với một số nhóm hàng hóa, dịch vụ; tăng lãi suất vay mua nhà ở xã hội lên 5% từ ngày 01/01/2023.

Để giải quyết các tiềm ẩn nêu trên giúp người dân tăng thu nhập, nâng cao đời sống trong thời gian tới, Chính phủ, Bộ ngành và chính quyền địa phương cần: Tăng cường thực hiện có hiệu quả các chương trình, chính sách phát triển kinh tế, hỗ trợ doanh nghiệp tìm kiếm, mở rộng thị trường, xúc tiến đầu tư và du lịch; Tiếp tục quan tâm đến chính sách an sinh xã hội và hỗ trợ kịp thời cho người lao động, hộ gia đình có thành viên mất việc làm và người nghèo; và trong trường hợp cần thiết xem xét giảm thuế VAT đối với các hàng hóa, dịch vụ thiết yếu phục vụ nhu cầu đời sống sinh hoạt hàng ngày của người dân như điện, nước, mặt hàng lương thực thực phẩm./.





## TÌNH HÌNH LAO ĐỘNG VIỆC LÀM QUÝ I NĂM 2023

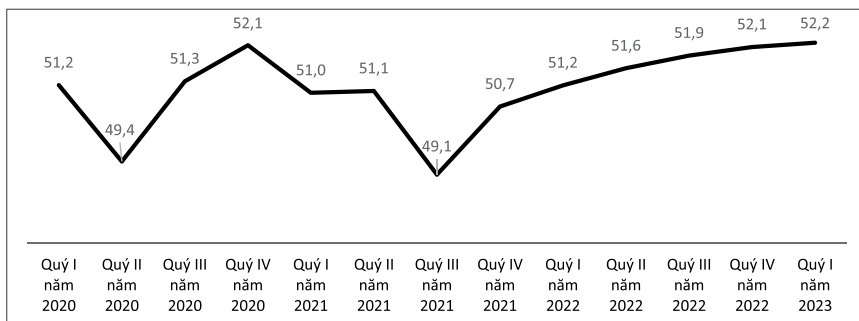
Thị trường lao động quý I năm 2023 tiếp tục duy trì đà phục hồi. Lực lượng lao động, số người có việc làm quý I năm 2023 tiếp tục tăng so với quý trước và so với cùng kỳ năm trước. Thu nhập bình quân tháng của người lao động tăng so với quý trước và so với cùng kỳ năm trước. Bên cạnh đó, tỷ lệ thất nghiệp và thiếu việc làm trong độ tuổi lao động giảm so với quý trước và giảm so với cùng kỳ năm trước.

### Lực lượng lao động

Lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên trong quý I năm 2023 là 52,2 triệu người, tăng 88,7 nghìn người so với quý trước và tăng hơn một triệu người so với cùng kỳ năm trước. So với quý trước, lực lượng lao động ở khu vực thành thị tăng 121 nghìn người; trong khi đó khu vực nông thôn giảm 32,3 nghìn người, lực lượng lao động nam và nữ đều tăng, tương ứng tăng 60,3 nghìn người và 28,4 nghìn người. So với cùng kỳ năm trước, lực lượng lao động ở cả khu vực thành thị, nông thôn và nam nữ đều tăng (tăng tương ứng là 355,4 nghìn người; 680,4 nghìn người; 597,9 nghìn người và 438,0 nghìn người).

### Lực lượng lao động theo quý, giai đoạn 2020 – 2023

Đơn vị tính: Triệu người



Tỷ lệ tham gia lực lượng lao động quý I năm 2023 là 68,9%, không thay đổi so với quý trước và tăng 0,8 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm trước. Tỷ lệ tham gia lực lượng lao động của nữ giới là 62,9% và của tỷ lệ này của nam giới là 75,3%. Tỷ lệ tham gia lực lượng lao động khu vực thành thị là 65,2%, trong khi đó tỷ lệ này ở nông thôn là 71,3%. Xem xét theo nhóm tuổi, tỷ lệ tham gia lực lượng lao động ở khu vực thành thị thấp hơn khu vực nông thôn ở các nhóm tuổi rất trẻ và nhóm tuổi già, trong đó chênh lệch nhiều nhất được ghi nhận ở nhóm 55 tuổi trở lên (thành thị: 30,9%; nông thôn: 48,3%) và nhóm từ 15-24 tuổi

(thành thị: 39,0%; nông thôn: 48,8%). Điều này cho thấy, người dân tại khu vực nông thôn gia nhập thị trường lao động sớm hơn và rời bỏ thị trường muộn hơn khá nhiều so với khu vực thành thị.

Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng, chứng chỉ quý I năm 2023 là 26,4%, không thay đổi so với quý trước và cao hơn 0,3 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm trước.

Trong tổng số 23,5 triệu người từ 15 tuổi trở lên không tham gia thị trường lao động (ngoài lực lượng lao động) của quý I năm 2023, có 12,2 triệu người trong độ tuổi lao động, tập trung nhiều nhất ở nhóm 15-19 tuổi (5,2 triệu người).

### Số người có việc làm

Số người từ 15 tuổi trở lên có việc làm quý I năm 2023 là 51,1 triệu người, tăng 113,5 nghìn người so với quý trước và tăng 1,1 triệu người so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, số lao động có việc làm ở khu vực thành thị là 18,9 triệu người (chiếm 37,0%), tăng 120,9 nghìn người so với quý trước và tăng 386,4 nghìn người so với cùng kỳ năm trước, lao động có việc làm ở khu vực nông thôn đạt 32,2 triệu người,

giảm 7,3 nghìn người so với quý trước và tăng 726,4 nghìn người so với cùng kỳ năm trước.

Trong tổng số 51,1 triệu lao động có việc làm, lao động trong khu vực dịch vụ chiếm tỷ trọng lớn nhất với 39,0%, tương đương gần 20,0 triệu người, tiếp đến là lao động trong khu vực công nghiệp và xây dựng, chiếm 33,9%, tương đương 17,3 triệu người. Lao động trong khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỷ trọng thấp nhất, 27,1%, tương đương 13,8 triệu người. So với quý trước và cùng kỳ năm trước, qui mô lao động trong khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản đều giảm lần lượt là 285,6 nghìn người và 53,6 nghìn người; lao động trong khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 360,9 nghìn người so với quý trước và tăng 566,9 nghìn người so với cùng kỳ năm trước; lao động trong ngành dịch vụ tăng 38,1 nghìn người so với quý trước và tăng 599,3 nghìn người so với cùng kỳ năm trước.

Số người có việc làm phi chính thức chung (bao gồm cả lao động làm việc trong hộ nông nghiệp) trong quý I năm 2023 là 33,0 triệu người, giảm 327,1 nghìn người so với quý trước và giảm 322,4 nghìn người so với cùng kỳ năm trước. Tỷ lệ lao động có việc làm phi chính thức chung quý I năm 2023 là 64,6%, giảm 0,8 điểm phần trăm so với quý trước và giảm 2,1 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm trước.

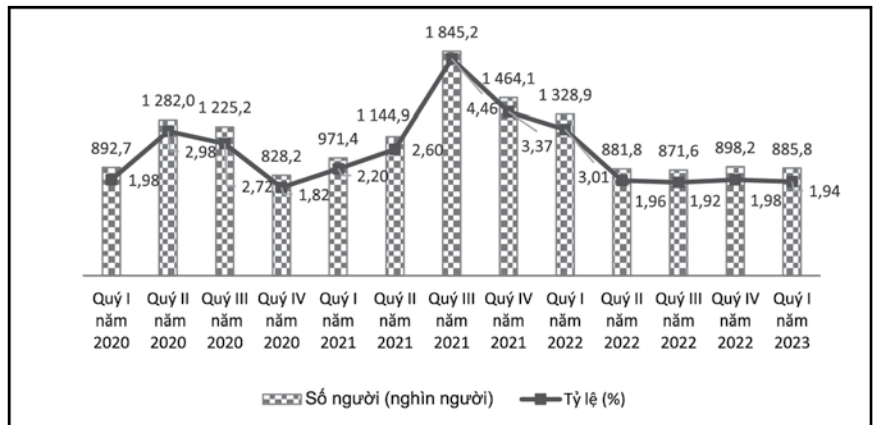
Số người có việc làm phi chính thức phi hộ nông, lâm nghiệp và thủy sản là 21,2 triệu người, giảm 15,6 nghìn người so với quý trước và giảm 119,3 nghìn người so với cùng kỳ năm trước. So với cùng kỳ năm 2022, số lao động phi chính thức phi hộ nông, lâm nghiệp và thủy sản giảm cùng với số lao động

chính thức tăng mạnh (tăng 1,4 triệu người) đã làm cho tỷ lệ lao động phi chính thức phi nông nghiệp giảm mạnh, giảm 2,1 điểm phần trăm.

**Lao động thiếu việc làm**

Số người thiếu việc làm trong độ tuổi quý I năm 2023 là khoảng 885,5 nghìn người, giảm 12,4 nghìn người so với quý trước và giảm 443,1 nghìn người so với cùng kỳ năm trước. Tỷ lệ thiếu việc làm của lao động trong độ tuổi quý này là 1,94%, giảm 0,04 điểm phần trăm so với quý trước và giảm 1,07 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm trước. Tỷ lệ thiếu việc làm của lao động trong độ tuổi ở khu vực thành thị thấp hơn so với khu vực nông thôn (tương ứng là 1,31% và 2,34%). Như vậy, tình hình thiếu việc làm của người lao động giảm so với quý trước và cùng kỳ năm trước.

**Số người và tỷ lệ thiếu việc làm trong độ tuổi lao động theo quý, 2020-2023**



**Thu nhập bình quân tháng của người lao động**

Thu nhập bình quân tháng của người lao động quý I năm 2023 là 7,0 triệu đồng, tăng 197 nghìn đồng so với quý trước và tăng 640 nghìn đồng so với cùng kỳ năm trước. Thu nhập bình quân tháng của lao động nam cao gấp 1,36 lần thu nhập bình quân tháng của lao động nữ (8,0 triệu đồng so với 5,9 triệu đồng). Thu nhập bình quân của lao động ở khu vực thành thị cao gấp 1,41 lần khu vực nông thôn (8,6 triệu đồng so với 6,1 triệu đồng).

Tính chung quý I năm 2023 thu nhập bình quân của người lao động tăng ở cả ba khu vực kinh tế. Tuy vậy, sự gia tăng thu nhập của người lao động trong quý này không diễn ra ở tất các ngành kinh tế, trong khi thu nhập bình quân của người lao động một số ngành kinh tế tăng, một số ngành kinh tế khác có sự sụt giảm thu nhập bình quân so với quý trước.

Trong ba khu vực kinh tế, lao động làm việc trong khu vực dịch vụ có tốc độ tăng thu nhập cao nhất. So với cùng kỳ năm 2022, thu nhập bình quân tháng của lao động làm việc trong ngành dịch vụ là 8,3 triệu đồng, tăng 10,1%, tương ứng tăng 766 nghìn đồng. Lao động làm việc trong ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản có thu nhập bình quân là 4,1 triệu đồng, tăng 9,2%, tương ứng tăng khoảng 345 nghìn đồng. Lao động làm việc trong khu vực công nghiệp và xây dựng là 7,9 triệu đồng, là khu vực có tốc độ tăng thấp nhất trong ba khu vực kinh tế, tăng 9,0%, tương ứng tăng khoảng 655 nghìn đồng so với cùng kỳ năm trước.

Xét theo ngành kinh tế, một số ngành kinh tế ghi nhận tốc độ tăng so với quý trước như: lao động làm việc trong ngành khai khoáng

có thu nhập bình quân là 10,3 triệu đồng, tăng 6,7%, tương ứng tăng 640 nghìn đồng so với quý trước; thu nhập bình quân tháng của lao động trong ngành bán buôn, bán lẻ, sửa chữa ô tô, xe máy là 8,2 triệu đồng, tăng 3,8%, tương ứng tăng 300 nghìn đồng so với quý trước; ngành vận tải, kho bãi lao động có thu nhập bình quân tháng là 9,6 triệu đồng, tăng 2,7%, tương ứng tăng 255 nghìn đồng so với quý.

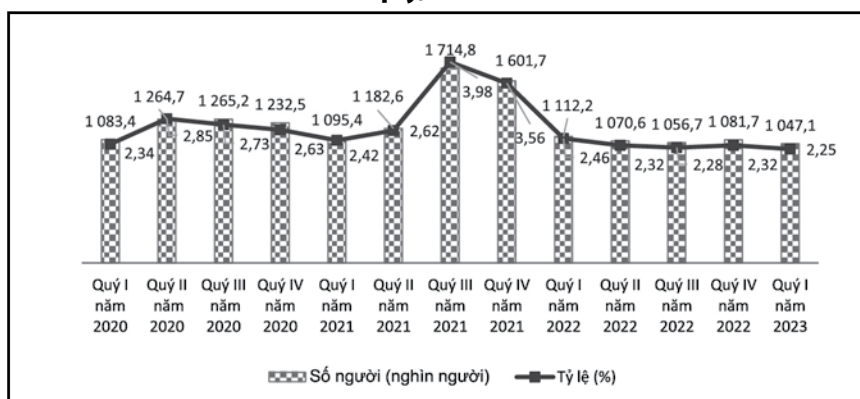
Đáng chú ý, so với quý trước, quý I năm nay chứng kiến sự sụt giảm về thu nhập bình quân tháng của người lao động trong một số ngành kinh tế như: Thu nhập bình quân của lao động ngành hoạt động kinh doanh bất động sản là 10,5 triệu đồng, giảm 2,6%, tương ứng giảm 275 nghìn đồng; thu nhập bình quân của lao động ngành sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước là 9,8 triệu đồng, giảm 1,3%, tương ứng giảm 125 nghìn đồng; ngành xây dựng lao động có thu nhập bình quân là 7,8 triệu đồng, giảm khoảng 1%, tương ứng giảm 41 nghìn đồng.

Thu nhập bình quân của lao động làm công hưởng lương quý I năm 2023 là 7,9 triệu đồng, tăng 2,6%, tương ứng tăng 204 nghìn đồng so với quý trước. So với cùng kỳ năm 2022, thu nhập bình quân của lao động làm công hưởng lương quý I năm 2023 tăng 7,9%, tương ứng tăng 578 nghìn đồng. Lao động nam làm công hưởng lương có thu nhập bình quân là 8,3 triệu đồng, cao hơn 1,14 lần thu nhập bình quân của lao động nữ (7,3 triệu đồng). Thu nhập bình quân của lao động làm công hưởng lương làm việc ở khu vực thành thị cao hơn 1,25 lần lao động làm việc ở khu vực nông thôn (8,9 triệu đồng so với 7,1 triệu đồng).

### Thất nghiệp trong độ tuổi lao động

Ngày 10/01/2023, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 06/NQ-CP về phát triển thị trường lao động linh hoạt, hiện đại nhằm phục hồi nhanh kinh tế - xã hội. Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội đã chỉ đạo các địa phương triển khai chương trình phục hồi và phát triển thị trường lao động, tập trung vào các hoạt động hỗ trợ người lao động quay trở lại nơi làm việc, cho vay giải quyết việc làm, hỗ trợ phát triển thị trường lao động; theo dõi chặt chẽ, nắm tình hình lao động, nhất là trong các khu công nghiệp, khu chế xuất, trong thời gian trước và sau Tết Nguyên đán, để kịp thời có phương án hỗ trợ doanh nghiệp khắc phục tình trạng thiếu hụt lao động sau Tết; tình hình thị trường lao động quý I năm 2023 khá ổn định. Cụ thể, số người thất nghiệp trong độ tuổi lao động quý I năm 2023 là khoảng 1,05 triệu người, giảm 34,6 nghìn người so với quý trước và giảm 65,1 nghìn người so với cùng kỳ năm trước. Tỷ lệ thất nghiệp trong độ tuổi lao động quý I năm 2023 là 2,25%, giảm 0,07 điểm phần trăm so với quý trước và giảm 0,21 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm trước.

**Số người và tỷ lệ thất nghiệp trong độ tuổi lao động theo quý, 2020-2023**



Tỷ lệ thất nghiệp của thanh niên 15-24 tuổi quý I năm 2023 là 7,61%, giảm 0,09 điểm phần trăm so với quý trước và giảm 0,32 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm trước. Tỷ lệ thất nghiệp của thanh niên khu vực thành thị là 9,46%, cao hơn 2,81 điểm phần trăm so với khu vực nông thôn.

### Lao động làm công việc tự sản tự tiêu

Trong giai đoạn từ quý I năm 2010 đến quý I năm 2023, số lao động làm công việc tự sản tự tiêu liên tục giảm dần qua các quý. Con số này của quý I năm 2023 là 4,0 triệu người, giảm 0,2 triệu người so với quý trước và giảm 0,8 triệu người so với cùng kỳ năm trước. Số lao động này chủ yếu ở khu vực nông thôn. Gần hai phần ba số người làm công việc tự sản tự tiêu quý I năm 2023 là nữ giới (chiếm 62,9%).

Trong tổng số 4,0 triệu người là lao động sản xuất tự sản tự tiêu, có khoảng gần 2,2 triệu người đang trong độ tuổi lao động (chiếm 54,2%). Hầu hết tất cả lao động sản xuất tự sản tự tiêu đều không có bằng cấp, chứng chỉ. Trong bối cảnh thị trường lao động ngày càng đòi hỏi, yêu cầu cao về tay nghề, kỹ năng cũng như nền kinh tế có dấu hiệu suy thoái và thiếu tính ổn định, cơ hội để nhóm lao động này tìm kiếm được công việc tốt là rất khó khăn./

(Nguồn: Tổng cục Thống kê)

# THÁCH THỨC BẢO VỆ TÀI NGUYÊN NƯỚC TẠI VIỆT NAM

Việt Nam cũng như nhiều quốc gia khác trên thế giới và trong khu vực hiện đang phải đối mặt với nhiều thách thức liên quan đến nguồn nước. Để có thêm những định hướng trong quản lý, bảo vệ và phát triển bền vững nguồn tài nguyên nước, mới đây Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1622/QĐ-TTg ngày 27/12/2022 phê duyệt Quy hoạch tài nguyên nước thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Đây là một trong những cơ sở quan trọng cho việc lập các quy hoạch ngành quốc gia có khai thác, sử dụng nước, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, mang tính chiến lược, dài hạn và tổng thể nhằm phát triển bền vững tài nguyên nước ở nước ta.

## Thu Hòa

**T**heo thống kê, Việt Nam có 3.450 sông, suối với chiều dài từ 10 km trở lên, trong đó có 697 sông, suối, kênh, rạch thuộc nguồn nước liên tỉnh, 173 sông, suối, kênh, rạch thuộc nguồn nước liên quốc gia và 38 hồ, đầm phá liên tỉnh. Tổng lượng dòng chảy hàng năm khoảng 844,4 tỷ m<sup>3</sup>. Nước ta cũng là quốc gia có nhiều tiềm năng về nguồn nước dưới đất, tuy nhiên chỉ tập trung chủ yếu ở các khu vực đồng bằng

Bắc Bộ, đồng bằng Nam Bộ và khu vực Tây Nguyên, tổng trữ lượng tiềm năng nước dưới đất trên toàn lãnh thổ ước tính khoảng 91,5 tỷ m<sup>3</sup>/năm (nước nhạt khoảng 69,1 tỷ m<sup>3</sup>/năm, nước mặn khoảng 22,4 tỷ m<sup>3</sup>/năm).

Tổng lượng nước bình quân trên đầu người của Việt Nam vào khoảng 8.610 m<sup>3</sup>/người/năm, cao hơn so với tiêu chuẩn của khu vực và trên toàn cầu. Tuy nhiên, nếu chỉ xét nguồn nước nội sinh

của Việt Nam thì tổng lượng nước bình quân trên đầu người chỉ đạt 3.280 m<sup>3</sup>/người/năm, thấp hơn so với trung bình của Đông Nam Á là 4.900 m<sup>3</sup>/người/năm.

Mặc dù được đánh giá là quốc gia có nguồn tài nguyên nước khá phong phú và dồi dào song Việt Nam cũng là một trong những nơi hứng chịu nhiều thảm họa thiên tai lớn nhất ở Đông Nam Á, Thái Bình Dương. Cùng với đó, trong bối cảnh biến đổi khí hậu ngày càng

có nhiều diễn biến phức tạp, mức độ rủi ro thiên tai ngày càng tăng đã khiến cho nguồn tài nguyên nước của nước ta đối mặt với nhiều thách thức lớn, trong đó phải kể đến một số thách thức như:

Tài nguyên nước Việt Nam phụ thuộc nhiều vào các nguồn nước quốc tế và đang đứng trước thách thức về an ninh nguồn nước do các quốc gia thượng nguồn tăng cường khai thác nguồn nước. Theo các nghiên cứu, đa số các hệ thống sông lớn của Việt Nam đều là các sông có liên quan đến nước ngoài. Phần diện tích nằm ngoài lãnh thổ của các lưu vực sông quốc tế chiếm hơn 70% tổng diện tích của toàn bộ các lưu vực sông. Trong bối cảnh các nước ở thượng lưu đang tăng cường xây dựng các công trình thủy điện, chuyển nước và xây dựng nhiều công trình lấy nước, dẫn đến tình trạng nguồn nước chảy về Việt Nam sẽ ngày càng suy giảm.

Nguồn tài nguyên nước phân bố không đều theo cả không gian và thời gian đã dẫn đến tình trạng khan hiếm và thiếu nước vào mùa khô. Theo không gian, khoảng 60% nước mặt Việt Nam thuộc Đồng bằng sông Cửu Long, hơn 20% thuộc sông Hồng và Đồng Nai và lượng nước tập trung chủ yếu vào mùa mưa. Theo thời gian, mùa khô thường kéo dài từ 6 đến 9 tháng, lượng dòng chảy tự nhiên trong mùa khô chỉ chiếm 20-30% tổng lượng dòng chảy cả năm. Tổng lượng nước hàng năm chiếm 70-80% tập trung vào 3-4 tháng mùa mưa.

Việc khai thác sử dụng tài nguyên nước chưa hợp lý và thiếu bền vững dẫn đến tình trạng suy giảm tài nguyên nước trong khi hiệu quả sử dụng nước còn thấp. Tình trạng khai thác các hồ chứa thủy lợi cho tưới nông nghiệp,

thủy điện cho năng lượng đang gây ra nhiều vấn đề về chia sẻ nước trên lưu vực, cấp nước và duy trì dòng chảy môi trường hạ du.

Quá trình phát triển kinh tế-xã hội, công nghiệp hóa, đô thị hóa; sự gia tăng của dân số và nhu cầu sử dụng nước phục vụ dân sinh và sản xuất, kinh doanh ngày càng tăng nhanh, tình trạng ô nhiễm nguồn nước chưa được giải quyết triệt để đã làm suy giảm chất lượng nước. Thực tế cho thấy, nguồn nước mặt ở nhiều khu vực đô thị, khu công nghiệp, làng nghề đều đã có dấu hiệu ô nhiễm cục bộ, nhiều nơi ô nhiễm nghiêm trọng. Nhiễm bẩn, ô nhiễm nguồn nước dưới đất từ ô nhiễm nước mặt, ô nhiễm đất: Nhiễm mặn, cạn kiệt nguồn nước dưới đất do khai thác có xu hướng gia tăng nhất là tại các khu vực đô thị, khu dân cư, làng nghề, ven biển của đồng bằng Bắc Bộ, Nam Bộ, ven biển miền Trung.

Hệ thống quan trắc giám sát tài nguyên nước có mật độ thưa và chưa đáp ứng được việc giám sát tài nguyên nước một cách tổng quan cho toàn vùng, toàn lưu vực, mà chỉ mang tính dạng điểm, cục bộ cho một khoảnh diện tích, tầng chứa nước khu vực nhất định. Việc giám sát, đưa ra cảnh báo, dự báo

đối với mức độ hạ thấp mực nước, nhất là xâm nhập mặn còn rất hạn chế, dẫn đến việc giám sát và cảnh báo gặp nhiều khó khăn.

Bên cạnh đó, những thông tin về tài nguyên nước hiện nay được tính toán/ước tính theo nhiều phương pháp khác nhau và có nhiều nguồn dữ liệu khác nhau nên kết quả chưa được thống nhất. Số liệu điều tra cơ bản về nguồn nước bao gồm số lượng, chất lượng chưa được xây dựng một cách đầy đủ và đồng bộ ảnh hưởng đến việc khai thác, quản lý, bảo vệ và phát triển bền vững nguồn tài nguyên nước...

Trước thực tế trên để có những định hướng quản lý, bảo vệ và phát triển nguồn tài nguyên nước bền vững, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1622/QĐ-TTg ngày 27/12/2022 phê duyệt Quy hoạch tài nguyên nước thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Với quan điểm Quy hoạch tài nguyên nước phải mang tính chiến lược, đảm bảo tầm nhìn dài hạn, định hướng tổng thể, điều hòa, phân phối tài nguyên nước đáp ứng các mục tiêu của Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030, ưu tiên đảm bảo cấp nước cho sinh hoạt,



ổn định an sinh xã hội, xóa đói giảm nghèo, hài hòa với yêu cầu phát triển của từng ngành, từng địa phương và cộng đồng.

Mục tiêu đặt ra tại Quy hoạch là đảm bảo an ninh nguồn nước quốc gia; quản lý, bảo vệ, sử dụng hiệu quả, bền vững tài nguyên nước; điều hòa, phân phối, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra đảm bảo cân bằng giữa nhu cầu cho dân sinh, phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ môi trường, giảm thiểu tối đa thiệt hại tính mạng và tài sản của nhân dân; kiểm soát chất lượng, trữ lượng các nguồn nước, nâng cao khả năng tích trữ nước trên các lưu vực sông, vùng kinh tế, địa phương, bảo đảm quốc phòng, an ninh, phù hợp với chức năng và khả năng đáp ứng của nguồn nước trong điều kiện biến đổi khí hậu.

Hướng tới quản trị tổng hợp ngành nước trên nền tảng công nghệ số; quản lý, sử dụng tài nguyên nước theo chu trình tuần hoàn, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, phục vụ đa mục tiêu, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước nhanh và bền vững.

Mục tiêu đến năm 2030 điều hòa, phân phối tài nguyên nước

công bằng, hợp lý giữa các ngành, địa phương, các đối tượng khai thác, sử dụng nước theo quy hoạch tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh, đảm bảo chiến lược phát triển kinh tế, an sinh xã hội. Đến năm 2025, 100% lưu vực sông lớn, quan trọng có quy hoạch tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh; đảm bảo nguồn nước góp phần nâng tỷ lệ sử dụng nước sạch cho mục đích sinh hoạt của dân cư đô thị đạt 95% - 100% và 65% dân số nông thôn được sử dụng nước sạch.

Kiểm soát cơ bản 90% các hoạt động khai thác, sử dụng nước; nâng cao hiệu quả, năng lực khai thác, sử dụng nước và giảm tối đa thất thoát nước trong hệ thống các công trình thủy lợi; giảm tỷ lệ thất thoát nước trong hoạt động cấp nước xuống 10%. Khắc phục hiệu quả tình trạng hạn hán, thiếu nước vào mùa khô ở các lưu vực sông, các vùng khó tiếp cận nguồn nước, đặc biệt là các vùng Nam Trung Bộ, Tây Nguyên, đồng bằng sông Cửu Long, vùng sâu, vùng xa và các đảo.

Quy hoạch cũng đặt mục tiêu bảo vệ, kiểm soát, ngăn chặn và giảm thiểu tối đa tình trạng gia tăng suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm nguồn nước, phấn đấu đến năm 2030 thu gom, xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật trước khi xả ra môi trường đạt từ 30% tổng lượng nước thải tại các đô thị loại II trở lên và 10% tại các đô thị từ loại V trở lên.

Cải thiện, phục hồi các nguồn nước quan trọng bị suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm, ưu tiên các đoạn sông chảy qua khu vực dân cư tập trung, các nguồn nước có vai trò quan trọng cho cấp nước sinh hoạt, các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội theo hướng xã hội hóa, đặc biệt là trên dòng chính sông Hồng, sông Cả, sông Vu Gia - Thu Bồn và sông Ba.

Đồng thời, hoàn thành việc khoanh định, công bố vùng hạn chế khai thác nước dưới đất; các ao, hồ, đầm, phá không được san lấp; phòng, chống sụt, lún do khai thác nước dưới đất; hoàn thành việc lập, công bố hành lang bảo vệ nguồn nước, đảm bảo lưu thông dòng chảy, phòng, chống sạt, lở bờ, bãi sông, giảm thiểu tác hại do nước gây ra.

Bảo vệ các nguồn nước liên quan đến hoạt động tôn giáo, tín ngưỡng, có giá trị cao về đa dạng sinh học, bảo tồn văn hóa; nâng cao mức đảm bảo an ninh nguồn nước quốc gia lên nhóm các quốc gia đảm bảo an ninh tài nguyên nước hiệu quả trong khu vực Đông Nam Á. Quản trị ngành nước trên nền tảng công nghệ số, đáp ứng yêu cầu quản lý tổng hợp tài nguyên nước theo lưu vực sông và thích ứng với biến đổi khí hậu.

Ngoài ra, Quy hoạch nêu rõ nhiệm vụ cần phải chủ động về nguồn nước trong mọi tình huống. Theo đó, phấn đấu đến năm 2050 nâng chỉ số an ninh nguồn nước quốc gia lên nhóm các quốc gia đảm bảo an ninh nguồn nước hiệu quả trên thế giới. Hướng tới chủ động về nguồn nước trong mọi tình huống, dự báo, điều tiết nước, phòng ngừa lũ lụt, hạn hán, xâm nhập mặn, ô nhiễm, suy thoái, cạn kiệt nguồn nước, ứng phó với biến đổi khí hậu.

Để nâng cao hiệu quả triển khai thực hiện Quy hoạch, hướng tới bảo vệ nguồn tài nguyên nước bền vững, 6 nhóm giải pháp được đề cập tới, bao gồm: Giải pháp về pháp luật, chính sách; giải pháp về tài chính, đầu tư; giải pháp về khoa học - công nghệ và hợp tác quốc tế; tuyên truyền nâng cao nhận thức; đào tạo, tăng cường năng lực; tổ chức và giám sát thực hiện quy hoạch./.



# TIN ĐỊA PHƯƠNG

## Lạng Sơn: Thương mại và dịch vụ quý I/ 2023 tăng trưởng khá

Cục Thống kê tỉnh Lạng Sơn cho biết, quý I năm 2023, hoạt động thương mại và dịch vụ trên địa bàn tỉnh diễn ra sôi động. Tổng mức bán lẻ hàng hóa quý I/2023 ước đạt 6.491 tỷ đồng, tăng 17,31% so với cùng kỳ năm trước. Có 8/12 nhóm ngành hàng tăng trên 10% còn lại các nhóm ngành hàng khác tăng ở mức từ 1-7%. Chủ yếu tăng ở các nhóm ngành hàng hóa: Nhóm lương thực, thực phẩm tăng 20,5%; nhóm hàng may mặc tăng 12,81%; nhóm đồ dùng, dụng cụ, trang thiết bị gia đình tăng 14,81%; gỗ và vật liệu xây dựng tăng 15,24%; nhóm phương tiện đi lại, trừ ô tô con (kể cả phụ tùng) tăng 12,33%; nhóm nhiên liệu khác tăng 11,24%; có bốn nhóm ngành tốc độ tăng thấp hơn là nhóm vật phẩm văn hóa, giáo dục tăng 6,3%; nhóm ô tô con (dưới 9 chỗ ngồi) tăng 6,5%; nhóm xăng, dầu các loại tăng 5,35% và nhóm đá quý, kim loại quý và sản phẩm tăng 2,89% so với cùng kỳ.

Ước tính doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống quý I năm 2023 đạt 678,7 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước tăng 30,96%, trong đó: Doanh thu dịch vụ lưu trú tăng 22,54%; dịch vụ ăn uống tăng 31,48%. Doanh thu lữ hành ước 3,5 tỷ đồng tăng 26,81% so với cùng kỳ. Doanh thu hoạt động dịch vụ khác đạt 140,2 tỷ đồng, tăng 10,49% so với cùng kỳ năm trước.

Tổng lượng khách du lịch ước đạt 1.454,2 nghìn lượt khách, đạt 38,7% kế hoạch, tăng 92,4% so với cùng kỳ. Trong đó khách quốc tế 36.639 lượt, đạt 18,3% kế hoạch, khách nội địa 1.417 nghìn lượt, đạt 39,8% kế hoạch; doanh thu 1.138,7 tỷ đồng, đạt 40% kế hoạch, tăng 311%.

Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu qua địa bàn quý I/2023 ước đạt 710 triệu USD, đạt 18,7% kế hoạch, tăng 44,9% so với cùng kỳ. Trong đó: Kim ngạch xuất khẩu ước đạt 310 triệu USD, đạt 23,8% kế hoạch, tăng 93,8% so với cùng kỳ. Kim ngạch nhập khẩu ước đạt 400 triệu USD, đạt 16% kế hoạch, tăng 21,2% so với cùng kỳ. Hàng địa phương xuất khẩu quý I/2023 ước đạt 30 triệu USD, đạt 19,5% kế hoạch, tăng 20% so với cùng kỳ./

(Nguồn: Cục Thống kê tỉnh Lạng Sơn)

## Quý I/2023, tăng trưởng tín dụng của tỉnh Bắc Ninh thấp

Theo số liệu của Cục Thống kê tỉnh Bắc Ninh, ước tính đến cuối tháng 3/2023, tốc độ tăng trưởng tín dụng chỉ tăng 1,3%.

Quý I/2023, các NH tiếp tục chủ động triển khai các giải pháp nhằm tiếp tục thu hút nguồn vốn nhân rộng trong nền kinh tế. Tuy nhiên, với việc các NH giảm lãi suất huy động tiền gửi, ước tính đến cuối tháng 3/2023, tổng nguồn vốn huy động trên địa bàn đạt 207.500 tỷ đồng, tăng 1,1% so với tháng trước, nhưng giảm 0,7% so với cùng tháng năm trước và giảm 7,6% so với thời điểm cuối năm 2022.

Tính đến cuối tháng 3/2023, tổng dư nợ cho vay trên địa bàn tỉnh đạt 147.500 tỷ đồng, giảm -0,2% so với tháng trước nhưng tăng 10% so với cùng tháng năm trước và tăng 1,3% so với thời điểm cuối năm 2022. Cơ cấu tín dụng duy trì theo hướng tập trung vào lĩnh vực sản xuất kinh doanh, lĩnh vực ưu tiên theo chủ trương của Chính phủ, hỗ trợ tích cực DN và người dân, phù hợp với cơ cấu kinh tế của tỉnh.

Về chất lượng tín dụng: Các chi nhánh NH, TCTD trên địa bàn tiếp tục tập trung thực hiện nghiêm túc chỉ đạo của NHNN Việt Nam và của Hội sở chính trong triển khai đồng bộ các giải pháp nhằm xử lý, thu hồi, cũng như ngăn ngừa rủi ro nợ xấu. Đến 08/3/2023, nợ xấu trên địa bàn là 2.107 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ 1,44% tổng dư nợ cho vay. Ước tính đến hết 31/3/2023, nợ xấu trên địa bàn là 2.100 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ 1,42% tổng dư nợ cho vay./

(Nguồn: Cục Thống kê tỉnh Bắc Ninh)

## Hưng Yên: Đẩy mạnh thực hiện hoạt động đầu tư

Cục Thống kê tỉnh Hưng Yên cho biết, tổng vốn đầu tư phát triển quý I ước đạt 13.897 tỷ đồng, tăng 72,41% so với cùng kỳ năm 2022. Vốn đầu tư phát triển phân theo nguồn vốn: (1) Vốn đầu tư thuộc ngân sách nhà nước đạt 1.139 tỷ đồng, tăng 73,51%; vốn tự có của doanh nghiệp nhà nước 5.190 triệu đồng, giảm 66,65%. Nguồn vốn nhà nước chủ yếu được tập trung đầu tư cho xây dựng các công trình giao thông, kết cấu hạ tầng thiết yếu. (2) Vốn đầu tư của dân cư và tư nhân 7.712 tỷ đồng, tăng 49,88%. Nguồn vốn ngoài nhà nước tăng mạnh là do có 02 dự án trọng điểm của Công ty Cổ Phần Vinhomes trên địa bàn tỉnh Hưng Yên: dự án Khu đô thị sinh thái Dream City với tổng mức đầu tư 33.000 tỷ đồng và dự án Khu đô thị Đại An với tổng mức đầu tư 32.661 tỷ đồng. (3) Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài 4.862 tỷ đồng, tăng 139,89%; vốn huy động khác 178 tỷ đồng, giảm 13,71%.

Vốn đầu tư phát triển phân theo ngành kinh tế: Nông, lâm nghiệp và thủy sản trên 179 tỷ đồng, tăng 1,16%; công nghiệp và xây dựng 5.760 tỷ đồng, tăng 28,08%; thương mại, dịch vụ 7.957 tỷ đồng, tăng 135,06%.

Quý I năm 2023, vốn đầu tư ngân sách địa phương ước đạt 1.134, tỷ đồng, tăng 78,12% so với cùng kỳ năm 2022. Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh đạt 608 tỷ đồng, tăng 59,64%; vốn ngân sách cấp huyện 460 tỷ đồng, tăng 133,91%; vốn ngân sách cấp xã 65 tỷ đồng, tăng 11,50%.

Hoạt động đầu tư nước ngoài: Tính đến 20/3/2023, toàn tỉnh có 513 dự án có vốn đầu tư nước ngoài đăng ký hoạt động, với tổng số vốn đăng ký là 6.295.780 nghìn USD. Các quốc gia có số dự án, vốn đầu tư chủ yếu là: Thứ nhất là Nhật Bản có 168 dự án, vốn đăng ký là 3.567.002 nghìn USD, chiếm 56,66% tổng vốn đăng ký; thứ hai là Hàn Quốc có 146 dự án, vốn đăng ký 848.371 nghìn USD, chiếm 13,48% tổng vốn đăng ký; thứ ba là Trung Quốc có 127 dự án, vốn đăng ký 997.434 nghìn USD, chiếm 15,84% tổng số vốn đăng ký./.

(Nguồn: Cục Thống kê tỉnh Hưng Yên)

## Sản xuất thủy sản quý I/2023 của Nghệ An phát triển ổn định

Theo số liệu của Cục Thống kê tỉnh Nghệ An, quý I/2023 tình hình sản xuất thủy sản của tỉnh được duy trì và phát triển ổn định. Diện tích nuôi trồng thủy sản không sử dụng lồng bè, bể bồn quý I năm 2023 ước đạt 18.049,5 ha, tăng 4,43%. Trong đó: Diện tích nuôi cá 17.226 ha, tăng 4,37%; diện tích nuôi tôm 615,5 ha, tăng 3,62%; diện tích thủy sản khác 208 ha, tăng 4,52%.

Tổng sản lượng thủy sản quý I năm 2023 ước đạt 56.182,8 tấn, tăng 5,12%. Trong đó: Cá 47.990 tấn, tăng 4,98%; tôm 750,2 tấn, tăng 5,4%; thủy sản khác 7.442,6 tấn, tăng 5,98%. Sản lượng khai thác quý I năm 2023 ước đạt 38.847 tấn, tăng 2,08%. Trong đó cá 32.379 tấn, tăng 1,28%; tôm 425 tấn, tăng 4,73% và thủy sản khác 6.043 tấn, tăng 6,39%.

Sản lượng thủy sản nuôi trồng quý I năm 2023 ước đạt 17.335,8 tấn, tăng 12,62%. Trong đó: Cá 15.611 tấn, tôm 325,2 tấn, thủy sản khác 1.399,6 tấn. Nuôi trồng thủy sản tiếp tục phát triển khá trên mọi phương diện: Trình độ người nuôi được nâng cao, áp dụng công nghệ hiện đại, diện tích nuôi được mở rộng, đối tượng nuôi và hình thức nuôi ngày một đa dạng.

Tính chung quý I năm 2023 sản xuất con giống ước đạt 658 triệu con, tăng 6,82%. Trong đó: tôm 439,5 triệu con, cá 179 triệu con, thủy sản khác 39,5 triệu con./.

(Nguồn: Cục Thống kê tỉnh Nghệ An)

**Đ**ể đánh giá ảnh hưởng của CDCCKT đến năng suất lao động xã hội (NSLĐXH) của Việt Nam giai đoạn 2016-2021, tác giả tập trung vào phân tích cơ cấu lao động (CCLĐ) theo ngành kinh tế và CCLĐ theo thành phần kinh tế. Để đánh giá tác động của chuyển dịch CCLĐ (CDCCLĐ) tới tăng trưởng NSLĐXH, chúng ta có thể sử dụng nhiều phương pháp phân tích khác nhau như: Phương pháp chỉ số, phương pháp hồi quy tương quan, phương pháp dịch chuyển tỷ trọng (SSA). Trong bài viết này, tác giả lựa chọn phương pháp phân tách do Van Ark (1995) để xuất dựa vào phương pháp SSA của Fabricant (1942).

## Thực trạng cơ cấu lao động của Việt Nam giai đoạn 2016-2021

Trong giai đoạn 2016-2021, số lượng lao động (LĐ) của Việt Nam có sự dịch chuyển từ nhóm ngành Nông, lâm thủy sản (NLTS) sang hai nhóm ngành Công nghiệp xây dựng (CNXD) và Dịch vụ (DV). Nếu như năm 2016, tỷ trọng LĐ trong nhóm ngành NLTS là 41,60% thì sang năm 2021 chỉ còn 29,06%. Tỷ trọng LĐ trong nhóm ngành DV tăng từ 33,20% năm 2016 sang 37,83% năm 2021. Tỷ trọng LĐ trong nhóm ngành CNXD tăng từ 25,20% năm 2016 lên 33,11% năm 2021. Xét bình quân cả giai đoạn, nhóm ngành NLTS có tỷ trọng lao động cao nhất (36,05%), tiếp đến là nhóm ngành DV (35,23%), thấp nhất là nhóm ngành CNXD (28,72%). Nhìn chung, xét cả giai đoạn 2016-2021, tỷ trọng LĐ của hai nhóm ngành CNXD và DV luôn chiếm trên 50% tổng số LĐ của nền kinh tế; có sự dịch chuyển đáng kể LĐ sang nhóm ngành CNXD. CCLĐ theo nhóm ngành kinh tế đã phần nào phản ánh quá trình công nghiệp hóa - hiện đại hóa và hội nhập kinh tế của Việt Nam.

Trong giai đoạn 2016-2021, có sự dịch chuyển nhẹ LĐ từ TPKT ngoài nhà nước và nhà nước sang đầu tư nước ngoài (ĐTNN). LĐ trong TPKT ngoài nhà nước chiếm tỷ trọng cao nhất nhưng có xu hướng giảm. Năm 2016, tỷ trọng LĐ của TPKT ngoài nhà nước chiếm 84,45%, sang đến năm 2021 giảm nhẹ (giảm 1,85 điểm %), còn 82,60%. Tỷ trọng LĐ trong TPKT nhà nước cũng có xu hướng giảm nhẹ, năm 2016 đạt 8,81%, sang đến năm 2021 còn 8,05%. Tỷ trọng LĐ trong TPKT ĐTNN có xu hướng tăng nhẹ, từ 6,73% lên 9,35%.

## Ảnh hưởng của chuyển dịch cơ cấu lao động tới tăng trưởng năng suất lao động xã hội của Việt Nam

Để đánh giá ảnh hưởng của chuyển dịch cơ cấu lao động tới tăng trưởng NSLĐXH của Việt Nam, tác giả phân tích theo nhóm ngành kinh tế và thành phần kinh tế



# ẢNH HƯỞNG CỦA CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU LAO ĐỘNG TỚI TĂNG TRƯỞNG NĂNG SUẤT LAO ĐỘNG XÃ HỘI CỦA VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2016-2021

**Trần Thị Thanh Hương**  
Học viện Ngân hàng

Cơ cấu kinh tế (CCKT) và chuyển dịch CCKT (CDCCKT) luôn nhận được sự quan tâm của hầu hết các quốc gia. Một quốc gia có CCKT và sự CDCCKT hợp lý sẽ giúp thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Tại Việt Nam, Đại hội lần thứ XIII của Đảng xác định nhiệm vụ cho giai đoạn 2021-2025: “Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GDP) bình quân 5 năm đạt khoảng 6,5 - 7%/năm. Đến năm 2025, GDP bình quân đầu người khoảng 4.700 - 5.000 USD; đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng đạt khoảng 45%; tốc độ tăng năng suất lao động xã hội bình quân trên 6,5%/năm; tỉ lệ đô thị hóa khoảng 45%; tỉ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo trong GDP đạt trên 25%; kinh tế số đạt khoảng 20% GDP”; và định hướng phát triển giai đoạn 2021-2030 là: “Bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô, đổi mới mạnh mẽ mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước”.

## 1. Ảnh hưởng của chuyển dịch cơ cấu lao động theo nhóm ngành kinh tế

Việt Nam bước vào thực hiện nhiệm vụ phát triển KTXH giai đoạn 5 năm (2016-2020) trong bối cảnh cạnh tranh thương mại quốc tế ngày càng gay gắt, độ mở của nền kinh tế cao, sức chống chịu của nền kinh tế còn hạn chế. Đặc biệt là đầu năm 2020, dịch bệnh Covid-19 đã gây ảnh hưởng nặng nề đến kinh tế của Việt Nam. NSLĐXH của Việt Nam tăng liên tục từ 2016 đến 2019 (chi tiết bảng 1). Nhưng đến năm 2020, do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19, NSLĐXH của Việt Nam có sự sụt giảm đáng kể, chỉ tăng 4,897%. Sang năm 2021, với những nỗ lực của Chính phủ, nền kinh tế Việt Nam đã phục hồi đáng kể, NSLĐXH của Việt Nam tăng tới 12,045%. Nếu xét theo giai đoạn kế hoạch 5 năm, thì năm 2020 so với 2016, NSLĐXH của Việt Nam đã có sự tăng trưởng đáng mừng (tăng 41,503%).

**Bảng 1: Ảnh hưởng chuyển dịch CCLĐ theo nhóm ngành kinh tế đến NSLĐXH của Việt Nam giai đoạn 2016-2021, %**

Giai đoạn	Tốc độ tăng NSLĐXH	Mức độ đóng góp, do:			Tốc độ tăng NSLĐXH	Tỷ trọng đóng góp, do:		
		NSLĐ của các nhóm NKT	Chuyển dịch CCLĐ giữa các nhóm NKT	Thuế sản phẩm trừ trợ cấp		NSLĐ của các nhóm NKT	Chuyển dịch CCLĐ giữa các nhóm NKT	Thuế sản phẩm trừ trợ cấp
A	(1) = (2) + (3) + (4)	(2)	(3)	(4)	(5) = (6) + (7) + (8)	(6)=(2)/(1)	(7)=(3)/(1)	(8)=(4)/(1)
2016	6,220	3,390	2,270	0,560	100	54,501	36,491	9,008
2017	6,217	3,922	1,753	0,542	100	63,087	28,199	8,714
2018	6,329	3,490	2,346	0,493	100	55,146	37,065	7,789
2019	6,619	3,113	2,929	0,577	100	47,032	44,247	8,722
2020	4,879	3,379	1,229	0,271	100	69,258	25,185	5,557
2021	12,045	7,697	3,246	1,102	100	63,905	26,945	9,151
<b>GĐ 2016-2020</b>	<b>41,503</b>	<b>25,241</b>	<b>13,086</b>	<b>3,18</b>	<b>100</b>	<b>60,817</b>	<b>31,531</b>	<b>7,652</b>

Nguồn: Xử lý của tác giả theo phương pháp SSA; số liệu Niên giám thống kê, TCTK. NSLĐ tính theo giá cơ bản và giá so sánh 2010

Sự tăng trưởng NSLĐXH của Việt Nam chịu ảnh hưởng của nhiều nhân tố. Số liệu bảng 1 cho thấy, sự tăng trưởng NSLĐXH không chỉ do NLSĐ của từng nhóm ngành kinh tế, mà còn có sự đóng góp của sự CDCCLĐ giữa các nhóm ngành kinh tế. Trong giai đoạn kế hoạch 5 năm (2016-2020), sự CDCCLĐ giữa các nhóm ngành kinh tế đóng góp 31,531% vào sự tăng trưởng NSLĐXH, trong đó cao nhất là năm 2019 (đóng góp 44,247%), thấp nhất là năm 2020 (đóng góp 25,181%). Kết quả này cho thấy các biện pháp tái cơ cấu và cải cách hành chính tại Việt Nam đã đạt những hiệu quả nhất định.

Để tìm hiểu ảnh hưởng của sự CDCCLĐ giữa các nhóm NKT đến tăng trưởng NSLĐXH của Việt Nam, tác giả sử dụng phương pháp phân tách do Van Ark (1995) đề xuất để bóc tách tác động CDCCLĐ thành hai cấu phần, gồm tác động “tĩnh” và tác động “động”. Số liệu ở bảng 2 cho thấy, cấu phần “tĩnh” đóng góp chủ yếu vào tăng trưởng NSLĐXH của Việt Nam giai đoạn 2016-2021. Kết quả bóc tách chứng tỏ trong giai đoạn 2016-2021, đóng góp của CDCCLĐ vào tăng NSLĐXH chủ yếu do tác động của di chuyển LĐ từ nhóm ngành kinh tế có mức NSLĐ thấp sang nhóm ngành kinh tế có mức NSLĐ cao hơn. Cấu phần “động” mang dấu âm ở các năm 2016, 2019 và 2021, tức là ở những năm này đóng góp của CDCCLĐ vào tăng NSLĐXH có sự suy giảm. Sự di chuyển LĐ từ nhóm ngành NLTS có NSLĐ thấp sang các nhóm ngành CNXD và DV có NSLĐ cao hơn trong những năm này gần như không có đóng góp, mà thậm chí còn làm giảm tăng trưởng NSLĐ của những nhóm ngành này. Nguyên nhân này có thể do lao động làm việc trong nhóm ngành NLTS hầu như chưa được đào tạo chuyên môn kỹ thuật, chủ yếu chuyển sang những ngành CNXD và DV có NSLĐ thấp nên không làm cải thiện NSLĐ ở hai nhóm ngành này.

**Bảng 2: Ảnh hưởng của chuyển dịch CCLĐ theo nhóm ngành kinh tế vào NSLĐXH của Việt Nam giai đoạn 2016-2021: Phân tách theo tác động “tĩnh” và “động”, %**

Năm	Tốc độ tăng NSLĐXH	Đóng góp của NSLĐ bản thân nhóm NKT	Đóng góp của CDCCLĐ			Đóng góp của thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm
			Đóng góp thuần	Trong đó		
				Tác động “tĩnh”	Tác động “động”	
A	(1)=(2)+(3) + (6)	(2)	(3)=(4)+(5)	(4)	(5)	(6)
2016	6,220	3,390	2,270	2,371	-0,102	0,560
2017	6,217	3,922	1,753	1,708	0,046	0,542
2018	6,329	3,490	2,346	2,323	0,023	0,493
2019	6,619	3,113	2,929	3,122	-0,194	0,577
2020	4,879	3,379	1,229	1,222	0,007	0,271
2021	12,045	7,697	3,246	3,369	-0,124	1,102
<b>GĐ 2016-2020</b>	<b>41,503</b>	<b>25,241</b>	<b>13,086</b>	<b>13,057</b>	<b>0,029</b>	<b>3,18</b>

*Nguồn: Xử lý của tác theo phương pháp SSA, số liệu Niên giám thống kê, TCTK; NSLĐ tính theo giá cơ bản và giá so sánh 2010*

## **2. Ảnh hưởng của chuyển dịch cơ cấu lao động theo thành phần kinh tế**

Trong giai đoạn 2016-2021, sự CDCCLĐ theo TPKT có tác động tích cực tới tăng trưởng NSLĐXH của Việt Nam (chi tiết bảng 3). Mặc dù có tác động tích cực đến NSLĐXH, nhưng so với CDCCLĐ theo nhóm ngành kinh tế, đóng góp của CDCCLĐ vào NLSĐXH của Việt Nam thấp hơn (Số liệu bảng 1 và 3). Đóng góp chủ yếu vào tăng trưởng NSLĐXH của Việt Nam giai đoạn 2016-2021 là do NSLĐ của bản thân các TPKT. Xét theo giai đoạn 5 năm (2016-2020), NSLĐ của bản thân các TPKT làm NSLĐXH tăng 35,017% (chiếm 84,372%), sự CDCCLĐ giữa các TPKT làm tăng 3,602% (chiếm 8,678%). Không những vậy, đóng góp của CDCCLĐ theo TPKT vào tăng trưởng NSLĐXH trong hai năm 2019 và 2020 mang dấu âm. Điều này cho thấy sự CDCCLĐ giữa các TPKT ở hai năm này là chưa hợp lý, do đó không phát huy được hiệu quả. Nghị quyết số 68/NQ-CP cũng chỉ ra nguyên nhân khiến các TPKT hoạt động kém hiệu quả, đặc biệt là TPKT nhà nước: “Trong giai đoạn 2016 - 2021, hầu như các tập đoàn kinh tế, tổng công ty không khởi công các dự án, công trình mới,

nguồn lực đầu tư giảm dần. Các DNNN chưa liên kết chặt chẽ với nhau, chưa tạo điều kiện thuận lợi nhất để doanh nghiệp tư nhân, trong đó có các doanh nghiệp nhỏ và vừa cùng tham gia vào chuỗi cung ứng, chuỗi giá trị. Công tác cổ phần hóa, thoái vốn còn chậm so với tiến độ đề ra, việc cơ cấu lại DNNN vẫn chưa mang tính toàn diện và đi vào thực chất”.

**Bảng 3: Ảnh hưởng của chuyển dịch CCLĐ theo TPKT đến NSLĐXH của Việt Nam giai đoạn 2016-2021, %**

Năm	Tốc độ tăng NSLĐXH	Mức độ đóng góp, do:			Tốc độ tăng NSLĐXH	Tỷ trọng đóng góp, do:		
		NSLĐ của các TPKT	Chuyển dịch CCLĐ giữa các TPKT	Thuế sản phẩm trừ trợ cấp		NSLĐ của các TPKT	Chuyển dịch CCLĐ giữa các TPKT	Thuế sản phẩm trừ trợ cấp
A	(1) = (2) + (3) + (4)	(2)	(3)	(4)	(5) = (6) + (7) + (8)	(6)=(2)/(1)	(7)=(3)/(1)	(8)=(4)/(1)
2016	6,220	4,583	1,076	0,560	100	73,687	17,305	9,008
2017	6,217	4,250	1,425	0,542	100	68,361	22,925	8,714
2018	6,329	5,361	0,475	0,493	100	84,712	7,500	7,789
2019	6,619	6,698	-0,656	0,577	100	101,188	-9,910	8,722
2020	4,879	4,620	-0,012	0,271	100	94,685	-0,242	5,558
2021	12,045	9,283	1,660	1,102	100	77,072	13,778	9,151
<b>GĐ 2016-2020</b>	<b>41,503</b>	<b>35,017</b>	<b>3,602</b>	<b>2,88</b>	<b>100</b>	<b>84,372</b>	<b>8,678</b>	<b>6,950</b>

Nguồn: Xử lý của tác giả theo phương pháp SSA, số liệu Niên giám thống kê, TCTK. NSLĐ tính theo giá cơ bản và giá so sánh 2010

**Bảng 4: Ảnh hưởng của chuyển dịch CCLĐ theo TPKT đến NSLĐXH của Việt Nam giai đoạn 2016-2021: Phân tách theo tác động “tĩnh” và “động”, %**

Giai đoạn	Tốc độ tăng NSLĐXH	Đóng góp của NSLĐ bản thân các TPKT	Đóng góp của chuyển dịch CCLĐ			Đóng góp của thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm
			Đóng góp thuần	Trong đó		
				Tác động “tĩnh”	Tác động “động”	
A	(1)=(2)+(3) + (6)	(2)	(3)=(4)+(5)	(4)	(5)	(6)
2016	6,220	4,583	1,076	1,193	-0,116	0,560
2017	6,217	4,250	1,425	1,628	-0,203	0,542
2018	6,329	5,361	0,475	0,468	0,007	0,493
2019	6,619	6,698	-0,656	-0,550	-0,106	0,577
2020	4,879	4,620	-0,012	-0,005	-0,007	0,271
2021	12,045	9,283	1,660	1,582	0,078	1,102
<b>GĐ 2016-2020</b>	<b>41,503</b>	<b>35,017</b>	<b>3,602</b>	<b>3,573</b>	<b>0,029</b>	<b>2,88</b>

Nguồn: Xử lý của tác giả theo phương pháp SSA, số liệu Niên giám thống kê, TCTK. NSLĐ tính theo giá cơ bản và giá so sánh 2010

Theo số liệu bảng 4, trong giai đoạn 2016-2021, tác động “tĩnh” đóng góp tích cực vào tăng trưởng NSLĐXH của Việt Nam (trừ năm 2019 và 2020). Cấu phần “động” mang dấu âm ở hầu hết các năm, tức là làm giảm tác động của CDCCLĐ vào tăng trưởng NSLĐXH (trừ năm 2018 và 2021). Tuy nhiên trong năm 2019-2020, có sự di chuyển LĐ từ TPKT có mức NSLĐ cao sang TPKT có mức NSLĐ thấp. Năm 2018 và năm 2021, sự di chuyển LĐ giữa các TPKT chưa phù hợp, do đó đã làm giảm tác động của CDCCLĐ vào tăng trưởng NSLĐXH của Việt Nam. Xét theo giai đoạn 5 năm (2016-2020), tác động của CDCCLĐ theo TPKT chủ yếu là do di chuyển LĐ từ TPKT có mức NSLĐ thấp hơn sang TPKT có mức NSLĐ cao hơn. Năm 2020 so với năm 2016, tác động “tĩnh” đóng góp 3,573%; tác động “động” đóng góp 0,029%.

#### **Kết luận và khuyến nghị**

Kết quả ước lượng ảnh hưởng của CDCCLĐ đến tăng trưởng NSLĐXH của Việt Nam bằng phương pháp SSA cho thấy: Sự CDCCLĐ theo nhóm ngành kinh tế của Việt Nam giai đoạn 2016-2021 có tác động tích cực tới tăng trưởng NSLĐXH. Sự CDCCLĐ theo TPKT có tác động tích cực tới NSLĐXH của Việt Nam, tuy nhiên, mức độ tác động là thấp và chưa đều qua các năm. Như vậy, để góp phần thúc đẩy tăng trưởng NSLĐXH của Việt Nam, cần:

*Thứ nhất*, đẩy mạnh việc ứng dụng khoa học công nghệ hiện đại vào sản xuất; sử dụng lao động một cách có hiệu quả để thúc đẩy tăng NSLĐ của bản thân các nhóm ngành kinh tế và các TPKT. Song song với các chính sách tăng cường phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo

quan tâm đến các chính sách đào tạo và phát triển nhân lực có trình độ chuyên môn kỹ thuật cao nhằm đáp ứng được yêu cầu của cách mạng công nghiệp 4.0 và hội nhập quốc tế, từ đó góp phần nâng cao NSLĐ.

*Thứ hai*, các chính sách liên quan đến CDCCLĐ cần phù hợp với đặc điểm của từng nhóm NKT, từng TPKT, đặc biệt là các chính sách phát triển NKT, TPKT cần hướng vào tăng NSLĐ đi cùng với tăng việc làm nhằm thu hút sự chuyển dịch LĐ vào những ngành có mức NSLĐ cũng như tốc độ tăng NSLĐ cao.

*Thứ ba*, cần quan tâm đến chính sách thúc đẩy chuyển dịch CCLĐ giữa các TPKT một cách hợp lý. Tăng cường sự kết nối giữa doanh nghiệp thuộc các TPKT; đổi mới phát triển kinh tế tập thể, kinh tế hợp tác xã. Thực hiện tốt các chính sách cơ cấu lại và phát triển doanh nghiệp nhà nước. Thực hiện tốt Nghị quyết số 68/NQ-CP về việc đổi mới nâng cao hiệu quả hoạt động của DNNN. Thực hiện tốt chủ trương, chính sách của Đảng về đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế, đặc biệt là: “Cơ cấu lại hệ thống doanh nghiệp, phát triển lực lượng doanh nghiệp Việt Nam lớn mạnh, tăng cường gắn kết giữa doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài với doanh nghiệp trong nước. Cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước theo hướng tập trung vào những lĩnh vực then chốt, địa bàn quan trọng, quốc phòng, an ninh; lành mạnh hoá tài chính, nâng cao trình độ công nghệ, năng lực đổi mới sáng tạo, quản trị hiện đại theo chuẩn mực quốc tế để nâng cao hiệu quả hoạt động, thực hiện tốt vai trò là lực lượng vật chất quan trọng của kinh tế nhà nước”.

#### **Tài liệu tham khảo**

1. Fabricant, S. (1942). Front matter, tables of content, preface. In *Employment in Manufacturing, 1899-1939: An Analysis of Its Relation to the Volume of Production* (pp. 19-0). NBER.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021). Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Tập 1, Nhà Xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật.
3. Nghị quyết số 54/NQ-CP ban hành ngày 12 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ Ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về kế hoạch cơ cấu lại nền kinh tế giai đoạn 2021-2025.
4. Nghị quyết số 68/NQ-CP ban hành ngày 12 tháng 5 năm 2022 của Chính phủ về việc đổi mới nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước, trọng tâm là tập đoàn kinh tế, tổng công ty trong phát triển kinh tế xã hội.
5. Nguyễn Thị Tuệ Anh (2007). Đánh giá đóng góp của các ngành kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế tới tăng trưởng năng suất lao động ở Việt Nam, Đề tài khoa học cấp Bộ, Viện Nghiên cứu Quản lý Kinh tế Trung ương
6. Trần Thị Thanh Hương (2015). *Tác động của chuyển dịch cơ cấu lao động theo nhóm ngành kinh tế tới tăng trưởng kinh tế của Việt nam giai đoạn 2005-2013*, Tạp chí Khoa học Đào tạo Ngân hàng, Số 6/2015, trang 1-8.
7. Trần Thị Thanh Hương (2016). Đánh giá tác động của chuyển dịch cơ cấu theo thành phần kinh tế tới tăng trưởng kinh tế của Việt Nam. Kỷ yếu hội thảo quốc gia “Thống kê và tin học ứng dụng”, Nhà xuất bản Đà Nẵng.
8. Van Ark, B. (1995). Sectoral Growth Accounting and Structural Change. *Postwar Europe*.

# THU HÚT VỐN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP TỪ NƯỚC NGOÀI VÀO VIỆT NAM NHỮNG THÁCH THỨC ĐẶT RA

**TS. Nguyễn Thị Thúy**

*Đại học Công nghiệp Hà Nội*

**Đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) có thể xem là yếu tố tác động tạo ra những bước thay đổi quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội tại Việt Nam; đồng thời cũng mang đến nhiều thách thức do chưa đáp ứng được cơ sở hạ tầng và chất lượng nguồn nhân lực. Lợi thế về nhân công giá rẻ, sự sẵn có của tài nguyên thiên nhiên sẽ không còn là lợi thế cạnh tranh của Việt Nam khi công nghệ mới làm thay đổi toàn bộ cách thức sản xuất sản phẩm.**

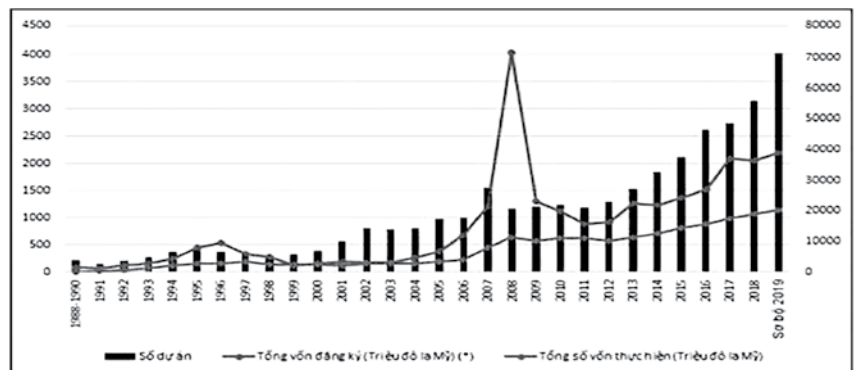
## Xu hướng dịch chuyển FDI hiện nay

### *Ổn định kinh tế vĩ mô*

Cách mạng công nghiệp 4.0 giúp ổn định kinh tế vĩ mô thông qua việc giảm áp lực lạm phát do nguyên nhân chi phí đẩy. Phương thức sản xuất mới giúp tiết kiệm đáng kể chi phí về yếu tố đầu vào của doanh nghiệp. Chi phí sản xuất ít biến động hơn và sẽ có xu hướng giảm trong tương lai khi quá trình tự động hóa trở nên phổ biến. Chi phí giảm là kết quả tích cực từ nền kinh tế chia sẻ - đặc trưng của cách mạng công nghiệp 4.0. Các DN và người tiêu dùng có thể chia sẻ với nhau tài nguyên hay nguồn nhân lực thông qua kết nối số với chi phí giao dịch thấp. Hiện nay, các nền tảng internet di động đã tạo ra một loạt các dịch vụ mới như dịch vụ đặt taxi, đặt vé máy bay, mua hàng hóa và dịch vụ online... tiết kiệm tối đa chi phí và thời gian

giao dịch cho cả khách hàng và doanh nghiệp. Sự ổn định của kinh tế vĩ mô lại tạo tác động tích cực cho các nhà đầu tư nước ngoài tham gia đầu tư vốn vào Việt Nam. Nhập khẩu của khu vực FDI đạt 168,8 tỷ USD, chiếm tới 64,3% kim ngạch nhập khẩu của cả nước, nhưng tính chung cho năm 2020, khu vực FDI đã xuất siêu 33 tỷ USD không kể dầu thô, giúp bù đắp 15,6 tỷ USD nhập siêu của khu vực doanh nghiệp trong nước (Tổng cục Thống kê, 2020), từ đó, đảo ngược cán cân thương mại của Việt Nam về kết quả xuất siêu 19,1 tỷ USD.

**Hình 1. Xu hướng biến động FDI vào Việt Nam giai đoạn 1988-2019**



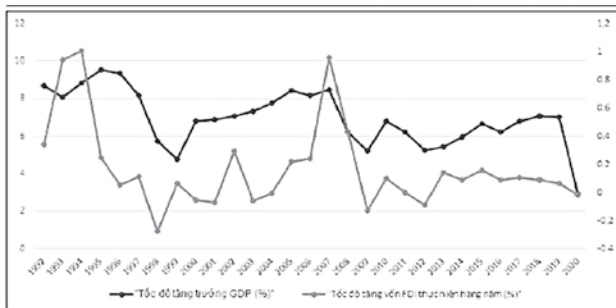
(Nguồn: Tổng cục Thống kê)

### *Thay đổi trong cơ cấu kinh tế*

Cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đang làm thay đổi căn bản nền sản xuất thế giới, nguyên lý sản xuất với hệ thống siêu kết nối số - vật lý với tốc độ theo cấp số nhân đòi hỏi các nước phát triển phải thay đổi hạ tầng công nghiệp để phù hợp với phương thức sản xuất tự động hóa. Kết quả là, cơ cấu kinh tế thay đổi theo hướng tích cực với sự mở rộng mạnh mẽ của khối doanh nghiệp tư nhân (đóng góp 40% vào GDP và sở hữu 51% lực lượng lao động và 30% tổng ngân sách nhà nước). Khu vực công nghiệp - dịch vụ cũng đang trên đà tăng trưởng mạnh là điều kiện thuận lợi để thu hút FDI. Công nghiệp 4.0 với nền tảng là internet kết nối vạn vật (IoT) và trí tuệ nhân tạo (AI) giúp tăng cường kết nối, chia sẻ về ý tưởng và nguồn thực hiện ý tưởng, nền kinh tế trở nên mở hơn, thương mại tự do trên cấp độ toàn cầu, thông tin về doanh nghiệp và các đối tác tiềm năng được tiếp cận dễ dàng. Công nghệ thông tin và truyền thông (ICT) đã đem lại một phương thức quản lý mới đối với các doanh nghiệp đa quốc gia (MNEs) trong chuỗi giá trị toàn cầu (GVCs). Công nghệ số tạo nên mạng lưới sản xuất hiện đại trên toàn cầu. Việc áp dụng phương thức quản lý mới tạo điều kiện tốt cho các MNEs trong việc kiểm soát việc thuê ngoài. Do vậy, họ thúc đẩy mối liên kết

với các DN tại nước tiếp nhận nhằm tiếp cận thị trường toàn cầu. Hình thức thu hút FDI này thường dưới dạng hợp tác kinh doanh hoặc mua bán và sáp nhập (M&A). Thời gian vừa qua, tại Việt Nam đã có một loạt thương vụ M&A của các tập đoàn đa quốc gia lớn như thương vụ mua lại Big C Việt Nam của Central Group với giá trị chuyển nhượng 1,1 tỷ USD, Metro Việt Nam về tay của TCC Holdings giá trị 710 triệu USD, Fraser & Neave mua lại cổ phiếu Vinamilk với giá trị 500 triệu USD... (Chế Hân, 2017).

**Hình 2. Mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và tốc độ tăng vốn FDI thực hiện**



(Nguồn: Tổng cục Thống kê)

*Doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị toàn cầu*

Việc tham gia ngày càng nhiều của các MNE tại Việt Nam tạo ra cơ hội cho các doanh nghiệp có quy mô nhỏ (SME) thâm nhập sâu hơn vào chuỗi giá trị toàn cầu. Các MNE liên kết sâu hơn bằng cách mở rộng mạng lưới thuê ngoài nhằm giảm chi phí. Bản thân các SME có quy mô nhỏ nên linh hoạt trong việc thay đổi phương thức sản xuất. Nhiều MNE đã tạo cơ hội cho các SME trở thành một phần trong chuỗi cung ứng bằng các chương trình hỗ trợ nâng cao năng lực, hiệu quả kinh doanh và khả năng cạnh tranh. CMCN 4.0 với sự phát triển của AI mở ra cơ hội cho các SME, đặc biệt là các SME công nghệ. Hiện nay số lượng SMEs của Việt Nam chiếm hơn 97%, trong đó hơn 60% là DN có quy mô rất nhỏ, việc mở rộng quy mô sản xuất toàn cầu theo hướng mở sẽ là cơ hội tốt cho nhóm DN này trong việc tạo ra giá trị gia tăng cho đất nước. Thời gian trước đây, các SME tiếp cận với nguồn vốn FDI tương đối khó khăn nhưng với nền tảng công nghệ thông tin, nhóm DN này có thể kết nối với MNE và thừa hưởng công nghệ hiện đại với chi phí thấp, vận hành hiệu quả.

*Thị trường được mở rộng thông qua sự lan tỏa của công nghệ thông tin*

Ngoài chi phí thì quy mô của thị trường cũng là một trong những yếu tố quan trọng đối với nhà đầu tư.

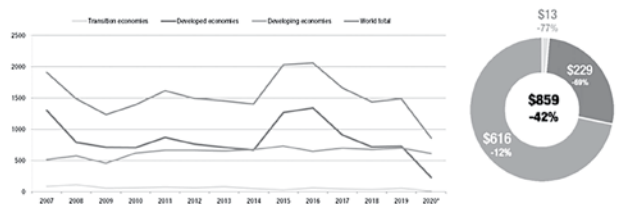
Việt Nam có dân số đứng thứ 14 trên thế giới, xấp xỉ 93,6 triệu dân. Lượng dân số đông hứa hẹn một thị trường tiềm năng. Việt Nam cũng là nước có tỷ lệ người dùng Internet cao, tỷ lệ này tăng liên tục từ 200 nghìn người (0,3%) năm 2000 lên 39,8 triệu người (43,8%) năm 2014. Tính tới tháng 9/2022, số lượng người dùng Internet tại Việt Nam vào khoảng 70 triệu người, chiếm khoảng 70% dân số cả nước. Với con số này, Việt Nam là quốc gia có lượng người dùng Internet cao thứ 12 trên toàn thế giới và đứng thứ 6 trong tổng số 35 quốc gia và vùng lãnh thổ tại châu Á (Bộ Thông tin và Truyền thông). CMCN 4.0 dưới nền tảng là kết nối số thông qua mạng internet tạo nên một thị trường rộng lớn và tiềm năng. Đây là điều kiện để phát triển các hình thức thương mại điện tử, mở rộng thị trường. Mức thu nhập người dân Việt Nam cũng đang có xu hướng tăng tạo nên một cơ hội hấp dẫn đối với nhà đầu tư và kêu gọi các dòng vốn FDI từ các doanh nghiệp nước ngoài.

**Những thách thức đặt ra**

*Xu hướng dịch chuyển của dòng FDI trên thế giới*

Xu hướng của dòng vốn FDI trên thế giới đang có xu hướng dịch chuyển sang các nước công nghiệp do các nước này có hạ tầng công nghiệp thích hợp với phương thức sản xuất mới và thị trường ổn định. Các nước công nghiệp có lợi thế thâm dụng công nghệ gồm Mỹ, Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan, Trung Quốc, Đức... là những quốc gia sở hữu nguồn tri thức và công nghệ cao, khởi phát của nền tảng về công nghệ thông tin và truyền thông, dễ dàng đạt năng suất cao. Các nước đi sau như Việt Nam sẽ bất lợi nếu vẫn giữ mô hình tăng trưởng dựa vào xuất khẩu và FDI.

**Hình 3. Dòng vốn FDI toàn cầu giai đoạn 2007-2020 (đơn vị: tỷ USD, %)**



(Nguồn: Souce, UNCTAD)

*Mất lợi thế so sánh về nguồn lao động giá rẻ và tài nguyên thiên nhiên*

Giá chi phí về nhân công ở Việt Nam tương đối thấp, điều này trước kia được coi là một lợi thế khi thu hút FDI. Cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 với phương thức sản xuất tự động, quản lý trên nền tảng số hóa nên giảm thiểu số lượng nhân công trong quy trình

sản xuất. Do vậy, nhân công giá rẻ không còn là lợi thế cạnh tranh của Việt Nam trong việc thu hút nguồn vốn FDI. Hơn thế nữa, lực lượng lao động dư thừa này còn có thể trở thành gánh nặng cho xã hội trong vấn đề giải quyết việc làm. Điển hình trong ngành dệt may, trước kia tại các nước công nghiệp phát triển vì thiếu nguồn nhân lực nên ngành này được chuyển sang các nước đang phát triển có lực lượng lao động dồi dào giá rẻ như Ấn Độ, Trung Quốc, Việt Nam... Ngày nay, sự thay thế của robot sẽ tạo ra những sản phẩm chất lượng cao, chi phí thấp, máy móc thay thế dần con người sẽ trở thành một xu thế tất yếu, khu vực thu hút FDI bằng nhân công giá rẻ không còn lợi thế. Tương lai gần sẽ có khoảng 6,2 triệu lao động trong ngành dệt may, da giày tại khu vực Đông Nam Á có nguy cơ mất việc. Tại Việt Nam, tỷ lệ lao động có nguy cơ bị sa thải xấp xỉ 86% trong ngành dệt may, da giày. Theo một báo cáo của Tổ chức lao động Quốc tế (ILO) dự báo công nghệ có thể thay thế 65% lao động dệt may, da giày của Indonesia, 86% của Việt Nam, 88% của Campuchia trong một thập niên tới. Cách mạng số hóa tạo ra sự đột phá trong việc tìm ra nguyên vật liệu mới, năng lượng mới nên những nguồn năng lượng truyền thống như dầu mỏ và tài nguyên bị ảnh hưởng mạnh mẽ khi thế giới không còn quá phụ thuộc vào than và dầu.

*Thiếu hụt nguồn lao động chất lượng cao*

Theo ILO, vấn đề Việt Nam phải đối mặt hiện nay là chất lượng nguồn nhân lực. Lao động trình độ cao thường được đào tạo từ cấp bậc cao đẳng trở lên, có kiến thức và kỹ năng để thực hiện các công việc phức tạp, thích ứng nhanh đối với sự thay đổi công nghệ.

Qua một khảo sát của Ngân hàng Thế giới về việc đáp ứng yêu cầu của nhà tuyển dụng đối với 7 quốc gia Đông Nam Á, trong đó có Việt Nam. Kết quả là *"thái độ được đánh giá ở mức thiếu hụt nghiêm trọng, các kỹ năng tư duy sáng tạo, kỹ năng công nghệ thông tin, kỹ năng lãnh đạo, kỹ năng giải quyết vấn đề thiếu hụt lớn"*. Một khảo sát khác của ILSSA- Manpower cũng cho kết quả là 30% số DN FDI gặp khó khăn trong việc tuyển dụng lao động với sự *"yếu kém về khả năng nhận biết tiếp thu và ứng dụng công nghệ mới, kỹ năng máy tính cơ bản"*. Điều này trở thành một rào cản lớn để Việt Nam có thể tiếp cận nguồn vốn FDI trong điều kiện yêu cầu về trình độ người lao động ngày càng cao.

**Đề xuất một số giải pháp để tăng cường thu hút nguồn vốn FDI trong cuộc cách mạng công nghiệp 4.0**

*Về phía Chính phủ*

Tạo môi trường đầu tư thuận lợi thu hút các nhà đầu tư lớn, thúc đẩy Việt Nam tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu, tiếp thu công nghệ tiên tiến. Theo đó, cần ban hành những chính sách ưu tiên khuyến khích đối với các dự án đầu tư công nghệ cao nhằm thu hút các nguồn vốn từ nước ngoài; tạo hành lang pháp lý, sửa đổi bổ sung các quy định của pháp luật về chính sách liên quan đến các nội dung đến mở cửa thương mại, khoa học công nghệ, đào tạo nguồn nhân lực, đặc biệt là nguồn nhân lực có chất lượng cao để đáp ứng nhu cầu của cách mạng công nghiệp 4.0.

Chính phủ cần xây dựng các chính sách hỗ trợ tài chính cũng như về thủ tục hành chính đối với các lĩnh vực công nghệ mới. Bên cạnh đó phải đẩy mạnh các chương trình hỗ trợ dự án khởi nghiệp; Đẩy mạnh hợp tác quốc tế nhằm thúc đẩy các nghiên cứu,

phát triển và chuyển giao công nghệ trong cách mạng 4.0; Nâng cao nhận thức cho cộng đồng doanh nghiệp về cuộc CMCN 4.0; Đầu tư phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao. Thay đổi hệ thống giáo dục đào tạo theo định hướng giáo dục hiện đại, tập trung vào các khối ngành công nghệ thông tin, toán học, hóa sinh học...

*Về phía các Doanh nghiệp*

Các doanh nghiệp cần nâng cao nhận thức về CMCN 4.0 để nhanh chóng bắt kịp với xu hướng quốc tế, tránh nguy cơ tụt hậu trong cuộc đua công nghệ, từ đó chủ động ứng dụng khoa học công nghệ số hóa vào sản xuất, giảm giá thành sản phẩm để tăng sức cạnh tranh trên thị trường tiêu thụ; Các doanh nghiệp phải liên kết thành một hệ sinh thái ngành để có thể kết nối dễ dàng hơn và ứng dụng công nghệ số giữa các doanh nghiệp được tương thích với nhau; Phải đổi mới công tác tuyển dụng, đào tạo và đào tạo lại nguồn nhân lực để đáp ứng yêu cầu về phương thức sản xuất mới; Các doanh nghiệp sử dụng mạng internet và các ứng dụng truyền thông để cung cấp thông tin doanh nghiệp cho các MNE, tăng cường khả năng tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu./.

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Klaus Schwab is Founder and Executive Chairman of the World Economic Forum, 2015. *An Aeronavics drone sits in a paddock near the town of Raglan, New Zealand.* REUTERS/Naomi Tajitsu.
2. Richard S. Eckaus, 1990. *Comparing the effects of greenhouse gas emissions on global warming*, 1990.
3. Schwab, K. 2016. *The fourth industrial revolution*. Geneva: World Economic Forum
4. World Bank, 2012. *Putting higher education to work, skill and research for growth in East Asia*, Regional Report, Washington DC.
5. World Bank, Vietnam Development Report 2014, *Skilling up Vietnam: Preparing the workforce for a modern market economy*, Hanoi.

# NGHIÊN CỨU, HOÀN THIỆN NGUỒN THÔNG TIN VÀ PHƯƠNG PHÁP TÍNH GIÁ TRỊ SẢN XUẤT HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ NÔNG NGHIỆP

**Đỗ Thị Thu Hà - Lê Thị Tuyết Nhung**

*Vụ Thống kê Nông, Lâm nghiệp và Thủy sản - Tổng cục Thống kê*

**N**gành “Hoạt động dịch vụ nông nghiệp” thuộc nhóm ngành cấp 2 “Nông nghiệp và hoạt động dịch vụ có liên quan” và là một trong mười ba ngành kinh tế cấp 3 thuộc ngành Nông, Lâm nghiệp và Thủy sản. Hoạt động dịch vụ nông nghiệp gồm các hoạt động phục vụ cho sản xuất nông nghiệp và các hoạt động liên quan (như thu hoạch sản phẩm nông nghiệp), thực hiện trên cơ sở hợp đồng thu phí; các hoạt động sau thu hoạch nhằm chuẩn bị để đưa các sản phẩm nông nghiệp vào khâu tiêu thụ trên thị trường. Như vậy hoạt động dịch vụ nông nghiệp là do đơn vị sản xuất thuê ngoài để thực hiện các công đoạn của quá trình tạo ra sản phẩm.

Theo số liệu tính toán, công bố của Tổng cục Thống kê, giá trị hoạt động dịch vụ nông nghiệp (gồm dịch vụ cho trồng trọt và chăn nuôi) năm 2008 chỉ chiếm 1,5% tổng giá trị sản xuất ngành Nông, Lâm nghiệp và Thủy sản; năm 2018 là 3% và dự ước năm 2022, tỷ lệ này đạt gần 4%. Như vậy, sau hơn 10 năm, giá trị các hoạt động dịch vụ nông nghiệp đã tăng lên đáng kể do quy mô sản xuất được mở rộng, ứng dụng khoa học kỹ thuật

hiện đại trở nên phổ biến; các hình thức sản xuất trong trồng trọt và chăn nuôi ngày càng đa dạng; nhiều mô hình sản xuất mới xuất hiện; quá trình chuyên môn hóa trong các khâu sản xuất hàng hóa nông sản làm gia tăng các hoạt động thuê ngoài trong nông nghiệp.

Tuy nhiên, nội dung, phương pháp tính và nguồn số liệu phục vụ tính toán vẫn còn một số bất cập, tỷ trọng giá trị dịch vụ nông nghiệp trong tổng giá trị sản xuất ngành nông nghiệp còn có sự khác biệt khá lớn giữa các địa phương. Mặc dù trong cùng một vùng kinh tế - xã hội, một số địa phương có tỷ lệ lớn hơn 10%, nhưng cũng có địa phương tỷ lệ này chỉ từ 2-3%.

Bài viết với mục đích nghiên cứu thực trạng, các bất cập trong thu thập, sử dụng nguồn thông tin tính giá trị sản xuất ngành “016. Hoạt động dịch vụ nông nghiệp” và đề xuất một số giải pháp khắc phục, thống nhất sử dụng ở tất cả tỉnh/ thành trên toàn quốc.

## **Các phương pháp tính giá trị sản xuất ngành 016. Hoạt động dịch vụ nông nghiệp**

Ngành 016 là ngành cấp 3 thuộc ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản nên có thể sử dụng các phương pháp tính giá trị sản xuất ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản như sau:

(1) Phương pháp 1: Phương pháp tính GTSX trực tiếp từ sản lượng và đơn giá sản phẩm theo công thức tổng quát sau

$$GO = \sum_{i=1}^n (Q_i \times \bar{P}_i) + \text{Trợ cấp sản phẩm (nếu có)} \quad (1)$$

Trong đó:

+  $GO$ : Giá trị sản xuất dịch vụ nông nghiệp;

+  $Q_i$ : Khối lượng hoạt động dịch vụ  $i$ . Khối lượng hoạt động này có thể là diện tích thuê ngoài làm đất; diện tích thuê phun thuốc trừ sâu; diện tích thuê thu hoạch sản phẩm...;

+  $\bar{P}_i$ : Đơn giá sản xuất bình quân của hoạt động  $i$ ;

Phương pháp này thường được áp dụng khi có thông tin của khối lượng hoạt động dịch vụ và đơn giá của hoạt động dịch vụ.



(2) Phương pháp 2: Phương pháp tính từ doanh thu tiêu thụ theo công thức sau:

$$GTSX = \begin{matrix} \text{Doanh thu} \\ \text{thuần về} \\ \text{bán hàng} \\ \text{và cung cấp} \\ \text{dịch vụ} \end{matrix} + \begin{matrix} \text{Trợ cấp} \\ \text{sản} \\ \text{phẩm} \\ \text{(nếu có)} \end{matrix} + \begin{matrix} \text{Thu do bán} \\ \text{sản phẩm} \\ \text{phụ tận thu} \\ \text{không hạch} \\ \text{toán riêng} \end{matrix} + \begin{matrix} \text{Chênh lệch} \\ \text{cuối kỳ, đầu kỳ} \\ \text{thành phẩm} \\ \text{tồn kho, hàng} \\ \text{gửi bán, sản} \\ \text{phẩm dở dang} \end{matrix} + \begin{matrix} \text{Thu do} \\ \text{thuê thiết} \\ \text{bị, máy} \\ \text{móc có} \\ \text{người} \\ \text{điều khiển} \end{matrix} + \begin{matrix} \text{Giá trị} \\ \text{TS CĐ tự} \\ \text{chế, tự} \\ \text{trang} \end{matrix} \quad (2)$$

Phương pháp này thường được áp dụng cho các đơn vị, doanh nghiệp thực hiện cung cấp các dịch vụ nông nghiệp (như dịch vụ tưới tiêu của công ty thủy nông; dịch vụ thuê thu hoạch bằng máy, thuê phun thuốc trừ sâu của HTX...)

Yêu cầu của phương pháp này là đơn vị có sổ sách ghi chép.

(3) Phương pháp 3: Phương pháp tính từ các yếu tố chi phí:

$$GTSX = \begin{matrix} \text{Tổng chi phí người sản xuất bỏ ra để thuê ngoài các hoạt động dịch} \\ \text{vụ trong sản xuất nông nghiệp} \end{matrix} + \begin{matrix} \text{Trợ cấp} \\ \text{sản phẩm} \end{matrix}$$

(4) Phương pháp 4: Phương pháp sử dụng các bảng cân đối sản phẩm chủ yếu và phương pháp ngoại suy để tính GTSX của ngành. Phương pháp được áp dụng trong trường hợp các phương pháp 1, 2 và 3 không thực hiện được.

### Thực trạng nguồn thông tin, phương pháp tính giá trị sản xuất ngành 016. Hoạt động dịch vụ nông nghiệp

Theo phạm vi ngành, GTSX ngành dịch vụ nông nghiệp gồm giá trị dịch vụ của các ngành: (1) Giá trị dịch vụ của ngành trồng trọt; (2) Giá trị dịch vụ của ngành chăn nuôi; (3) Giá trị dịch vụ của ngành dịch vụ sau thu hoạch; (4) Dịch vụ xử lý hạt giống để nhân giống và được tổng hợp theo công thức sau:

$$\begin{matrix} \text{Giá trị sản} \\ \text{xuất của} \\ \text{ngành dịch} \\ \text{vụ nông} \\ \text{nghiệp} \\ \text{trong kỳ} \end{matrix} = \begin{matrix} \text{Giá trị sản xuất} \\ \text{của hoạt động} \\ \text{dịch vụ trồng} \\ \text{trọt trong kỳ} \end{matrix} + \begin{matrix} \text{Giá trị sản} \\ \text{xuất của hoạt} \\ \text{động dịch} \\ \text{vụ chăn nuôi} \\ \text{trong kỳ} \end{matrix} + \begin{matrix} \text{Giá trị sản} \\ \text{xuất của} \\ \text{hoạt động} \\ \text{dịch vụ sau} \\ \text{thu hoạch} \\ \text{trong kỳ} \end{matrix} + \begin{matrix} \text{Giá trị sản} \\ \text{xuất dịch} \\ \text{vụ xử lý hạt} \\ \text{giống để} \\ \text{nhân giống} \\ \text{trong kỳ} \end{matrix} \quad (5)$$

Trong đó: Giá trị sản xuất ngành dịch vụ nông nghiệp được tính theo loại hình kinh tế, theo phạm vi toàn quốc - vùng lãnh thổ - tỉnh; Giá trị sản xuất ngành dịch vụ nông nghiệp được tính thống nhất theo năm dương lịch, các kỳ quý - 6 tháng - 9 tháng - cả năm; Giá trị sản xuất ngành dịch vụ nông nghiệp được tính theo giá cơ bản; Giá trị sản xuất ngành dịch vụ nông nghiệp được tính theo hai loại giá: Giá hiện hành và Giá so sánh.

Quy trình sản xuất trồng trọt, chăn nuôi thường diễn ra tại nơi sản xuất từ khâu chuẩn bị, thực hiện sản xuất, thu hoạch sản phẩm và chọn lọc, xử lý hạt giống và là những hoạt động độc lập.

Phương pháp tính GTSX hoạt động dịch vụ nông nghiệp hiện nay ở Việt Nam vẫn sử dụng cả phương pháp (1) Từ lượng và giá và phương pháp (2) từ doanh thu cung cấp dịch vụ. Nguồn thông tin chủ yếu vẫn từ nguồn báo cáo hành chính của ngành nông nghiệp.

Một số bất cập như sau:

(i) Số liệu thu thập chủ yếu từ nguồn báo cáo hành chính của ngành nông nghiệp thường không đúng yêu cầu của ngành hoạt động. Ví dụ nguồn báo cáo hành chính cho biết tổng diện tích được làm đất bằng máy. Từ thông tin này, ngành Thống kê sẽ phân tách tổng diện tích được làm đất bằng máy do đơn vị

tự làm và diện tích đi làm thuê cho đơn vị khác bằng phương pháp chuyên gia. Điều này thường dẫn đến một tỷ lệ không phù hợp cho từng vùng địa hình, tập quán canh tác.

(ii) Các thông tin từ ngành nông nghiệp thường sẽ bỏ sót những hoạt động dịch vụ do cá nhân nhận làm thủ công, hoặc hoạt động đối công trong ngành nông nghiệp, ví dụ hoạt động thu hoạch thuê thủ công (Ngành nông nghiệp có thông tin về diện tích thu hoạch bằng máy).

(iii) Trong trường hợp áp dụng cả hai phương pháp (1) và phương pháp (2) trong nhiều trường hợp tính trùng hoặc thiếu. Ví dụ

thông tin từ đơn vị cung cấp dịch vụ là doanh thu hoạt động tưới tiêu cho các cây trồng nhưng vẫn tính cả diện tích thuê tưới tiêu cho cây trồng khác ngoài lúa do chi hiểu là đơn vị chỉ cung cấp dịch vụ tưới tiêu cho cây lúa.

(iv) Theo phương pháp tính hiện nay đang sử dụng, trường hợp hoạt động dịch vụ nông nghiệp mới đã xuất hiện nếu tính theo phương pháp (1) thì chưa có đơn giá cố định bình quân năm gốc, đơn giá này được ban hành trong Bảng giá bán sản phẩm của người sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản năm 2010 theo Thông tư số 02 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Cách tính là sử dụng đơn giá của năm hiện hành sau đó dùng chỉ số giá của người sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản năm hiện hành so với năm gốc để tính giá trị hoạt động dịch vụ nông nghiệp mới phát sinh theo giá so sánh. Phương pháp tính này có sự bất cập chưa có đơn giá cố định của hoạt động phát sinh; chỉ số giá sử dụng là chỉ số giá của nhóm dịch vụ mà chưa xây dựng chỉ số giá cho các hoạt động.

Với các nghiên cứu đánh giá thực trạng, phân tích những tồn tại, hạn chế nguồn số liệu và của phương pháp tính GTSX ngành dịch vụ nông nghiệp đang được áp dụng tại Việt Nam, so sánh với kinh nghiệm của các nước trong khu vực, nhóm nghiên cứu thấy rằng đã đến lúc cần thiết phải có cách tiếp cận các hoạt động dịch vụ từ đơn vị sử dụng dịch vụ; chuyển đổi phương pháp tính GTSX ngành dịch vụ nông nghiệp thống nhất theo phương pháp chi phí theo yếu tố để phản ánh đúng hơn, đầy đủ hơn về GTSX ngành dịch vụ nông nghiệp và làm rõ được thách thức lâu nay của cơ quan quản lý trong phân tích

cơ cấu chuyển đổi, chuyên môn hóa trong ngành nông nghiệp.

Để thực hiện được phương pháp tính GTSX ngành dịch vụ nông nghiệp theo phương pháp chi phí theo yếu tố nhóm nghiên cứu đề xuất cần hoàn thiện, bổ sung các thông tin sau:

(1) Bổ sung nguồn thông tin từ điều tra về tổng chi phí dịch vụ thuê ngoài trong nông nghiệp để đảm bảo có thông tin về các hoạt động dịch vụ của ngành 016 "Hoạt động dịch vụ nông nghiệp"; gồm thông tin về chi phí dịch vụ thuê ngoài cho sản xuất trồng trọt (cây hằng năm, cây lâu năm); chăn nuôi trong các cuộc điều tra của ngành Thống kê hằng năm.

Các thông tin về tổng chi phí dịch vụ thuê ngoài của năm hiện hành sẽ được thu thập từ người sản xuất có thực hiện thuê ngoài các hoạt động dịch vụ, không kể là thuê cá nhân hoặc thuê các đơn vị doanh nghiệp, HTX. Thông tin cũng được chi tiết theo nhóm hoạt động theo ngành kinh tế cấp 4 để phục vụ công tác phân tích chuyên sâu.

(2) Thiết lập hệ thống chia sẻ thông tin với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, nhằm thống nhất các thông tin liên quan đến các hoạt động dịch vụ nông nghiệp đặc thù trên địa bàn; bổ sung thông tin về các hoạt động dịch vụ cho các cây trồng, vật nuôi không có thông tin từ điều tra;

(3) Tiếp tục hoàn thiện phạm vi nội dung các hoạt động dịch vụ thuê ngoài, thuê khoán trong sản xuất trồng trọt và chăn nuôi. Kiểm soát tốt số liệu từ điều tra thường xuyên phục vụ tính toán giá trị dịch vụ nông nghiệp; Đồng nhất danh mục sản phẩm tính toán GTSX và danh mục điều tra thường xuyên NLTS;

(4) Hoàn thiện danh mục nhóm sản phẩm dịch vụ nông nghiệp

tính chỉ số giá phù hợp với danh mục sản phẩm tính toán để tính giá trị sản xuất dịch vụ nông nghiệp theo giá so sánh;

(5) Lồng ghép thông tin cần thu thập của lĩnh vực dịch vụ nông nghiệp định kỳ 5 năm một lần trong cuộc Tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp năm và Điều tra nông thôn, nông nghiệp giữa kỳ nhằm thu thập các thông tin chi tiết về các hoạt động chi phí của từng hoạt động dịch vụ nông nghiệp chủ yếu, làm căn cứ đánh giá các thông tin từ điều tra thường xuyên.

(6) Giải quyết hài hòa chênh lệch giữa số liệu tính toán theo phương pháp mới và số liệu rà soát GRDP đã được công bố./

#### **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Phương pháp biên soạn Hệ thống Tài khoản quốc gia ở Việt Nam, nhà Xuất bản Thống kê (1998, 2003), Hà Nội,
2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2012), Thông tư số 02/2012/BKHĐT ngày 04 tháng 4 năm 2012 của Bộ KH&ĐT quy định năm 2010 làm năm gốc, Hà Nội,
4. Phương pháp biên soạn Hệ thống Tài khoản quốc gia ở Việt Nam, nhà Xuất bản Thống kê (2018), Hà Nội,
5. Ths. Nguyễn Thị Hương (2013), Đề tài cấp bộ "Nghiên cứu hoàn thiện và tin học hóa các quy trình tổng hợp chỉ tiêu giá trị sản xuất, giá trị tăng thêm áp dụng cho trung ương và địa phương", Hà Nội,
6. [https://unstats.un.org/unsd/China\\_UNSD\\_Project/GDP%20by%20production%20approach.pdf](https://unstats.un.org/unsd/China_UNSD_Project/GDP%20by%20production%20approach.pdf)
7. Ths. Lê Trung Hiếu (2020), Đề tài cấp bộ "Nghiên cứu xây dựng phương pháp tính giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản theo giá bán bình quân sản phẩm ở Việt Nam", Hà Nội.

# LIỆU HIỆU ỨNG DOMINO CÓ DIỄN RA VỚI NGÀNH NGÂN HÀNG MỸ?

Bích Ngọc

**Tháng 3 vừa qua được cho là khoảng thời gian đen tối của thị trường tài chính Mỹ khi liên tiếp nhận thông tin phá sản từ các ngân hàng nước này. Trước tâm lý lo ngại xảy ra cuộc khủng hoảng, giới chức Mỹ đã nhanh chóng có những hành động khẩn cấp ngăn chặn sự sụp đổ tài chính lan rộng.**

## Sự đổ vỡ hàng loạt

Ngày 9/3, thị trường tài chính Mỹ nhận tin dữ Silvergate Capital Corp, công ty mẹ của ngân hàng Silvergate Bank (SIB) thông báo sẽ dừng hoạt động mảng ngân hàng và hoàn trả toàn bộ tiền gửi dành cho khách hàng. SIB là một ngân hàng lớn ở California hoạt động từ năm 1988, chuyên cung cấp dịch vụ giao dịch USD cho nhiều sàn giao dịch tiền mã hóa hàng đầu tại Mỹ từ năm 2013. Nguyên nhân của sự sụp đổ này bắt nguồn từ một cuộc khủng hoảng thanh khoản xảy ra trong ngành tiền điện tử (crypto) vào tháng 5/2022, sau đó vài tháng là sự phá sản của sàn giao dịch tiền điện tử FTX. Ngân hàng SIB đã không thể tồn tại sau cuộc khủng hoảng kép này và bị bỏ rơi bởi chính những khách hàng mà SIB đã hỗ trợ.

Ngay ngày hôm sau 10/3, thị trường tài chính Mỹ tiếp tục bất ngờ trước thông tin ngân hàng Silicon Valley Bank (SVB) rơi vào trạng thái chấm dứt giao dịch.

Đây là ngân hàng thương mại hàng đầu ở Thung lũng Silicon và nằm trong top 16 ngân hàng lớn nhất nước Mỹ, có chi nhánh ở 8 quốc gia (Israel, Đan Mạch, Đức, Trung Quốc...), được thành lập năm 1983, với mục đích chuyên cho vay trong lĩnh vực công nghệ, sức khỏe, khởi nghiệp (startups)... Tổng tài sản của SVB cuối năm 2022 là 212 tỷ USD (bằng một nửa quy mô nền kinh tế Việt Nam). Sự sụp đổ của SVB đã đánh dấu vụ ngân hàng phá sản lớn nhất kể từ khủng hoảng tài chính năm 2008 và lớn thứ hai trong lịch sử Mỹ sau vụ ngân hàng Washington Mutual (WaMu) phá sản cách đây 15 năm.

Giới phân tích nhận định, sự đổ vỡ của SVB bắt đầu bùng nổ từ ngày 8/3 khi Tập đoàn Tài chính SVB (công ty mẹ của SVB) thông báo lỗ 1,8 tỷ USD sau khi phải bán các khoản chứng khoán trị giá 21 tỷ USD và dự kiến phát hành thêm 2,25 tỷ USD cổ phiếu mới để tăng năng lực tài chính, bù đắp các khoản lỗ. Sau sự việc này, tổ chức

xếp hạng tín nhiệm đã đánh tụt hạng SVB, cùng với việc một số Quỹ đầu tư mạo hiểm lớn khuyến nghị các doanh nghiệp trong danh mục đầu tư rút tiền khỏi SVB dẫn đến giá cổ phiếu của SVB giảm mạnh 60% trong phiên ngày 9/3. Bất chấp những phát ngôn trấn an của lãnh đạo SVB, ngay trong 9/3, nhiều nhà đầu tư mạo hiểm và các startup đã ồ ạt rút tiền gửi lên tới 42 tỷ USD tính đến cuối ngày. Việc lượng tiền rút ra quá lớn đã kéo theo đà lao dốc của cổ phiếu SVB, mất giá thêm 60% trong sáng 10/3 và bị buộc rơi vào trạng thái chấm dứt giao dịch.

Thảm họa SVB dường như châm ngòi cho sự đổ vỡ tiếp theo của Ngân hàng Signature Bank (SB) có trụ sở tại New York (Mỹ) chỉ hai ngày sau đó. SB là một ngân hàng thương mại có văn phòng cho khách hàng tư nhân ở New York, Connecticut, California, Nevada và Bắc Carolina, có 9 ngành kinh doanh quốc gia bao gồm bất động sản thương mại

và ngân hàng số. Với 40 năm hoạt động, Signature Bank là một trong những ngân hàng cho vay lớn trong ngành công nghiệp tiền điện tử, có 40 chi nhánh với khối tài sản lên tới 110,36 tỷ USD. Trong đó, số tiền gửi trong năm 2022 là 88,59 tỷ USD.

Từ vụ sụp đổ của Ngân hàng SVB, các khách hàng của Signature Bank lo ngại rằng tiền gửi của họ có thể bị khóa hoặc xóa sổ nên đã "cuống cuồng" rút hơn 10 tỷ USD tiền gửi để chuyển sang những ngân hàng lớn hơn, bao gồm JPMorgan Chase và Citigroup, mặc cho các giám đốc điều hành của Signature đã tìm kiếm "đủ mọi cách" để củng cố tình hình của ngân hàng, bao gồm cả việc tìm thêm vốn và những đơn vị mua lại tiềm năng. Điều này đã khiến Signature Bank nhanh chóng đi đến kết cục phá sản. Vụ phá sản của SB là vụ ngân hàng phá sản lớn thứ ba trong lịch sử Mỹ.

Như vậy, chỉ trong vòng một tuần, Mỹ có đến 3 ngân hàng sụp đổ. Giới quan sát cho rằng, mọi chuyện vừa qua diễn ra quá nhanh, song cuộc khủng hoảng của các ngân hàng đã được dự đoán từ lâu và không phải một sự cố đơn lẻ mà là hệ quả của vấn đề mang tính hệ thống. Đây là hậu quả của việc Cục Dự trữ Liên bang (Fed) liên tục tăng lãi suất, đồng thời là sự đổ vỡ của thị trường tiền điện tử.

Một điểm chung của các ngân hàng phá sản vừa qua là đều có hoạt động giao dịch liên quan đến tiền mã hóa. Và thay vì đa dạng hoá nguồn thu và đối tượng khách hàng, thì ba ngân hàng trên đều chỉ tập trung vào một nhóm đối tượng nhất định, chủ yếu là các công ty khởi nghiệp vốn không có tài sản đảm bảo.

Đơn cử như sự sụp đổ của SVB chủ yếu là do đầu tư quá nhiều vào trái phiếu được xem là các công cụ nợ, để tạo ra các dòng thu nhập ổn định. Việc Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) tăng mạnh lãi suất, từ tháng 3/2022 đến nay đã đẩy lên chạm mức 4,5%, dẫn đến giá trái phiếu của SVB đang nắm giữ bị giảm. Trong bối cảnh kinh tế khó khăn, việc huy động vốn đầu tư mạo hiểm cạn kiệt, các khách hàng của SVB có xu hướng rút tiền ra để hỗ trợ hoạt động kinh doanh, buộc ngân hàng phải bán toàn bộ danh mục đầu tư trái phiếu thanh khoản của mình với giá thấp hơn so với thực tế để thu tiền mặt. Do giá trị tài sản không đủ bù đắp những tổn thất đã đưa ngân hàng SVB lâm vào tình trạng mất thanh khoản.

### **Khó diễn ra cuộc khủng hoảng tài chính**

Tốc độ vỡ nợ một cách "chóng vánh" của các ngân hàng đã khiến thị trường tài chính Mỹ rơi vào cảnh hỗn loạn, khốn đốn. Theo tính toán của Reuters, hơn 100 tỷ USD

giá trị thị trường của các ngân hàng Mỹ đã bị "xóa sổ" trong hai ngày 9-10/3. Trước đòn giáng mạnh vào một lĩnh vực ngân hàng đang quay cuồng, Moody's Investors Service đã hạ triển vọng đối với toàn bộ hệ thống ngân hàng Mỹ từ mức ổn định xuống mức tiêu cực.

Nhiều nhà kinh tế cũng tỏ rõ tâm lý lo ngại hiệu ứng domino - sự tan vỡ dây chuyền tiếp theo. Cựu Phó chủ tịch, cựu giám đốc điều hành Lehman Brothers, Lawrence McDonald cho rằng, cuộc khủng hoảng ngân hàng có thể làm sụp đổ thêm 50 ngân hàng khu vực khác ở Mỹ nếu chính quyền nước này không thực hiện các giải pháp nhanh chóng và thích hợp để giải quyết các vấn đề cơ cấu.

Không chỉ tại Mỹ, dư chấn từ sự sụp đổ của các ngân hàng trên cũng đã đẩy cổ phiếu ngân hàng toàn cầu lao dốc. Ngày 14-3, cổ phiếu các ngân hàng lớn của Úc như ANZ, Westpac và NAB đều giảm hơn 2%. Trong khi đó, ở đầu phiên giao dịch ngày 14-3, chỉ số phụ



của nhóm cổ phiếu ngân hàng Nhật Bản giảm 6,7% xuống mức thấp nhất kể từ tháng 12/2022. Còn tại châu Âu, chỉ số ngân hàng STOXX đóng cửa thấp hơn 5,7%, cổ phiếu Commerzbank của Đức giảm 12,7%, Credit Suisse (Thụy Sĩ) giảm 9,6% xuống mức thấp kỷ lục.

Trước nguy cơ trên, nhằm trấn an và củng cố niềm tin của người dân vào hệ thống ngân hàng, cũng như ngăn chặn sự sụp đổ tài chính lan rộng, các cơ quan điều hành của Mỹ nhanh chóng có các hành động kiểm soát và ổn định tình hình thị trường. Giới chức Mỹ ra thông báo đảm bảo toàn bộ tiền gửi của khách hàng tại SVB, như gửi đi một thông điệp các khoản tiền gửi đang rất an toàn và mọi người tránh đi rút tiền hàng loạt ở các ngân hàng khác.

Mặt khác, Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) thông báo việc thành lập Chương trình Cấp vốn Kỳ hạn Ngân hàng (BTFP) với mục tiêu bảo vệ các định chế tài chính khỏi những bất ổn thị trường mà vụ sụp đổ của các ngân hàng gây ra. Bên cạnh đó, Fed có kế hoạch nới lỏng điều kiện vận hành của sổ chiết khấu tương tự như điều kiện áp dụng BTFP. Đây là công cụ cho vay của ngân hàng trung ương nhằm giúp ngân hàng thương mại giải quyết nhu cầu thanh khoản trong ngắn hạn. Việc làm này có thể giúp các ngân hàng chuyển những tài sản bị giảm giá trị thành tiền mặt, mà không phải chịu tổn thất như SVB. Bộ Tài chính Mỹ sẽ chi tối đa 25 tỷ USD để bù lỗ cho chương trình BTFP nếu cần thiết.

Fed và Bộ Tài chính Mỹ cũng chuẩn bị một kế hoạch hỗ trợ tiền gửi thông qua chương

trình cho vay khẩn cấp của Fed. Chương trình này là một đạo luật trong thời kỳ suy thoái thuộc Đạo luật Dự trữ Liên bang, cho phép ngân hàng trung ương cho vay trực tiếp sau khi chứng minh được rằng bên vay không thể có được thanh khoản từ những nơi khác. Quyền cho vay khẩn cấp của Fed thường được dùng cho các trường hợp bất thường và cấp bách. Động thái thực hiện chương trình cho vay khẩn cấp này báo hiệu rằng cơ quan quản lý Mỹ coi tác động lan tỏa từ sự sụp đổ của SVB là dấu hiệu rủi ro hệ thống trên thị trường.

Ngày 21/3, một số phương tiện truyền thông Mỹ cũng đưa tin rằng các quan chức tại Bộ Tài chính nước này đang thảo luận về việc tăng bảo hiểm tiền gửi trong trường hợp lĩnh vực ngân hàng suy thoái.

Các chuyên gia nhận định hiệu ứng domino như giai đoạn khủng hoảng tài chính năm 2008-2009 khó có thể xảy ra, bởi các ngân hàng đổ vỡ lần này có quy mô nhỏ hơn rất nhiều và tính lây lan trong hệ thống không lớn như trường hợp Lehman Brothers xảy ra trong năm 2008. Thêm vào đó, cơ quan chức năng của Mỹ (cụ thể là cơ quan bảo hiểm tiền gửi của Mỹ - FDIC) đã có những phản ứng rất nhanh trong việc trấn an dư luận, ngăn chặn hiệu ứng rút tiền khỏi ngân hàng của những người gửi tiền. Ngoài ra, Cục Dự trữ liên bang Mỹ cũng như chính quyền Mỹ cũng đã có những đánh giá lại về lộ trình tăng lãi suất. Bên cạnh đó, các quy định về giám sát hệ thống ngân hàng cũng đã được thời gian tới để nâng cao tính an toàn trong các hoạt động của hệ thống ngân hàng./.

## XUẤT KHẨU GẠO...

(Tiếp theo trang 21)

Còn theo Tập đoàn Lộc Trời, mặc dù châu Á, châu Phi là những thị trường truyền thống, doanh nghiệp đã am hiểu song muốn đi đường dài phải có chiến lược cụ thể cho từng thị trường. Vì vậy, doanh nghiệp rất cần sự hỗ trợ từ các bộ, ngành, tham tán thương mại về công tác xúc tiến thương mại ở cả thị trường quen thuộc cũng như thị trường mới.

Mặc dù thuận lợi về mặt thị trường, song hiện nay các doanh nghiệp ngành gạo lại đang gặp khó khăn về nguồn vốn, đặc biệt trong thời điểm vào mùa thu hoạch lúa. Hiện tại, Đồng bằng sông Cửu Long đang bước vào thu hoạch rộ vụ lúa Đông Xuân. Nếu doanh nghiệp được tiếp cận nguồn vốn dồi dào, tăng cường việc thu mua, tạm trữ sẽ giúp đảm bảo lợi nhuận cho người dân. Đây cũng là vụ mùa cho sản lượng lúa chất lượng tốt nhất để các doanh nghiệp chế biến và gia tăng kim ngạch xuất khẩu. Do đó, doanh nghiệp kiến nghị Ngân hàng Nhà nước chỉ đạo các ngân hàng thương mại có chính sách hỗ trợ doanh nghiệp khơi thông nguồn vốn.

Trong chiến lược phát triển ngành lúa gạo từ nay đến năm 2030, Việt Nam đặt mục tiêu giảm sản lượng, giảm số lượng gạo xuất khẩu và tăng giá trị kim ngạch xuất khẩu. Đây là định hướng đúng đắn về tái cơ cấu ngành lúa gạo, làm cơ sở để đẩy nhanh quá trình tái cơ cấu ngành này sang chiều sâu; đáp ứng tiêu chuẩn cao về nhập khẩu và nhu cầu người tiêu dùng ở các nước phát triển. Đây cũng chính là cơ sở để ngành lúa gạo Việt Nam đề ra mục tiêu xuất khẩu năm 2023 khoảng 7 triệu tấn gạo, trị giá gần 4 tỷ USD./.

# KHÁT VỌNG PHÁT TRIỂN VƯƠN TÂM CỦA HÀ NAM

**Nguyễn Văn Lượng**

*Giám đốc Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Hà Nam*

## Những kết quả ấn tượng

Năm 2022, trong bối cảnh còn nhiều khó khăn, thách thức với các yếu tố bất lợi cho sản xuất kinh doanh, nhưng nhờ sự lãnh đạo, chỉ đạo, giám sát, điều hành quyết liệt của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh, tình hình kinh tế-xã hội Hà Nam cơ bản ổn định và có bước phát triển tốt. Nổi bật, GRDP tăng 10,82% so với cùng kỳ năm 2021 (đứng thứ 3 trong vùng đồng bằng sông Hồng và thứ 12 toàn quốc); Thu ngân sách Nhà nước của tỉnh đạt gần 16.000 tỷ đồng, trong đó, thu cân đối ngân sách đạt 13.860 tỷ đồng, vượt dự toán Trung ương và HĐND tỉnh giao, bảo đảm tự cân đối thu, chi ngân sách.

Giá trị sản xuất công nghiệp tăng 14,5% so với cùng kỳ. Các sản phẩm công nghiệp chủ yếu của tỉnh đều tăng. Hoạt động xúc tiến đầu tư được đẩy mạnh tại Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan (Trung Quốc). Năm 2022, tỉnh đã thu hút được 62 dự án đầu tư, bằng 126,5% so với cùng kỳ. Giá trị kim ngạch xuất, nhập khẩu đạt 10,4 tỷ USD; trong đó, kim ngạch xuất khẩu đạt 5,57 tỷ USD, tăng 13,7% so với cùng kỳ; kim ngạch nhập khẩu đạt 4,83 tỷ USD, tăng 21,0%.

Hoạt động du lịch đã hoàn toàn mở cửa. Tổng lượt khách du lịch cả năm đạt trên 3,15 triệu lượt khách, tăng 23,0%; doanh thu du lịch đạt 2.152,5 tỷ đồng, tăng 31,0% so với cùng kỳ. Chương trình xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh tiếp tục được thúc đẩy mạnh mẽ.

Các hoạt động văn hóa, thể thao được tổ chức sôi nổi, đa dạng phục vụ tốt nhiệm vụ chính trị của tỉnh và đáp ứng nhu cầu đời sống tinh thần của nhân dân.

Vượt qua năm 2022 nhiều sóng gió bằng những kết quả tăng trưởng ấn tượng, Hà Nam có thêm sự tự tin và quyết tâm để đẩy mạnh thực hiện 03 đột phá chiến lược cùng các nhiệm vụ/giải pháp trọng tâm. Thông qua đó, khơi thông các nguồn lực, phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế, tạo đà để Hà Nam phát triển nhanh, toàn diện và bền vững trong các năm tiếp theo với tầm nhìn trở thành đô thị thông minh, thành phố hiện đại và trung tâm công nghệ cao của Vùng đồng bằng sông Hồng và cả nước vào năm 2050.

Chất lượng giáo dục toàn diện được nâng cao, giáo dục mũi nhọn đạt thành tích cao. Kỳ thi quốc gia THPT năm 2022, Hà Nam đứng thứ 7 toàn quốc về điểm bình quân, với tỷ lệ đỗ tốt nghiệp đạt 99,17%. Công tác đào tạo nghề, gắn với nhu cầu sử dụng và tuyển dụng lao động của doanh nghiệp được quan tâm. Công tác chăm sóc sức khỏe cho nhân dân được chăm lo. An sinh xã hội đảm bảo, đời sống của nhân dân được cải thiện.

## Lấy doanh nghiệp là động lực phát triển kinh tế

Những năm qua, doanh nghiệp chính là động lực giúp Hà Nam phát triển mạnh mẽ. Chính vì vậy, để tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế hoạt động kinh doanh hiệu quả, Hà Nam đã triển khai nhiều giải pháp quan trọng nhằm cải thiện, tạo lập môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi, lành mạnh, công bằng.

Theo đó, Tỉnh tiếp tục duy trì thực hiện có hiệu quả 10 cam kết của tỉnh đối với các nhà đầu tư trên cơ sở kế thừa và có sự đổi mới, sáng tạo phù hợp với yêu cầu

thực tiễn. Lãnh đạo tỉnh thường xuyên, định kỳ tổ chức hội nghị làm việc, lắng nghe, tiếp thu, giải quyết các khó khăn, vướng mắc của các nhà đầu tư; rà soát và kiến nghị Chính phủ, các cấp có thẩm quyền tiếp tục đẩy mạnh việc hoàn thiện hệ thống chính sách pháp luật, đơn giản hóa các thủ tục hành chính...

Đồng thời, UBND tỉnh cũng đã chỉ đạo Thanh tra tỉnh tăng cường trao đổi phối hợp với các ngành, cơ quan trung ương để xây dựng kế hoạch thanh kiểm tra hàng năm, hạn chế triệt để tình trạng chồng chéo, chấp hành nghiêm yêu cầu thanh tra, kiểm tra không quá 01 lần trong năm đối với doanh nghiệp.

Hà Nam đang triển khai có hiệu quả các nội dung của Chương trình chuyển đổi số quốc gia, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong cung cấp các dịch vụ công, phát huy tốt, hiệu quả Trung tâm hành chính công của tỉnh, đẩy mạnh thực hiện phương thức tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua hình thức hồ sơ điện tử (online), dịch vụ bưu chính công ích.

Xác định hạ tầng giao thông đi trước, mở đường cho phát triển kinh tế, Hà Nam tranh thủ sự quan tâm của Trung ương, đồng thời huy động tổng hợp các nguồn lực để xây dựng hạ tầng giao thông kết nối liên vùng đảm bảo đồng bộ, hiện đại, nhất là hệ thống đường bộ, đường thủy nội địa, cảng. Trong năm qua, thực hiện Chương trình phục hồi kinh tế của Chính phủ, tỉnh Hà Nam đã đề xuất 04 dự án đưa vào Chương trình với tổng vốn đầu tư khoảng 5.139,4 tỷ đồng.

## 3 đột phá và 7 nhiệm vụ trọng tâm

Trong giai đoạn tiếp theo, Hà Nam sẽ phát huy tối đa, hiệu quả



các tiềm năng, lợi thế trở thành tỉnh giàu đẹp, văn minh, phát triển khá của Vùng đồng bằng Bắc bộ; phấn đấu trở thành thành phố trực thuộc Trung ương trước năm 2035. Theo Quy hoạch tỉnh Hà Nam thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Hà Nam sẽ trở thành đô thị thông minh, phát triển hiện đại, trung tâm công nghệ, dịch vụ chất lượng cao, trung tâm mua sắm lớn của Vùng đồng bằng sông Hồng vào năm 2050.



Hà Nam ưu tiên hỗ trợ các doanh nghiệp nhanh chóng trở lại sản xuất. Trong ảnh: Dây chuyền sản xuất tại Công ty TNHH Seoul Semiconductor Vina, KCN Đông Văn I. Ảnh: Nguyễn Oanh

Để thực hiện các mục tiêu lớn này, Hà Nam đã đề ra 3 đột phá phát triển, đó là: Tiếp tục hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội đồng bộ, hiện đại và hạ tầng số; đẩy mạnh cải cách hành chính, xây dựng chính quyền điện tử tiến tới chính quyền số; tiếp tục phát triển nguồn nhân lực, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo gắn với khơi dậy khát vọng phát triển và phát huy giá trị văn hoá để phát triển tỉnh Hà Nam. Các nhiệm vụ trọng tâm đó là: Nâng cao chất lượng, hiệu quả, sự sáng tạo trong tham mưu, ban hành các cơ chế, chính sách kết hợp với cải cách thủ tục hành chính; Đẩy mạnh cơ cấu lại nền kinh tế và các ngành, lĩnh vực gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, đổi mới sáng tạo; Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ số để tăng năng suất, nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân; Mở rộng quỹ đất, thu hút đầu tư phát triển các khu công nghiệp, cụm công nghiệp; Đẩy mạnh phát triển các đô thị và xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng khu vực nông thôn; Quản lý, khai thác, sử dụng hợp lý và hiệu quả nguồn tài nguyên, bảo vệ môi trường; Chủ động tích cực hội nhập quốc tế.

Trên cơ sở quy hoạch được duyệt, Tỉnh đang xây dựng mới để án phát triển các ngành, lĩnh vực phù hợp; ưu tiên các nguồn lực để phát triển công nghiệp hỗ trợ, chế biến, chế tạo; công nghệ cao; đô thị; dịch vụ du lịch, y tế, giáo dục đào tạo, nông nghiệp hàng hóa, ứng dụng công nghệ cao. Cùng với nỗ lực của tỉnh, Hà Nam mong muốn các nhà đầu tư tích cực khảo sát, nghiên cứu, hợp tác nhằm khai thác tối đa mọi nguồn lực đưa doanh nghiệp và Hà Nam phát triển mạnh mẽ./.

## HÀ NAM: PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ PHỦ LÝ VĂN MINH HIỆN ĐẠI

**Thành phố Phủ Lý là trung tâm hành chính, chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội của tỉnh Hà Nam, nằm ở khu vực phía Nam đồng bằng sông Hồng là một khu vực phát triển năng động nên có nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển đô thị nhanh và hiện đại.**

### Từ chủ trương đến hành động

Nghị quyết 08-NQ/TU ngày 10/9/2021 của Ban thường vụ Tỉnh ủy Hà Nam để ra mục tiêu xây dựng đô thị Phủ Lý phát triển đồng bộ theo hướng tăng trưởng xanh, thông minh và bền vững; kinh tế- xã hội phát triển toàn diện, trong đó phát triển đột phá lĩnh vực thương mại và dịch vụ; phấn đấu đến năm 2030, thành phố Phủ Lý đạt tiêu chí đô thị loại I và trở thành đô thị vệ tinh của Thủ đô Hà Nội.



Các đồng chí lãnh đạo cắt băng khai trương Trung tâm điều hành đô thị thông minh thành phố Phủ Lý (Ảnh: HaNam online)

Để từng bước hiện thực hóa mục tiêu trên, UBND thành phố Phủ Lý đã xây dựng Kế hoạch số 35/KH-UBND để triển khai thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TU của Tỉnh ủy Hà Nam. Theo đó, Thành phố sẽ tập trung thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm, như: Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy Đảng, chính quyền trong việc xây dựng và phát triển đô thị Phủ Lý theo hướng tăng trưởng xanh, thông minh và bền vững; Nâng cao chất lượng công tác quy hoạch, quản lý quy hoạch; Huy động nguồn lực đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật, mở rộng không gian đô thị; Xây dựng đô thị thông minh và xây dựng nếp sống văn minh đô thị gắn với nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước về đô thị; Phát triển thương mại dịch vụ tăng trưởng nhanh, bền vững.

Hiện nay, Thành phố đang tập trung hoàn thành quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết các khu vực chưa có quy hoạch. Chỉ đạo tăng cường công tác quản lý nhà nước về quy hoạch, quản lý quy hoạch, quản lý đầu tư xây dựng, ứng dụng công nghệ số vào quản lý quy hoạch, quản lý đô thị,...

Cơ sở hạ tầng của thành phố Phủ Lý cũng từng bước được xây dựng đồng bộ và ngày càng hoàn chỉnh với nhiều khu đô thị với hạ tầng quy mô, hiện đại như: Khu đô thị mới Nam Lê Chân, Khu đô thị Nam Trần Hưng Đạo, Khu đô thị Đông sông Đáy,... Bên cạnh đó, hệ thống giao thông của thành phố ngày càng được cải thiện, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân phát triển sản xuất, kết nối với các tỉnh lân cận.

Nhằm phát triển thương mại dịch vụ tăng trưởng nhanh, bền vững, thành phố Phủ Lý phối hợp chặt chẽ với các Sở, ngành, địa phương thu hút các nguồn lực đầu tư cho phát triển kết cấu hạ tầng dịch vụ - thương mại; kêu gọi vận động các nguồn lực tư nhân, vốn FDI để đầu tư phát triển thương mại - du lịch, đặc biệt là thu hút đầu tư các chuỗi du lịch nghỉ dưỡng, du lịch sinh thái, vui chơi giải trí, thể thao gắn với bảo tồn phát huy các giá trị văn hoá, văn minh đô thị. Thực hiện có hiệu quả chương trình hành động của UBND tỉnh Hà Nam về cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh giai đoạn 2021 - 2025.

Đến thời điểm này, các khu vực phát triển kinh tế dịch vụ thương mại trên địa bàn thành phố Phủ Lý đã hình thành các vùng rõ nét. Cụ thể, ở khu vực gần cơ sở 2, Bệnh viện Bạch Mai và Việt Đức được quy hoạch thu hút đầu tư các ngành dịch vụ về nghỉ dưỡng, khám chữa bệnh, cung cấp thiết bị y tế; khu vực phía Đông sông Đáy hình thành một chuỗi khách sạn, trung tâm thương mại, khu văn phòng cho thuê; khu vực các phường nội thị khuyến khích nhân dân phát triển dịch vụ thương mại.

Bên cạnh đó, Thành phố đi sâu vào khai thác thế mạnh dịch vụ thương mại, phát triển sản xuất công nghiệp sạch, tạo ra nhiều cơ hội việc làm, bảo đảm các điều kiện sống tốt nhất để thu hút lao động có trình độ kỹ thuật cao, đội ngũ trí thức về sinh sống, làm việc. Thành phố Phủ Lý cũng huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực cho đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật đồng bộ theo quy hoạch đã được phê duyệt.

### **Hướng tới xây dựng đô thị văn minh hiện đại**

Xây dựng đô thị thông minh và xây dựng nếp sống văn minh đô thị gắn với nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước về đô thị là một trong những nội dung quan trọng của Kế hoạch số 35/KH-UBND của thành phố Phủ Lý về triển khai thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TU của Tỉnh ủy Hà Nam.

Thực hiện nội dung trên, thời gian qua, thành phố Phủ Lý luôn chú trọng bố trí và sử dụng hiệu quả các nguồn lực để từng bước đầu tư xây dựng đô thị theo hướng thông minh, trên quan điểm phát triển đồng bộ trong nhiều lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội, thủ tục hành chính công, y tế, giáo dục, trật tự an toàn giao thông, hệ thống chiếu sáng đô thị, quản lý đất đai, hệ thống điện, nước, công tác vệ sinh môi trường...

Được biết, trong giai đoạn 2020 - 2025, Thành phố tập trung đầu tư chỉnh trang, nâng cấp đô thị hiện có; phấn đấu 100% tuyến đường trục chính áp dụng công nghệ hiện đại, thông minh trong hệ thống đèn chiếu sáng công cộng; thay thế, lắp đặt một số cụm đèn báo tín hiệu giao thông cảm ứng thông minh, trong đó hệ thống đèn tín hiệu

hoạt động dựa trên mật độ phương tiện tham gia giao thông trên các tuyến đường, bảo đảm điều chỉnh cho phù hợp, chống được ùn tắc giao thông và bảo đảm trật tự an toàn giao thông.

Đến nay, Thành phố đã thực hiện hiệu quả việc quản lý trật tự an toàn giao thông trên tuyến đường Biên Hòa, Đường Lê Duẩn thông qua hệ thống camera giám sát và hướng tới tiếp tục lắp đặt hệ thống chiếu sáng công cộng tự động trên một số tuyến đường.

Bên cạnh đó, thành phố Phủ Lý còn tập trung áp dụng hiệu quả công nghệ số trong việc điều hành quản lý đô thị, phấn đấu nâng cao hiệu quả tương tác giữa chính quyền, người dân và doanh nghiệp; Tiếp tục chú trọng đầu tư hạ tầng kỹ thuật, phát triển nguồn nhân lực phục vụ quá trình chuyển đổi số; Đào tạo đội ngũ cán bộ, công chức có phẩm chất đạo đức, có trình độ năng lực chuyên môn phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới; Thúc đẩy chuyển đổi xã hội số, trọng tâm là đào tạo, tập huấn, nâng cao kiến thức, kỹ năng về công nghệ số và chuyển đổi số cho người dân và doanh nghiệp.

Ngoài ra, Thành phố thường xuyên đổi mới phương pháp quản lý, điều hành, vận dụng linh hoạt các cơ chế chính sách của Đảng và Nhà nước vào tình hình thực tế của địa phương để xây dựng, quản lý đô thị có hiệu quả. Chỉ đạo các cấp, các ngành của Thành phố tăng cường công tác tuyên truyền, vận động nhân dân nâng cao ý thức chấp hành pháp luật, xây dựng nếp sống văn minh đô thị, xây dựng tổ dân phố, đơn vị, cơ quan, gia đình văn hóa, xây dựng người thành phố văn minh, thanh lịch. Thành phố Phủ Lý cũng chỉ đạo các phường, xã nhân rộng các tuyến phố văn minh, tổ dân phố văn hóa; trong đó chú trọng các khu đô thị mới, các trục đường chính của đô thị, từng bước xây dựng Thành phố theo hướng thông minh và phát triển bền vững./.

**Thành Nam**







# BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TỈNH HÀ NAM: ĐẢM BẢO TIẾN ĐỘ, CHẤT LƯỢNG CÁC DỰ ÁN, NÂNG CAO HIỆU QUẢ CÁC NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ

Với mục tiêu tạo ra sự phát triển nhanh và bền vững, tỉnh Hà Nam đã huy động tổng hợp các nguồn lực tập trung cho xây dựng kết cấu hạ tầng. Nhận nhiệm vụ làm chủ đầu tư các dự án lớn và quan trọng của tỉnh, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Hà Nam đã không ngừng kiện toàn bộ máy, từng bước nâng cao năng lực quản lý, chủ động phối hợp với các sở, ban, ngành địa phương liên quan để triển khai các dự án đúng tiến độ, đảm bảo chất lượng, nâng cao hiệu quả các nguồn vốn đầu tư.

## Nâng cao hiệu quả hoạt động

Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng (QLDA ĐTXD) tỉnh được thành lập tháng 10/2021 trên cơ sở sáp nhập 04 đơn vị, đó là: Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng và công nghiệp, Ban QLDA ĐTXD công trình giao thông, Ban QLDA ĐTXD công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn; Ban quản lý các khu đô thị tỉnh. Việc hợp nhất các đơn vị trong lĩnh vực QLDA sẽ giúp tỉnh nâng cao hiệu quả quản lý dự án do có sự tập trung về nguồn lực song cũng tạo ra thách thức khi Ban vừa phải kiện toàn bố trí, sắp xếp lại bộ máy tổ chức, cán bộ, vừa phải đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu, kế hoạch được giao.

Trong khi đó, công việc quản lý dự án liên quan tới nhiều các Luật, Nghị định, thông tư như Luật Đất đai, Luật Đấu thầu..., các văn bản quy phạm pháp luật này thường có sự thay đổi, bổ sung điều chỉnh, do đó, để quá trình thực hiện nhiệm vụ đảm bảo đúng quy định, quy trình, lãnh đạo Ban QLDA đã chú trọng công tác bồi dưỡng kiến thức về quản lý dự án và năng lực

chuyên môn cho các cán bộ ở Ban. Hằng năm, Ban khuyến khích và tạo điều kiện cử các cán bộ tham gia các khóa đào tạo chuyên sâu về quản lý dự án và hoàn thiện đầy đủ các chứng chỉ hành nghề theo quy định của từng lĩnh vực.

Song song với việc đào tạo, bồi dưỡng tập trung, lãnh đạo Ban cũng yêu cầu mọi cán bộ phải thường xuyên tự học, tự nghiên cứu nâng cao năng lực giải quyết công việc, tạo cho mình thói quen đọc, cập nhật các văn bản pháp luật (từ những nguồn chính thống), tập hợp và sắp xếp được những văn bản theo một trình tự, hệ thống logic, cập nhật những nội dung bổ sung thay đổi của hệ thống các Luật, Nghị định, Thông tư; loại bỏ được những quy định hết hiệu lực, thậm chí xác định được những mâu thuẫn giữa các văn bản pháp luật.

Bên cạnh đó, khi hợp nhất 04 ban quản lý, tổng hợp khối lượng công việc của các đơn vị được giao cũng rất lớn. Vì vậy, ngay từ đầu năm, căn cứ vào nhiệm vụ được giao, Ban đã xây dựng chương trình, kế hoạch công tác chi tiết, cụ thể; đồng thời phân công từng đồng chí trong ban giám đốc phụ trách từng lĩnh vực, từng phòng chuyên môn và trực tiếp chỉ đạo hoạt động các mặt công tác của đơn vị. Khi phân công công việc đối với từng cán bộ, lãnh đạo Ban đều có sự nghiên cứu, sắp xếp cho phù hợp với sở trường và năng lực công tác đúng với chuyên môn đào tạo và chứng chỉ hành nghề.

## Đẩy nhanh tiến độ, đảm bảo chất lượng công trình

Hai năm vừa qua là 2 năm đầu thực hiện kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021 - 2025, song đây cũng là giai đoạn mà tình hình

dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, điều này đã tác động tiêu cực đến việc tổ chức thực hiện các dự án đầu tư xây dựng và công tác giải ngân vốn đầu tư công của tỉnh Hà Nam. Trong đó, ảnh hưởng rõ nét đó là: (i) gián đoạn cung ứng vật tư, vật liệu xây dựng, cấu kiện xây dựng, các máy móc; (ii) thiếu nhân lực phục vụ thi công xây dựng công trình, đặc biệt là các chuyên gia nước ngoài do yêu cầu về cách ly, hạn chế di chuyển; (iii) chi phí đầu tư xây dựng tăng cao do thiếu vật liệu, nhân công, máy móc và thiết bị thi công và những chi phí phát sinh khác; (iv) thời gian thực hiện các hợp đồng bị kéo dài khiến các nhà thầu có tâm lý đình trệ việc thi công.

Đứng trước khó khăn đó, một mặt Ban chỉ đạo các nhà thầu nghiêm chỉnh tuân thủ các phương án phòng chống dịch; đồng thời, Ban cũng chuẩn bị các điều kiện cần thiết, xây dựng phương án để đẩy nhanh tiến độ khi trở lại trạng thái bình thường, an toàn. Theo đó, Ban đã tích cực phối hợp với các Sở, Ngành, báo cáo UBND tỉnh quan tâm tháo gỡ khó khăn về nguồn vốn đầu tư của các dự án; đồng thời kết hợp chặt chẽ với UBND các huyện, các Trung tâm phát triển quỹ đất và các cấp, các ngành có liên quan đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng, giải quyết các tồn tại, bàn giao mặt bằng thi công cho nhà thầu xây lắp. Ngoài ra, Ban bố trí những cán bộ có năng lực theo dõi, giám sát thi công bám sát hiện trường, kết hợp với các đơn vị liên quan để tháo gỡ giải quyết những vướng mắc khó khăn của nhà thầu.

Được sự quan tâm chỉ đạo sát sao của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh; sự phối hợp chặt chẽ có hiệu quả



Nhờ hạ tầng kỹ thuật được đầu tư đồng bộ, Khu du lịch Tam Chúc trở thành điểm sáng về du lịch của Hà Nam với khả năng thu hút 5 đến 10 triệu du khách du lịch mỗi năm

của các sở, ngành và chính quyền địa phương, cùng sự nỗ lực của tập thể cán bộ, viên chức, người lao động, Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Hà Nam đạt được những kết quả đáng khích lệ.

Cụ thể, năm 2022, Ban được giao làm chủ đầu tư 82 dự án, trong đó có 16 dự án đang triển khai. Các dự án thực hiện trong năm đều đảm bảo tiến độ, một số dự án hoàn thành đều đạt chất lượng tốt, đảm bảo các chỉ tiêu thiết kế, kỹ thuật được duyệt. Quá trình nghiệm thu, thanh quyết toán nhanh gọn, đúng chế độ, chính sách, không để xảy ra nợ đọng xây dựng cơ bản.

Quan trọng hơn, các dự án, công trình xây dựng kết cấu hạ tầng sau khi được hoàn thành, nghiệm thu bàn giao để đưa vào khai thác, vận hành đã phát huy tốt hiệu quả, góp phần thay đổi diện mạo trong khu vực, tạo niềm vui tươi phấn khởi cho nhân dân, mở ra cơ hội giao thương, phát triển công nghiệp, du lịch cho các địa phương có dự án triển khai. Nổi bật, có thể kể tới đó là: Dự án ĐTXD công trình hạ tầng kỹ thuật Khu du lịch Tam Chúc, tỉnh Hà Nam hiện nay đã hoàn thành cơ bản các tuyến đường kết nối vào Khu du lịch Tam Chúc, tạo nền tảng thu hút đầu tư vào Khu du lịch Tam Chúc. Dự án tạo đà phát triển kinh tế - xã hội, đưa ngành du lịch của Tỉnh trở thành ngành kinh tế mũi nhọn với khả năng thu hút được từ 5 đến 10 triệu du khách du lịch mỗi năm, góp phần giải quyết việc làm cho 5 - 10 nghìn lao động địa phương.

Hoặc Dự án Đầu tư xây dựng tuyến đường nối từ chùa Ba Sao đến chùa Bái Đính trên địa bàn tỉnh Hà Nam, khi hoàn thành sẽ kết nối các tuyến đường của Dự án đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật Khu du lịch Tam Chúc tạo thành tuyến kết nối liên vùng, kết nối nhiều khu danh lam thắng cảnh, các khu tâm linh của nhiều địa phương. Một dự án đầu tư quan trọng khác là Dự án xây dựng Nút giao Phú Thứ và tuyến đường kết nối tại xã Tiên Hiệp, thành phố Phủ Lý sau khi hoàn thành sẽ trở thành điểm nhấn về không gian kiến trúc cảnh quan khu vực cửa ngõ khu vực phía Bắc thành phố Phủ Lý; đồng thời sẽ tạo thành nút giao trung tâm kết nối các tuyến đường vành đai 5, cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình thúc đẩy phát triển kinh tế khu vực huyện Kim Bảng, phía Bắc thành phố Phủ Lý và phía Nam thị xã Duy Tiên, tạo nguồn lực lớn từ việc khai thác quỹ đất phía Đông đường cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình./.

**T.L**

### **Đảm bảo an toàn và không ngừng phát triển**

Theo ông Nguyễn Văn Tùng - Phó Giám đốc Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Hà Nam, hai năm trở lại đây, trong bối cảnh nền kinh tế nước ta gặp còn nhiều khó khăn, thách thức, song hoạt động của các ngân hàng trên địa bàn tỉnh Hà Nam vẫn có nhiều khởi sắc và đạt được những kết quả đáng trân trọng. Trong đó, công tác đảm bảo an toàn hoạt động được xem là điểm sáng trong hoạt động của các ngân hàng và các quỹ tín dụng nhân dân trên địa bàn tỉnh.

Không chỉ đảm bảo an toàn, các TCTD cũng tăng cường đầu tư vào phát triển mạng lưới, hạ tầng công nghệ để triển khai các dịch vụ ngân hàng đặc biệt là dịch vụ thanh toán; đồng thời đẩy mạnh cung ứng vốn tín dụng góp phần tích cực vào quá trình phát triển kinh tế, xã hội của tỉnh. Bên cạnh đó, các TCTD cũng quan tâm mở rộng mạng lưới, đầu tư cơ sở hạ tầng công nghệ, cung cấp sản phẩm dịch vụ hiện đại đến người dân như: eKYC, livebank, đặt chỗ giao dịch trực tuyến, thanh toán quét mã QR Code, chuyển đổi thẻ từ sang thẻ gắn chip, thẻ không tiếp xúc...

Đối với hoạt động tín dụng, tính đến 31/12/2022, doanh số cho vay lũy kế của các TCTD trên địa bàn đạt 100.543 tỷ đồng; doanh số thu nợ lũy kế đạt 93.119 tỷ đồng; dư nợ đạt hơn 65.000 tỷ đồng, tăng so với đầu năm 12,89%; chất lượng tín dụng của các TCTD được kiểm soát tốt; nợ xấu nội bảng chiếm 1,04% tổng dư nợ (định hướng dưới 3%). Nhìn chung, hoạt động của hệ thống TCTD trên địa bàn góp phần tích cực chuyển dịch cơ cấu kinh tế, xóa đói giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới, hạn chế tình trạng cho vay nặng lãi ở nông thôn.

### **Tháo gỡ khó khăn cho sản xuất, kinh doanh**

Không chỉ hoàn thành các kết quả kinh doanh, các TCTD trên địa bàn còn tham gia tích cực để tháo gỡ khó khăn, hỗ trợ người dân, doanh nghiệp, cùng vượt qua giai đoạn khó khăn trong phát triển kinh tế, thiên tai, dịch bệnh. Trong giai đoạn 2020 - 2021, trước diễn biến phức tạp của dịch Covid-19 và giá cả thị trường tăng cao, công tác chỉ đạo các TCTD luôn được NHNN Chi nhánh Hà Nam hết sức quan tâm chú trọng, vừa đảm bảo triển khai thực hiện các chính sách một cách kịp thời, hiệu quả; đồng thời giúp các TCTD trên địa bàn tăng trưởng được dư nợ, đảm bảo an toàn vốn.

Tuân thủ sự điều hành về lãi suất của NHNN, các TCTD trên địa bàn tỉnh cũng kịp thời điều chỉnh kế hoạch kinh doanh, chỉ tiêu lợi nhuận, tiết giảm chi phí, thậm chí giảm lương, thưởng để tập trung giảm lãi suất cho vay với dư nợ hiện hữu và các khoản cho vay mới. Nhờ vậy, mặt bằng lãi suất cho vay trên địa bàn liên tục giảm trong các năm 2020, 2021 (tương ứng từ 0,8%, 1,5%). Đến cuối năm 2022, mặt bằng lãi suất có cao hơn theo sự điều hành của NHNN Việt Nam nhưng dư nợ cho vay theo các mức lãi suất từ 7 - 11% vẫn chiếm trên 75%, dư nợ cho vay với lãi suất trên 13%/năm chỉ chiếm tỷ trọng 4,36%.





# HÀ NAM: CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG TÍCH CỰC HỖ TRỢ THÁO GỖ KHÓ KHĂN CHO SẢN XUẤT, KINH DOANH



Lễ ký kết thỏa thuận hợp tác triển khai chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp nông thôn giữa Agribank CN Hà Nam II và Hội Nông dân tỉnh Hà Nam

## Ưu tiên nguồn vốn cho phát triển nông nghiệp, nông thôn

Luôn đồng hành với sự phát triển của địa phương, các TCTD trên địa bàn tỉnh cũng dành nguồn vốn ưu đãi cho vay theo các chương trình, dự án để thực hiện các nhiệm vụ chính trị của tỉnh trong nhiệm kỳ này như: Phát triển công nghiệp hỗ trợ, chế biến, chế tạo; tái cơ cấu nông nghiệp; đặc biệt chương trình MTQG giảm nghèo bền vững, chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới. Theo đó, để định hướng cho các TCTD, NHNN Chi nhánh Hà Nam đã xây dựng Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 15-NQ/TU ngày 15/9/2021 của Tỉnh ủy về đẩy mạnh cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới bền vững, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu tỉnh Hà Nam giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.

Nhằm đẩy mạnh hơn nữa cho vay phát triển nông nghiệp, nông thôn, NHNN tỉnh đã chỉ đạo các TCTD chủ động tiếp cận, xem xét cung ứng kịp thời nhu cầu vốn, hỗ trợ phát triển các sản phẩm OCOP; tranh thủ sự hỗ trợ, tạo điều kiện của các cấp chính quyền địa phương để triển khai đồng bộ các giải pháp, phần đầu tăng trưởng tín dụng tốt tại địa bàn các xã trong tỉnh. Gần đây, trong năm 2023, NHNN

Chi nhánh tỉnh Hà Nam cũng đã chủ động phối hợp với Liên minh Hợp tác xã tỉnh triển khai thực hiện nhiệm vụ phát triển, nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong giai đoạn tới; phối hợp trao đổi thông tin về những Hợp tác xã đang hoạt động

Được ví như là “mạch máu” của nền kinh tế, những năm qua, hệ thống các tổ chức tín dụng (TCTD) trên địa bàn tỉnh Hà Nam đã bám sát chỉ đạo của Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước (NHNN) Việt Nam, Tỉnh ủy, UBND tỉnh để triển khai đồng bộ các giải pháp tạo điều kiện thuận lợi cho khách hàng tiếp cận vốn vay, cùng doanh nghiệp vượt qua khó khăn sau đại dịch.

trên địa bàn tỉnh, những khó khăn vướng mắc, đề xuất, kiến nghị của các hợp tác xã trong quan hệ với các TCTD. Trên cơ sở đó, chỉ đạo các tổ chức tín dụng triển khai công tác đầu tư tín dụng, cung ứng các tiện ích, dịch vụ ngân hàng, hỗ trợ phát triển, nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trên địa bàn./.

**Trịnh Long**

## Agribank Chi nhánh Hà Nam II: Vì sứ mệnh phục vụ “Tam nông”

Agribank Chi nhánh Hà Nam II (gọi tắt là Chi nhánh) được thành lập lập từ năm 2019, theo chủ trương điều chỉnh sắp xếp lại mạng lưới chi nhánh, phòng giao dịch của Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT Việt Nam trên địa bàn tỉnh Hà Nam. Từ đó tới nay, Agribank Chi nhánh Hà Nam II giữ vững truyền thống và thế mạnh là ngân hàng tiên phong triển khai nghiêm túc các chương trình tín dụng ưu đãi của Chính phủ, Ngân hàng nhà nước và Agribank nhằm hỗ trợ tối đa cho sự phát triển nông nghiệp của tỉnh Hà Nam như chương trình cho vay theo Nghị định 55 của Chính phủ; Đề án cho vay liên kết bốn nhà Chính quyền - Nhà nông - Doanh nghiệp - Ngân hàng trong việc chăn nuôi bò sữa, chăn nuôi lợn, doanh nghiệp sản xuất thức ăn chăn nuôi;...

Trong nhiều năm liền, cho vay nông nghiệp, nông thôn luôn chiếm trên 70% trong tổng dư nợ của Chi nhánh (cao hơn so với tỷ lệ bình quân chung của cả tỉnh). Các chính sách tín dụng ưu đãi này đã góp phần thúc đẩy sản xuất nông nghiệp hàng hóa tại các địa phương, hỗ trợ việc đổi mới công nghệ trong sản xuất, chế biến, bảo quản nông sản, khuyến khích thu hút doanh nghiệp liên kết người dân để sản xuất theo công nghệ cao và chuỗi giá trị. Nhờ tiếp cận được nguồn tín dụng ưu đãi của Agribank, cùng với sự hỗ trợ hướng dẫn của ngành nông nghiệp, chính quyền địa phương, người nông dân ở huyện Bình Lục, Thanh Liêm... được trang bị kỹ năng tổ chức, quản lý sản xuất, học tập và chuyển giao kỹ thuật khoa học giúp họ sử dụng vốn vay có hiệu quả, góp phần để khu vực nông thôn đổi thay từng ngày.

Năm 2022, Chi nhánh hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ kinh doanh, vượt 6/6 chỉ tiêu kế hoạch. Trong đó, nguồn vốn huy động tiếp tục tăng trưởng ổn định, đạt 8.531 tỷ đồng, chiếm khoảng 13,5% thị phần trên địa bàn tỉnh, cơ cấu nguồn vốn được chuyển dịch theo hướng bền vững, tăng tập trung ở dài kỳ hạn từ 06 đến 12 tháng. Dư nợ tăng trưởng ổn định (sớm ngay từ đầu năm), nguồn vốn cho vay tập trung vào sản xuất kinh doanh trong các lĩnh vực ưu tiên và có mức độ rủi ro thấp.

# HÀ NAM: Y TẾ PHỤC VỤ ĐẮC LỰC CHO PHÁT TRIỂN KINH TẾ VÀ THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU AN SINH XÃ HỘI



Lấy mẫu xét nghiệm covid-19 tại Khu Công nghiệp Đồng Văn 4

**H**à Nam là một trong những tỉnh có diện tích nhỏ nhất cả nước, nhưng mật độ dân số khá cao. Những năm qua, nhờ thực hiện hiệu quả các hoạt động xúc tiến đầu tư, tỉnh đã thu hút được nhiều doanh nghiệp trong và ngoài nước đến xây dựng các cơ sở sản xuất kinh doanh, từ đó cũng thu hút một lượng lớn lao động từ ngoài tỉnh đến sinh sống và làm việc trên địa bàn tỉnh. Do đó, bên cạnh việc tập trung phát triển hạ tầng kinh tế, tỉnh cũng đặc biệt quan tâm đến phát triển hạ tầng xã hội, đặc biệt là y tế để đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe ngày càng cao của người dân, khi mà tốc độ tăng dân số cơ học trên địa bàn tỉnh được dự báo sẽ ngày một tăng cao.

Theo số liệu báo cáo của Sở Y tế Hà Nam, hiện ngành Y tế Hà Nam có 21 đơn vị trực thuộc, trong đó khối khám chữa bệnh là 13 đơn vị, gồm 06 bệnh viện tuyến tỉnh và 06 trung tâm y tế tuyến huyện và 01 bệnh viện đa khoa khu vực với tổng số 2197 giường bệnh ( trong đó 118 giường bệnh thuộc các cơ sở khám, chữa bệnh tư nhân) tương ứng với 25 giường bệnh/ 10 nghìn dân.

Ngoài ra còn có 109 trạm y tế xã, phường, thị trấn thực hiện đồng thời chức năng khám chữa bệnh và y tế dự phòng dưới sự quản lý trực tiếp của trung tâm y tế tuyến huyện.

Những năm qua, nhận được sự quan tâm đầu tư của các cấp, các ngành tỉnh Hà Nam, cơ sở vật chất, trang thiết bị và nhân lực của các đơn vị y tế liên tục được đầu tư phát triển. Cùng với việc đầu tư cơ sở vật chất, các bệnh viện chuyên khoa, đa khoa tuyến tỉnh hàng năm được đầu tư nhiều trang thiết bị hiện đại như: Máy chụp cộng hưởng từ, máy chụp cắt lớp 16 lát cắt, máy can thiệp tim mạch, máy nội soi, siêu âm, xét nghiệm sinh hóa... Các đơn vị y tế tuyến huyện được bổ sung nhiều thiết bị y tế chất lượng từ nguồn kinh phí từ các chương trình dự án như: Dự án Hỗ trợ hệ thống y tế do quỹ Toàn cầu tài trợ; Dự án Hỗ trợ nâng cao năng lực ngành y tế do Liên minh châu Âu tài trợ hay nguồn vốn đầu tư từ vốn trái phiếu Chính phủ... Bên cạnh đó, các trạm y tế xã, phường, thị trấn cũng được bổ sung nhiều trang thiết bị y tế từ nguồn kinh phí đầu tư của ngân sách, nguồn xã hội hóa và các nguồn vốn hợp pháp khác.

Song song với đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị, tỉnh Hà Nam cũng luôn sát sao trong việc chỉ đạo các đơn vị y tế thực hiện các giải pháp để nâng cao chất lượng các dịch vụ y tế. Cụ thể như: Thiết lập hệ thống chuyển tuyến hiệu quả, thực hiện khám chữa bệnh phù hợp theo tuyến chuyên môn; Tăng cường công tác chỉ đạo tuyến và đổi mới việc thực hiện Đề án 1816, chuyển từ hỗ trợ nhân lực

**Những năm qua, tỉnh Hà Nam luôn coi trọng phát triển lĩnh vực y tế để từng bước nâng cao chất lượng bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cho người dân, đồng thời phục vụ cho việc thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế xã hội và thu hút đầu tư của tỉnh.**

sang đào tạo, chuyển giao gói kỹ thuật; Đào tạo và chuyển giao kỹ thuật theo đề án 47, đề án 930. Bên cạnh đó là chỉ đạo các bệnh viện tích cực triển khai quyết liệt Quyết định số 1313 của Bộ Y tế về quy trình khám chữa bệnh; Nâng cao tinh thần trách nhiệm, đạo đức nghề nghiệp của cán bộ y tế. Từng bước thực hiện Bộ tiêu chí đánh giá chất lượng bệnh viện, làm cơ sở để cải tiến chất lượng bệnh viện, cải cách mạnh mẽ trong việc kiểm tra, đánh giá bệnh viện, từ đó làm cơ sở để gắn giá dịch vụ với chất lượng dịch vụ.

Vì vậy, mặc dù nhu cầu khám chữa bệnh của người dân ngày càng tăng cao, mô hình bệnh tật ngày càng phức tạp nhưng các cơ sở y tế luôn hoàn thành nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe cho người dân. Chất lượng khám, chữa bệnh tại các tuyến điều trị tiếp tục được duy trì và nâng cao. Các quy chế về chuyên môn được thực hiện nghiêm túc; công tác chăm sóc sức khỏe toàn diện người bệnh được chú trọng; tinh thần thái độ phục vụ người bệnh được nâng cao.

Đặc biệt, Bệnh viện Đa khoa tỉnh đã triển khai được nhiều kỹ thuật mới như: Các kỹ thuật về can thiệp tim mạch, MRI, CT-Scanner 128 dãy, lọc máy liên tục, tách huyết tương, phẫu thuật nội soi... qua đó giúp người bệnh



được thụ hưởng những phương pháp điều trị tiên tiến, hạn chế chuyển tuyến và kịp thời cứu sống nhiều bệnh nhân nặng, nguy kịch.

Bên cạnh mạng lưới y tế công lập, những năm gần đây, mạng lưới các đơn vị y tế tư nhân trên địa bàn tỉnh Hà Nam cũng phát triển mạnh mẽ, hiện nay toàn tỉnh có 353 cơ sở khám chữa bệnh tư nhân, với 118 giường bệnh. Các đơn vị y tế tư nhân đã chia sẻ một phần gánh nặng cho hệ thống y tế công lập, góp phần vào việc nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe cho người dân trên địa bàn tỉnh.



Siêu âm màu 4D tại Bệnh viện Đa khoa Hà Nam

Trong lĩnh vực y tế dự phòng, Hà Nam cũng là tỉnh triển khai khá hiệu quả công tác phòng chống dịch bệnh nói chung và đặc biệt là dịch Covid-19 nói riêng. Hà Nam là tỉnh có mật độ dân số cao, di biến động dân cư lớn, công nghiệp phát triển nên cũng tiềm ẩn nhiều nguy cơ truyền nhiễm và bùng phát dịch bệnh. Tuy nhiên do làm tốt công tác dự báo, phòng ngừa và nắm bắt tình hình dịch bệnh, tỉnh Hà Nam đã kiểm soát hiệu quả các dịch bệnh truyền nhiễm, không để dịch bệnh lan rộng, đặc biệt là tại các khu, cụm công nghiệp và khu đông dân cư. Điển hình như trong phòng chống dịch Covid-19, số ca mắc và tử vong trên địa bàn tỉnh Hà Nam thấp hơn nhiều so với trung bình của cả nước. Nhờ làm tốt công tác phòng chống dịch đã hạn chế tối đa những tác động tiêu cực đến người dân và doanh nghiệp.

Sự phát triển của lĩnh vực y tế đã giúp tỉnh Hà Nam thực hiện hiệu quả các mục tiêu chăm sóc sức khỏe cộng đồng, bảo vệ lực lượng lao động của tỉnh, tạo sự yên tâm cho các doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh, qua đó góp phần vào việc nâng cao sức cạnh tranh trong thu hút đầu tư của tỉnh, hỗ trợ đắc lực vào quá trình phát triển kinh tế - xã hội./.

**Minh Châu**

## BỆNH VIỆN Y HỌC CỔ TRUYỀN HÀ NAM: VƯỢT KHÓ ĐỂ PHÁT TRIỂN

Những năm qua, mặc dù còn gặp nhiều khó khăn, nhưng Bệnh viện Y học Cổ truyền (YHCT) tỉnh Hà Nam luôn tích cực thực hiện các giải pháp để nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh, góp phần tích cực vào công tác chăm sóc, bảo vệ sức khỏe nhân dân, từng bước khẳng định tính hiệu quả trong điều trị bệnh bằng phương pháp YHCT.

**B**ệnh viện YHCT Hà Nam đã triển khai nhiều hoạt động nhằm nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe cho nhân dân. Trong đó, Bệnh viện tập trung cải tạo cơ sở khang trang, sạch đẹp. Bên cạnh đó, Bệnh viện đã đầu tư mua sắm nhiều trang thiết bị hiện đại như: Máy xét nghiệm sinh hoá máu tự động, máy tán sỏi ngoài cơ thể, máy siêu âm màu 4D, máy Laser nội mạch, máy chụp X-quang kỹ thuật số, máy nội soi dạ dày tá tràng,... Qua đó, đã giúp các y, bác sĩ chẩn đoán nhanh, chính xác về tình hình bệnh của bệnh nhân và đưa ra các phác đồ điều trị phù hợp nhất với từng người bệnh.

Xác định nhân lực là yếu tố then chốt để nâng cao chất lượng khám chữa bệnh, cũng như sự phát triển bền vững của Bệnh viện, nên cùng với đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị, Bệnh viện YHCT Hà Nam đặc biệt quan tâm đến công tác đào tạo nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ y tế. Bệnh viện đã xây dựng kế hoạch đào tạo chung trên cơ sở yêu cầu và hướng phát triển của đơn vị, triển khai thực hiện



công tác đào tạo theo kế hoạch đã xây dựng. Tiếp tục thực hiện các nội dung đào tạo đại học và sau đại học cho cán bộ y tế, đồng thời cử nhiều cán bộ tham gia các khóa, lớp đào tạo ngắn ngày tại các bệnh viện Trung ương.

Cùng với tập trung đào tạo, Bệnh viện cũng luôn tích cực ứng dụng nhiều tiến bộ khoa học kỹ thuật vào khám, chữa bệnh. Với những trang thiết bị hiện đại, như: Máy siêu âm; xét nghiệm sinh hóa máu, nước tiểu; X-quang; nội soi dạ dày tá tràng; nội soi tai mũi họng; các máy vật lý trị liệu phục hồi chức năng; tán sỏi ngoài cơ thể... Bệnh viện đã kết hợp hiệu quả y học cổ truyền và y học hiện đại trong điều trị cho bệnh nhân. Ngoài việc duy trì các kỹ thuật thường quy, Bệnh viện cũng phát triển bền vững các kỹ thuật mới. Đặc biệt, một số kỹ thuật có tính chiến lược, mũi nhọn của Bệnh viện như: Điện mẫn châm, điện trường châm, xoa bóp bấm huyệt, tác động cột sống, cấy chỉ... kết hợp với vật lý trị liệu, phục hồi chức năng như: Điện xung, điện phân, sóng ngắn, Laser nội mạch, siêu âm, bó Paraphin... đã thu hút bệnh nhân đến khám và điều trị ngày một đông. Nhiều ca bệnh nặng

từ các tuyến chuyển về Bệnh viện đã được điều trị đạt hiệu quả tốt.

Để nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh, bên cạnh những giải pháp về chuyên môn, Bệnh viện YHCT Hà Nam cũng luôn tăng cường các hoạt động nhằm đổi mới phong cách, thái độ phục vụ của cán bộ y tế hướng tới sự hài lòng của người bệnh. Các nội dung “Đổi mới phong cách, thái độ phục vụ của cán bộ y tế hướng tới sự hài lòng của người bệnh” luôn được Bệnh viện tuyên truyền, phổ biến thường xuyên đến toàn thể cán bộ y tế và người lao động; việc tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch đổi mới phong cách, thái độ phục vụ được duy trì thành nền nếp. Các cán bộ, y, bác sỹ đều xây dựng kỹ năng giao tiếp, ứng xử chuẩn mực, thân thiết khi tiếp xúc với người bệnh. Qua đó đã thay đổi nhận thức, thái độ, phong cách phục vụ người bệnh của cán bộ y tế, rèn luyện kỹ năng giao tiếp, ứng xử, nâng cao tinh thần, thái độ phục vụ, củng cố niềm tin và sự hài lòng của người bệnh.

Ngoài ra, Bệnh viện cũng thực hiện nghiêm các quy chế chuyên môn, công tác chăm sóc người bệnh toàn diện được chú trọng; quan tâm cải tiến chất lượng

bệnh viện; tích cực ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý khám, chữa bệnh và quản lý bệnh viện. Những năm qua, bệnh viện không để xảy ra sai sót lớn về chuyên môn, kỹ thuật. Số lượng lượt người đến khám, chữa bệnh ngày càng tăng, năm sau cao hơn năm trước.

Năm 2022 dù có nhiều khó khăn do dịch Covid-19 bùng phát những tháng đầu năm, thiếu thuốc bảo hiểm y tế, nhưng có 5/8 chỉ tiêu trong khám, chữa bệnh của Bệnh viện vẫn đạt và vượt kế hoạch. Cụ thể, chỉ tiêu giường bệnh đạt 100%, số lần khám bệnh 61.441 lần, đạt 117%; tổng số xét nghiệm 38.657 ca, đạt 115%; tổng số siêu âm đạt 13.482 ca, đạt 101%; tổng số chụp X-Quang 11.989 ca, đạt 118%. Bệnh viện là một trong số ít đơn vị từ khi thực hiện tự chủ hàng năm đều bảo đảm quỹ lương và đã trích được các quỹ thu nhập tăng thêm, khen thưởng, quỹ phát triển sự nghiệp và quỹ phúc lợi.

Với những đóng góp tích cực vào việc chăm sóc và bảo vệ sức khỏe người dân, nhiều lượt tập thể, cán bộ, y, bác sỹ của Bệnh viện được khen thưởng qua các năm. Năm 2022, 100% cán bộ, y, bác sỹ của Bệnh viện đều hoàn thành nhiệm vụ, trong đó 78/85 cá nhân đạt danh hiệu lao động tiên tiến, 13 cá nhân đạt danh hiệu Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở, 1 tập thể được Chủ tịch UBND tỉnh tặng Bằng khen; 3 tập thể đạt Tập thể xuất sắc, 8 khoa phòng đạt Tập thể lao động tiên tiến, 13 cá nhân, 4 tập thể được Sở Y tế tặng Giấy khen. Bệnh viện Y học cổ truyền Hà Nam luôn được đánh giá là một trong những tập thể điển hình của ngành Y tế tỉnh trong học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh./.

**Minh Hùng**



Quầy tiếp đón và hướng dẫn bệnh nhân tại Bệnh viện YHCT Hà Nam  
(Ảnh: HàNam online)

## CON SỐ & SỰ KIỆN

Tạp chí của Tổng cục Thống kê ISSN 2734-9136. Số kỳ II - 4/2023 (644) Ra hàng tháng. Năm thứ 62  
Phó Tổng biên tập phụ trách: BÙI BÍCH THỦY - Phó Tổng biên tập: NGUYỄN THỊ PHƯƠNG LAN  
Tòa soạn: 54 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội ĐT: (84-24) 37344920 - 37344970 - 37344971  
Fax: 84-24-37344969 Email: consosukien@gso.gov.vn  
Giấy phép xuất bản số 340/GP-BTTTT ngày 09/6/2021. Số lượng in: 1.200 bản  
In tại Công ty TNHH In ấn Đa sắc  
Ấn phẩm được phát hành qua ngành Bưu điện. Độc giả đặt mua tại các Bưu điện trong cả nước.

# TRONG SỐ NÀY

## HOẠT ĐỘNG TRONG NGÀNH

- Tổng cục Thống kê thông báo Quyết định của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc điều động, bổ nhiệm Phó Tổng cục trưởng
- Tổng cục Thống kê giao ban triển khai các dự án xây dựng cơ bản đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025
- Hội thảo lần 2 góp ý dự thảo Khung theo dõi, đánh giá thực hiện Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045
- Điều tra doanh nghiệp năm 2023 đo lường "sức khỏe" nền kinh tế
- Hướng dẫn kê khai thông tin Điều tra doanh nghiệp năm 2023
- Hải Phòng: Thực hiện thành công điều tra doanh nghiệp năm 2023

Hoàng Xuân An

## KINH TẾ - XÃ HỘI

- Động lực đóng góp chính cho tăng trưởng GDP quý I và giải pháp thực hiện mục tiêu tăng trưởng cả năm 2023  
Nguyễn Thị Mai Hạnh
- Sản xuất công nghiệp Quý I/2023 giảm so cùng kỳ năm 2022  
Phí Thị Hương Nga
- Nỗ lực đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia  
TS. Nguyễn Thị Thanh Hương - ThS. Lê Thị Thùy Chinh
- Xuất khẩu gạo trong năm 2023: Nhiều triển vọng tích cực  
ThS. Đỗ Thị Thúy - TS. Ngô Thị Minh
- Đời sống của hộ dân cư trong quý đầu năm 2023 vẫn duy trì ổn định  
Phạm Thị Quỳnh Lợi
- Tình hình lao động việc làm quý I năm 2023
- Thách thức bảo vệ tài nguyên nước tại Việt Nam  
Thu Hòa
- Tin địa phương

## NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

- Ảnh hưởng của chuyển dịch cơ cấu lao động tới tăng trưởng năng suất lao động xã hội của Việt Nam giai đoạn 2016-2021  
Trần Thị Thanh Hương
- Thu hút vốn đầu tư trực tiếp từ nước ngoài vào Việt Nam những thách thức đặt ra  
TS. Nguyễn Thị Thúy
- Nghiên cứu, hoàn thiện nguồn thông tin và phương pháp tính giá trị sản xuất hoạt động dịch vụ nông nghiệp  
Đỗ Thị Thu Hà - Lê Thị Tuyết Nhung

## QUỐC TẾ

- Liệu hiệu ứng domino có diễn ra với ngành ngân hàng Mỹ?

Bích Ngọc

## BẮC NINH - HỘI NHẬP VÀ PHÁT TRIỂN

- Khát vọng phát triển vươn tầm của Hà Nam  
Nguyễn Văn Lương
- Hà Nam: Phát triển đô thị Phủ Lý văn minh hiện đại  
Thành Nam
- Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Hà Nam: Đảm bảo tiến độ, chất lượng các dự án, nâng cao hiệu quả các nguồn vốn đầu tư  
T.L
- Hà Nam: Các tổ chức tín dụng tích cực hỗ trợ tháo gỡ khó khăn cho sản xuất, kinh doanh  
Trịnh Long
- Hà Nam: Y tế phục vụ đặc lực cho phát triển kinh tế và thực hiện các mục tiêu an sinh xã hội  
Minh Châu
- Bệnh viện Y học Cổ truyền Hà Nam: Vượt khó để phát triển

Minh Hùng

Giá: 27.000 đ

# CHI CỤC HẢI QUAN HÀ NAM: HƯỚNG TỚI SỰ HÀI LÒNG CỦA DOANH NGHIỆP



Ông Lê Việt Thắng - Chi cục trưởng  
Chi cục Hải quan Hà Nam

Xác định mối quan hệ giữa doanh nghiệp - hải quan là đối tác hợp tác lâu dài, những năm qua, Chi cục Hải Quan Hà Nam đã triển khai đồng bộ các giải pháp, trong đó, trọng tâm là việc cải cách thủ tục hành chính, đẩy mạnh chuyển đổi số, nâng cao chất lượng hiệu quả các hoạt động nghiệp vụ, tạo thuận các hoạt động xuất nhập khẩu. Nhờ vậy, Chi cục Hải quan Hà Nam không chỉ nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước trên địa bàn mà còn góp phần tạo ra môi trường kinh doanh thông thoáng.

**H**ai năm vừa qua, trong bối cảnh hoạt động xuất nhập khẩu hàng hoá của các doanh nghiệp trên cả nước nói chung và tỉnh Hà Nam nói riêng chịu nhiều tác động xấu, tuy nhiên được sự quan tâm, chỉ đạo sát sao của Tỉnh uỷ, HĐND, UBND tỉnh Hà Nam, Đảng uỷ, Lãnh đạo Cục Hải quan Hà Nam Ninh; sự phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ của các Sở, ban ngành tỉnh Hà Nam, Chi cục Hải quan Hà Nam đã triển khai đồng bộ, linh hoạt các giải pháp hỗ trợ, đảm bảo thông quan hàng hóa xuất nhập khẩu được nhanh chóng, thuận lợi.

Cụ thể, Chi cục đã triển khai đầy đủ, có hiệu quả phần mềm thông quan tự động, Đề án nộp thuế điện tử và thông quan 24/7 và các phần mềm ứng dụng khác của Ngành Hải quan trong thực hiện thủ tục hải quan, nộp thuế. Kết quả: 100% tờ khai phát sinh tại đơn vị được thực hiện bằng phương thức điện tử, trong đó khoảng 85% tờ khai được hệ thống phân luồng xanh với thời gian thông quan từ 01- 03 giây; các thủ tục hành chính mức độ 3, mức độ 4 được thực hiện bằng hình thức dịch vụ công trực tuyến; thực hiện đầy đủ các thủ tục hành chính có liên quan trên hệ thống một cửa ASEAN, một cửa quốc gia, nhất là các thủ tục có liên quan đến các Bộ, ngành khác.

Bên cạnh đó, công tác thông tin tuyên truyền, hướng dẫn thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật được Chi cục đặc biệt chú trọng. Hằng năm, dưới sự chủ trì, chỉ đạo của Cục Hải quan Hà Nam Ninh, Chi cục đã tổ chức Hội nghị đối thoại với cộng đồng doanh nghiệp về hoạt động xuất nhập khẩu trên địa bàn nhằm phổ biến chính sách pháp luật, các quy định mới liên quan đến hoạt động hải quan, xuất nhập khẩu; đồng thời giải đáp vướng mắc phát sinh, thống nhất cách hiểu và thực hiện giữa cơ quan hải quan và doanh nghiệp, từ đó tạo niềm tin đối với cộng đồng doanh nghiệp.

Xác định cán bộ là gốc của mọi công việc, lãnh đạo Chi cục Hải quan Hà Nam yêu cầu cán bộ công chức thực hiện nghiêm túc văn hoá văn minh công sở, có thái độ hoà nhã, tận tình khi tiếp xúc doanh nghiệp, luôn coi doanh nghiệp là đối tác hợp tác, đồng hành cùng doanh nghiệp, nỗ lực giảm thời gian, giảm chi phí tối đa cho doanh nghiệp khi thực hiện thủ tục hành chính tại đơn vị, xác định phương châm làm việc là “hết việc chứ không hết giờ”.

Nhờ triển khai đồng bộ các giải pháp, ngày càng thu hút thêm các doanh nghiệp đến mở tờ khai và làm thủ tục tại đơn vị góp phần

tăng nguồn thu về địa phương. Cụ thể, năm 2022 có 1.180 doanh nghiệp làm thủ tục xuất nhập khẩu tại Chi cục (tăng gần 3% so với năm 2021) với 239.781 tờ khai được thực hiện (tăng 9% so với năm 2021), kim ngạch xuất nhập khẩu đạt 12,191 tỷ USD (tăng gần 30% so với năm 2021), tuy nhiên, số thu ngân sách nhà nước chỉ đạt 1.738 tỷ đồng, bằng 96,8% chỉ tiêu được giao.

Không chỉ hoàn thành tốt các mặt nhiệm vụ, Chi cục Hải quan Hà Nam còn tích cực tham gia các phong trào đền ơn đáp nghĩa, uống nước nhớ nguồn, tri ân các gia đình có công với cách mạng, thương bệnh binh, gia đình liệt sỹ nhân các ngày lễ lớn trong năm do Cục Hải quan Hà Nam Ninh và các cơ quan ban ngành của tỉnh Hà Nam tổ chức như: Đặt vòng hoa, dâng hương tưởng niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh và các anh hùng liệt sỹ tại Đền thờ liệt sỹ tỉnh Ninh Bình và Nghĩa trang Liệt sỹ phường Liêm Chính, Phủ Lý, Hà Nam; thăm và tặng quà tri ân 20 gia đình chính sách có liệt sỹ, thương bệnh binh nhân kỷ niệm ngày 27-7 tại xã Gia Minh, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình, tham gia quyên góp ủng hộ xây dựng công trình thanh niên tại đảo Trường Sa, tham gia hiến máu nhân đạo...

**Đình Đình**